

Các pháp từ xưa nay  
Tánh tướng thường vắng lặng  
Phật tử siêng hành đạo  
Rồi sẽ được thành Phật



# **PHI LỘ**

Tập thơ Như Huyễn Thiên sư, gọi là Thơ. Thế nhưng, thâm ý của Thiên sư Như Huyễn thì nó chẳng thơ chẳng thi gì ráo. Bởi vì tự có cái nhãn hiệu “Thiền sư” rồi mà còn chê, muốn đòi thêm chức danh “thi nhân, thi sĩ” nữa sao!

Lạy Phật ! con không dám ạ!

Gọi Tập Thơ, với Thiên sư Như Huyễn, nó chỉ là một duyên cớ, một dữ liệu vốn có trong đầu của Thiên sư và trong tam tạng kinh điển của đạo Phật. Nếu không nói, không viết, không phô bày thì kho tàng giáo lý Phật chẳng ai được nhờ cậy lợi ích chút nào!

Như Huyễn Thiên sư viết thơ, làm thành tập thơ là Thiên sư đóng vai trò người moi bóc, rạch xé, lượm hốt...chút ít thực phẩm thơm ngon trong kho tàng giáo lý đồ sộ của đạo Phật, đem ra làm quà tết Mậu Tý cho những ai là đệ tử Phật

hữu duyên. Đây là một cách “chơi” trong nhiều cách của Thiền sư Như Huyền.

Lại có thơ rằng :

*Đường đời nhiều nẻo lầm long dong  
Không có không không, có cũng  
không*

*Pháp lữ hỏi : Huynh “răng đứng nó”?*

*Xin đáp : “Đời tôi độc có **chơi**”!*

Thế đấy. Thơ hay, thơ dở, luật, niêm, bình, trắc, thể, cách, âm điệu... không cần bàn. Tất cả cái ấy Thiền sư Như Huyền tập hợp lại thành một trò chơi NHƯ HUYỄN, vậy thôi.

Thế cho nên, chẳng xin ai “lượng tình” “phủ chính” hay “tha thứ” gì ráo.

Chơi mà !

“Bye-bye”

Liễu Liễu Đường  
Đôi Tà Dương  
03 giờ khuya, 30 tết Mậu Tý  
06 – 02 – 2008

## TIỂU DẪN

Như đã giới thiệu, Như Huyền Thiên Sư Thi Tập gọi là thơ mà chẳng thi chẳng thơ gì ráo. Bởi lẽ, nếu xem đọc bằng nhãm quan nhận thức của một văn nghệ sĩ, thì khó tìm thấy có hồn thơ mong muốn của thi nhân. Bởi thơ thì phải có “hồn thơ lai láng bồi hồi”!

Thơ của Như Huyền Thiên Sư “có một pháp lữ thuộc thành phần có tư tưởng tu chơi” cường điệu gọi là Thiên Thơ nghe như cũng có lý. Bởi lẽ thơ của Như Huyền Thiên Sư đã không “hồn thơ” rồi, mà không **Thiên** thì rõ là “chẳng thi chẳng thơ gì ráo”!

Nói cách khác, thơ của Như Huyền Thiên Sư chỉ là một duyên cớ, một thứ dữ liệu, đề tài để Thiên Sư thể hiện một kiểu chơi: **Hướng Dẫn Tu Học Từ Xa** cho Phật tử hữu duyên, cho Tăng Ni trẻ “chịu chơi” theo con đường **Tu hành Như Huyền**.

Thơ của Như Huyền Thiên Sư công dụng của nó hướng thẳng vào hai mục tiêu : **Tội Tà, Phụ Chánh** mà kinh điển Phật và các tiền bối chân chính thường động viên, cổ xúy trong giới tu sĩ Tăng Ni.

Nhắm vào mục đích đó, và đó là trọng tâm là ý chí Như Huyền Thiên Sư đã gửi gắm trong tập

thơ. Ngoài hai cách Tồi Tà, Phụ Chánh chơi còn một cách chơi “trung đạo” cũng được gửi gắm trong tập thơ này.

Trung đạo nghĩa là không công phá đánh đổ mạnh mẽ tín dị đoan, huyền hoặc hoang đường cũng không xây dựng chỉ rõ nhiều bên mặt xiển dương chánh pháp, tục diệm, truyền đăng. Thơ trung đạo gần gần giống thơ mà những người không cảm tình với thơ gọi là: “ngâm phong vịnh nguyệt” hoặc “khóc mướn thương vay”! Do lý lẽ như vậy, thành ra tập thơ của Như Huyền Thiền Sư có ba chương:

1. CHƯƠNG PHỤ CHÁNH
2. CHƯƠNG TỒI TÀ
3. CHƯƠNG SÁCH TẤN

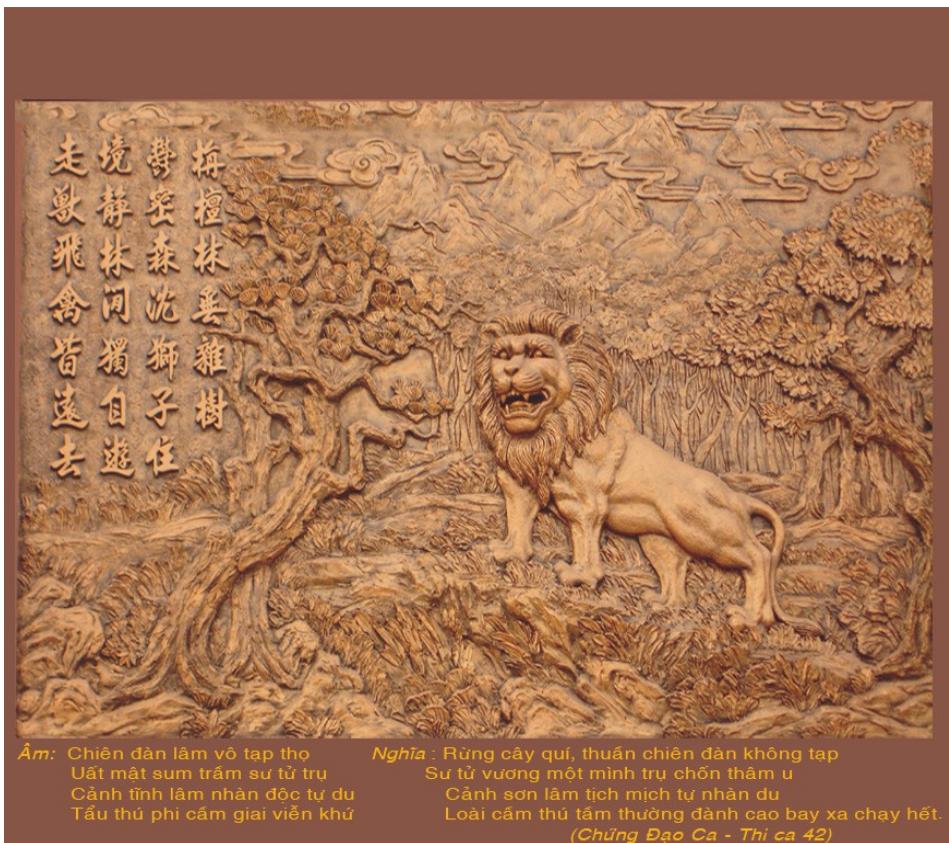
Nói nghe như nhiều chuyện lòng vòng nhưng rút lại xin thưa: Tất cả đều là CHƠI hết. Xin đừng ai xem thật, vì xem đây là thật thì có bận lòng... Hãy mở toan cửa lòng thoáng mát mà xem, Thiền Thơ sẽ nở trước mắt bạn nhiều bông hoa hương sắc.

Kính bút

Như Huyền Thiền Sư viết tại Liễu Liễu Đường  
Đồi Tà Dương, Cao Nguyên Lâm Đồng Đà Lạt

Ngày 24 - 7 - 2008

22 - 6 - Mậu Tý



## Phần I: PHỤ CHÁNH



## Tham Thiền 1

### **Câu đối I: LIỄU LIỄU ĐƯỜNG**

了 達 人 空 喜 樂 世 情 常 受 用

了 知 無 法 泥 汚 當 處 莫 推 求

#### **Phiên âm:**

Liễu đạt nhơn không hỷ lạc thế tình thường thọ dụng  
Liễu tri vô pháp nê hoàn đương xứ mạc suy cầu.

#### **Dịch nghĩa:**

Người hành đạo trước tiên rõ biết :

Quán “nhơn không” đích thật tu hành

Ai người hiểu kỹ “vô nhơn”

Là người thọ hưởng an nhiên cõi đời!

Thêm bước nữa quán sâu “vô pháp”

Nhận rõ rằng vạn hữu là “vô”

Tâm không cảnh lặng như tờ

Niết bàn là đó, khởi chờ không mong.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Con người có khổ do chấp thủ. Chấp thủ nặng nhất của con người là chấp ngã. Đức Phật Thích Ca khi sanh ra, vừa lọt lòng mẹ đã biết điều đó. Kinh sách Phật học chép rằng: Hài nhi Hoàng tử bước bảy bước, mỗi bước có hoa sen, Hoàng tử hài nhi tay chỉ lên, tay chỉ xuống tuyên bố: Thiên thượng thiên hạ duy ngã độc tôn. Có nghĩa là: Hướng lên gọi là trời, dưới trời gọi là người đang sống trên mặt địa cầu đều quí bẩn ngã, chấp ngã một cách nặng sâu tột cùng các chấp. Ai là đệ tử Phật, có học tu, có tham thiền quán chiếu đều thấy rõ sự thật đó. Con người duy ngã tôn trọng cái **ta** dữ lắm! Không có cái duy nào bằng duy ngã. Tôi, ta, trẫm ... là đại danh từ biểu hiện cụ thể tánh và chất duy ngã của nhân loại.

Hoàng tử Tất Đạt Đa lớn lên xuất gia tầm đạo, tu hành và kết quả thành bậc Chánh Giác Vô Thượng, Người ứng dụng trí tuệ giác ngộ và giải thoát, thực hiện chương trình **Giác tha** và **Giác hạnh** mà chính mình đã phát họa ngay lúc sơ sinh.

“Duy ngã độc tôn” là bản chất thân ngũ ấm của con người thiên thượng thiên hạ, mà hài nhi Tất Đạt Đa đã chỉ và tuyên bố.

Vũ trụ bao la hài nhi hoàng tử cho biết rằng: ngay dưới bảy bước đi của ta qua bảy bông sen tượng trưng bảy thứ đại, Địa đại, Thủy đại, Hỏa đại, Phong đại, Không đại, Kiến đại và Thức đại. Bảy đại đó tác động tương quan duyên khởi hình thành hiện tượng sự vật, đạo Phật gọi là vạn pháp. Vạn pháp là sản phẩm duyên sanh từ con số 7 ấy. Từ ngũ ấm thân, con người khởi ý niệm chấp thủ gọi là ngã chấp. Từ thất đại duyên sanh, hợp thành đối tượng chấp thủ gọi là pháp chấp. Ngã chấp tức là chấp thủ bản ngã, chấp **ta đây**. Pháp chấp, tức là chấp thủ giang san, diền địa, gia sản, chức vị **của ta đây**. Kinh điển Phật gọi hai thứ chấp đó là **chấp ngã** và **chấp pháp**. Chấp ngã và chấp pháp là nền móng căn nguyên sanh ra các khổ:

- Khổ khổ
- Hành khổ
- Hoại khổ
  - Sanh khổ
  - Lão khổ
  - Bệnh khổ,
  - Tử khổ

- Ái biệt ly khổ
- Oán tǎng hội khổ
- Câu bất đắc khổ
- Ngũ ấm xí thanh khổ.

Thế cho nên, sau khi được thọ dụng quả Bồ đề và Niết bàn Vô thượng, mở màn chương trình thuyết giáo độ sanh đức Phật triển khai chân lý Tứ Diệu Đế, mà **khổ đế** được Thế Tôn dạy rõ trước tiên vì đó là những thứ bức bách, đọa dày, hành hạ đau đớn khủng khiếp nhất kiếp sống của mọi con người. Truy nguyên nguồn gốc khổ, rõ ra nó là ý niệm chấp ngã và chấp pháp của con người ngũ ấm ấy chớ chẳng ở đâu đem đến!

Liễu Liễu Đường là tên gọi giống như tên một cơ quan, một công ty, một am, thất, chùa chiền. Bảng tên có ba chữ mà hai chữ trùng nhau. Đó là dụng ý chỉ rõ và nhắc nhở ai ở nơi đây tu học, thường tự nhắc nhở tinh thức rằng: hãy hiểu rõ nhận thức kỹ về **nhơn không**, tấm thân ngũ ấm vô ngã chẳng có gì là chắc thật, nó mục bở, vô thường. Hãy tinh thức và luôn luôn quán chiếu hiện tượng vạn hữu chỉ là pháp “**vô**” không có gì, là thứ duyên sanh như mộng huyền. Tư duy quán chiếu như vậy thường xuyên liên tục, đạo Phật gọi đó là **Thiền**. Làm được

vậy, tự mình là Thiên giả, Thiên sinh, Thiên sư. Ai tu tập thiền như thế, người đó đương nhiên tự thọ dụng được “sự mừng vui hạnh phúc trên cõi đời” người đó cũng thọ dụng “sự an lạc giải thoát Niết bàn bất cứ chỗ nào” mà không cần tìm kiếm, mong cầu!

“Viết gì cũng không trúng hết, là trúng”

## Tham Thiền 2

### Câu đối II: LIỄU LIỄU ĐƯỜNG

了徹三無忽聽鳥語蟬鳴皆道理

了明七大直觀霜投葉落是慄嚴

#### Phiên âm:

Liễu triệt tam vô hốt thính điểu ngữ thiền minh  
giai đạo lý

Liễu tri thất đại trực quan sương đầu diệp lạc  
thị Lăng nghiêm

#### Dịch nghĩa:

Quán vô tướng quán không, vô nguyện

Đạt “Tam vô” Phật hiện trần gian

Vé kêu chim hót điệu đàn

Hòa âm thiền nhạc cúng dàng Pháp thân

Rõ thất đại sắc không, không sắc

Vọng duyên không thực tánh cũng không

Sương rơi lá rụng hoa tàn

Là duyên, đối tượng gợi lòng Thiền na.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tam vô và Thất đại là cơ sở giáo lý kiên cố hàng đầu. Tất cả giáo lý gồm hết tam tạng, dù nguy nga tráng lệ đến bậc nào đều được xem là thượng tầng kiến trúc phải xây dựng trên nền móng Tam vô Thất đại ấy.

TAM VÔ là:

- ❖ Vô tác
- ❖ Vô tướng
- ❖ Vô nguyện

Toàn bộ kinh điển giáo lý đạo Phật dạy rằng: Sự vật, hiện tượng đạo Phật gọi chung là **Vạn pháp**, ngàn sai muôn khác, thiên hình vạn trạng được hình thành từ nhân duyên sanh. Nhân duyên và nhân duyên trùng trùng vô tận tương sinh, tương quan, tương tác, tương thành. Giáo lý đạo Phật khác với nhận thức thông thường của một số người, cũng có khác với một số triết lý cổ, một số tín ngưỡng tôn giáo. Với nhãm quang và nhận thức của Phật giáo, vữ

trụ nhân sinh không có tác giả, không có ai làm ra, không ai sáng tạo, không ai chủ nguyện, không hàn hối tiếp sức để sanh ra, mà là nhân duyên sanh. Hiểu và lập luận như thế, cho nên đạo Phật chỉ ra rằng: Hiện tượng vạn pháp không có tác giả. Giáo lý nhân duyên sanh đơn cử ví dụ: Đất nhân, nước duyên. Đất nước nhân, thảo mộc duyên. Đất nước thảo mộc nhân, ngũ cốc ngũ quả duyên. Đất nước thảo mộc ngũ cốc ngũ quả nhân, động vật duyên .v.v.... Do cái này có nên cái kia có. Do cái này cái kia có, cái nọ có ra. Chẳng có ông gì, bà gì, con nào, thằng nào tác giả vũ trụ nhơn sanh cả. Tự do tín ngưỡng theo đạo Phật, lập trường, tôn chỉ, chủ trương của đạo Phật là vô tác.

Vì là vô tác, vì là nhân duyên sanh cho nên pháp hay sự vật không tự thể chân thật. Vì không tự thể chân thật cho nên tướng hiện có của hiện tượng sự vật không thật, tướng ấy chỉ là giả tướng, tướng huyền mộng, tướng bào ảnh lô nhô, thấp thoáng mà thôi.

Đệ tử Phật chân chính, có học đạo, hành đạo, chứng đắc chân lý đạo, người đó tuyệt đối không nguyện cầu, mong ước bất cứ một đối tượng nào, kể cả Cực lạc, Niết bàn, hay gấp gỡ chư Phật ở muời phương

## Thất đại là:

Địa đại  
 Thủy đại  
 Hỏa đại  
 Phong đại  
 Không đại  
 Kiến đại  
 Thức đại.

Bản thể chân như, kinh sách Phật thường đề cập, tự nó không là gì hết, nhưng trong thể chân như ấy có các thứ: tánh, chất, tướng, mạo, nhân, duyên, hòa, hợp, phi hòa hợp ... biểu hiện cụ thể thông qua thất đại ấy. Rồi từ tánh chất thất đại lại duyên sanh: sơn hà, đại địa, nhật nguyệt, thảo mộc, tòng lâm, thực vật, động vật, khoáng vật và phi vật thể ...

Nhận thức như thế, ta thấy thất đại là cơ sở. Từ đó, có sự tương sanh, tương khắc, tương quan, tương tác hình thành chân lý duyên sanh. Vì thế cho nên chân lý duyên sanh chỉ là chân lý thượng tầng kiến trúc của hạ tầng cơ sở tam vô!

Tình cờ được dịp xem hai bộ phim “Mê kông ký sự” và “Huyền bí sông Hằng” của hãng phim truyền hình Việt nam xuất bản. Tôi rất cảm ơn

những nhà làm phim, họ đã đầu tư thời gian, công sức tốn kém rất nhiều mới có được những tài liệu quý giá ấy và rất xứng đáng. Họ đã cống hiến cho đồng bào Việt Nam ta một tài liệu kiến thức quý giá cho những ai không có đủ cơ hội, chẳng đủ duyên may du lịch tham quan với một hành trình dài: Việt nam, Campuchia, Lào, Trung quốc, Thái lan, Miến điện, Ấn độ trải qua bảy đất nước ấy, trong đó có tôi. Nội dung hai bộ phim giới thiệu với công chúng nhiều di sản, di tích kỳ bí của một số đất nước vĩ đại bao la của Châu Á. Được xem, chắc ai cũng phải khen và cho là thú vị. Tuy nhiên, nhìn bên gốc cạnh tín ngưỡng tôn giáo không có gì mới và đáng lạc quan. Riêng nhìn Phật giáo qua các lần phỏng vấn của nhà làm phim với các chùa chiền động tháp ... không có gì khác hơn là trình diễn chuông mõ, âm thanh cóc boong, hé ha hơi giọng. Khác hơn thành phần tụng tán mõ chuông thì khổ hạnh. Khác thành phần khổ hạnh, họ chuộng lễ lạy cầu xin ở thần thánh với tấm chân tình tín ngưỡng đa thần. Nhìn lối tu luyện, thờ phượng, tin tưởng ấy ta có thể đoán biết nước Ấn độ hiện nay vẫn thịnh hành Thần học. Với nguồn giáo lý tam vô, thất đại, nhìn xem ta đoán biết và thấy lối tu hành ấy không có một tí ti dính dáng.

Theo kinh điển giáo lý đạo Phật: Ai hiểu tận tường giáo lý vô tác, vô tướng, vô nguyện họ có thể nghe chánh pháp của Phật qua tiếng ve ngâm, chim hót, gió thổi, thông reo. Người hiểu sâu về thất đại, nhìn lá rụng, sương rơi, hoa tàn, nguyệt khuyết đều có thể thay thế cho công án, thoại đầu cũ kỹ tự ngàn xưa, vì nhìn đâu cũng là đề tài, là duyên đối tượng tham thiền./.

## Tham Thiền 3

### THẤY TRĂNG...

Trăng vàng chênh chêch đĩnh Tà Dương  
Lồng bóng thông xanh Liễu Liễu Đường  
Lặng lẽ đêm khuya ta với bóng  
Êm đềm cảnh vắng ý mang tình  
Việc đời luận mãi sai thêm lớn  
Ý đạo thiền sâu ngộ mới thâm  
Quảng gánh ưu tư vui “tĩnh lự”!  
Thanh bần lạc đạo có “NÊ HOÀN”

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Trăng là một pháp ở trong vô vàn các pháp. Qua nhãn quang của Thiền sư, thấy trăng đồng nghĩa thấy tự tánh thanh tịnh bản nhiên của hiện tượng vạn pháp.

*“Chư pháp tùng bản lai  
Thường tự tịch diệt tướng”*

Thiền sư thấy trăng, rồi nhìn qua thấy những thông xanh lồng bóng, ngoảnh lại Liễu Liễu Đường, lướt tầm nhìn rộng, đây là đồi Tà Dương. Một câu nói không lời: Mình đang ở Liễu Liễu Đường, đồi Tà Dương, dưới bóng trăng khuya! Đang là:

*“Lặng lẽ đêm khuya ta với bóng  
Êm đềm cảnh vắng ý mang tình”*

Đêm khuya cảnh vắng là môi trường gợi cảm tự duy thế cuộc, nhơn sinh.

Trong bối cảnh tĩnh cõi liêu, Thiền sư phát kiến ra chân lý: Chuyện đời “**nói gì cũng không trùng, là trùng**”! Ai nghe qua mà chẳng tưởng đó là ngông!

“Luận mãi sai thêm lớn

Thiền sâu ngộ mới thâm”

Rõ là sự thật, ai có tập tu sẽ thấy rõ điều đó. Phải học tập tham thiền mới có cơ hội ngộ đạo, chứng đạo. Kinh sách Phật ví như ngón tay chỉ trăng, người trí mượn ngón tay mà nhìn trăng. Nương kinh điển học lấy cách tham thiền, tư duy quán chiếu, gột rửa, lắng lọc để bỏ hết phiền não, vô minh, thì nước trong trăng hiện, mây tan trời hiện, vô minh hết Phật tánh hiển lộ ra. Đó là:

“Quẳng gánh ưu tư vui tĩnh lự

Thanh bần lạc đạo có NÊ HOÀN”.

Nê hoàn túc là Niết bàn, là đức “giải thoát” một trong ba đức của một vị Phật. Quả Niết bàn là “Liễu nhân” cho nên người Phật tử hãy tu tập “thanh bần lạc đạo” để hạn chế, để cắt đoạn trần duyên, để “ly” tú tướng.

## Tham Thiền 4

### HỌC THẤY

(Tập Quán Chiếu)

Học thấy Thân ta **sắc** cộng **không**  
Sắc không, không sắc hõi tương dung  
Duyên sanh ngũ ấm **không** duyên **sắc**  
Hiện tượng phù hư nhất quán thông.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thấy bằng cách mở mắt tròn to, nhìn ngoại cảnh trước mắt, nhìn người không lạ gì phải học. Thấy phải học là thấy không cần mở mắt to mà có thể thấy trong, thấy ngoài, thấy gần, thấy xa, thậm chí thấy hết những gì trong ba ngàn đại thiên thế giới. Cái thấy này nói cách khác là không dùng mắt mà dùng tâm trí thấy, dùng quán chiếu thấy, dùng tư duy thiền định thấy. Vì vậy phải học, phải tập mới sử dụng được cách thấy của các Thiền sư, của Tu sĩ Phật giáo Việt Nam và các Thiền sư tu sĩ chánh thống Phật giáo thế giới bằng cách thấy này.

Là Tỳ kheo tu sĩ Phật giáo, là Thiền sư, Phật tử tại gia cũng có khả năng là thiền sư được. Học thấy là phải thấy cho rõ: Thân ngũ ấm của con người vốn là sắc hòa hợp tâm, tâm hòa hợp sắc, vật chất hợp tinh thần, tinh thần hợp vật chất, sắc ấm hợp thức ấm, thức ấm hợp sắc ấm. Thấy được vậy, có nghĩa là thiền sư thấy được sự tương dung, tương nghiệp, tương

nhập, thấy chơn lý “duyên sanh như huyền” của nhơn sinh đối nội; cũng thấy được chơn lý “duyên sinh như huyền” của đối ngoại nữa. Từ cách học thấy ấy, ta tỏ ngộ rằng: “Nội ngoại chư pháp tận tri bất thật; tùng tâm biến khởi tất thị giả danh”. Thiền sư sẽ khinh an thanh thoát trong kiếp sống.

Học thấy, trọng tâm cũng như chủ đích, nhằm đào tạo, bồi dưỡng cho thiền giả thường xuyên, liên tục nguồn tư tưởng **Ngã pháp câu không!**

## **Tham Thiền 5**

### **GẶP PHẬT và THẤY CẢNH**

Cảnh Phật sao mà rỗng lặng thênh!  
Duyên gì Phật ở một mình ênh?  
Phật rắng : Vạn pháp đâu từng có!  
Phật Phật hằng sa một Phật thân!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ai có khả năng tư duy, quán chiếu, nhận thức thực tướng của vạn pháp là không có thực. Chúng như mộng, huyền, bào, ảnh... Đó là người gặp Phật rồi, người gặp được “Phật tánh” của chính mình rồi đấy ! Người có học đạo Phật, không bao giờ nói: hân hạnh tôi được diện kiến đức **Phật sống**. Dù phải chạm trán đức Phật Thích Ca cũng không nói bậy như vậy.

Cảnh Phật mọi người có khả năng thiền quán tư duy đều có thể thấy, có thể gặp, có thể ở, sống trong cảnh Phật. Chỉ cần nghe lời Phật dạy trong một câu, tập tu ba chữ “Bất ưng trụ” Người đệ tử Phật rong chơi cảnh Phật suốt đời cho đến khi nào hết muốn sống, và sau khi chết vẫn cứ vậy mà vui chơi rày đây mai đó trong vũ trụ bao la vô tận!

Học thêm tám chữ nữa “Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” chừng ấy người đệ tử Phật nhìn đâu cũng là cảnh Phật, nhìn đâu cũng gặp, cũng thấy Phật. Bởi vì

“Chư pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tướng”. Hữu vi, vô vi có cái gì không có tướng tịch diệt trong ấy đâu?

Có nhận thức hữu vi, vô vi pháp qua thiền quán, bấy giờ tự giải đáp nguyên do:

- Vì sao cảnh Phật rỗng lặng thênh
- Vì sao Phật ở một mình ênh
- Phật Phật hằng sa trong một Phật
- Vạn pháp không từng có. Thế nào?

## Tham Thiền 6

### THẢ ĐIỀU

Tà dương lăng đâng bóng vàng  
Con diều năm sắc tung hoành trời xanh  
Trời xanh mây trắng trong lành  
Bóng diều vẫn đục trời xanh ở diều.

Bóng diều có làm gì vẫn đục?  
Vốn phong tranh là vật vô tâm  
Van ai khéo chớ hiểu lầm  
Diều không vẫn đục, không phiền bận ai!  
Diều tự nhủ: ta vô can sự  
Bởi ai kia nghĩ ngợi diều thô  
Thân diều hợp bởi nhân duyên  
Làm ai bận rộn đảo điên được nào?

Thương hay ghét tự ai chuốt lấy  
Chiếc diều này mờ duyên sanh  
Nói điền quyến Yến rủ Anh  
Chiếc thân vô ngã ai cho tự mình  
Mảnh vô định lượn hìn theo gió  
Gió dương rồi bỡ ngỡ phôi pha  
Chiều tàn gió lặng dương qua  
Gió dương đôi ngã diều rơi cô sầu  
Bay cao lắm diều sa nặng lắm  
Ai thả diều xin nắm cuộn tơ  
Gió diều lượng cả bóng dương  
Tà dương khuất bóng ai thương ai sầu?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Diều giấy, tiếng Hán nôm gọi là phong tranh. Thả diều thú vui của trẻ con. Mùa nắng đến ruộng đồng thu hoạch thóc, rơm rạ còn sức nức mùi thơm no ấm, ngọn gió chuồng thổi nhẹ, rong theo một hướng, đi ngược gió đôi vành tai có tiếng phù phù thì đấy là lúc thả diều ngon nhất, và đấy cũng là hiện tượng báo hiệu xuân sang. Thú chơi diều, coi vậy mà không phải ai cũng có khả năng chơi được. Thuởng thức trọn vẹn thú chơi diều gió chỉ có hai thành phần. Một, trẻ nít, cái tuổi còn chất liệu “anh nhi” từ 10, 15, khoảng tuổi này mê diều nhất. Thả diều, đá bóng là trò chơi hiếu động của bọn nam nhi, nhưng có số nữ nhi tuổi học trò cũng mê không kém. Hai, thành phần có tuổi trung niên, thành phần này lại có thể chia hai: Một, người đã đầy đủ trọn vẹn tiền tài, danh vọng, địa vị ... tự thấy mình tới lúc vui thú điền viên. Hai, thành phần đệ tử Phật có học Phật, có tu tập, có vận dụng giáo lý, kinh điển. Ứng dụng giáo lý ấy, thông qua cuộc sống hằng ngày. Người có chất

“thiếu dục vô vi” mới thường thức ngoạn mục cái thú chơi diều.

Kinh điển giáo lý Phật chỉ ra rằng: Tất cả hiện tượng vạn pháp tánh của nó, tướng của nó vắng lặng trong sạch. Vạn pháp có món nào mê hoặc cám dỗ ai đâu! Ma túy, rượu mạnh đâu có say nghiện người, mà người tự say tự nghiện. Cảnh đẹp hoa xinh đâu có mê đắm người mà người tự đam mê tham đắm đó thôi.

Điều không làm gì vẫn đục được trời xanh, và cũng không làm gì bẩn nhơ mây trăng! Lấy đó mà suy, ta thấy cái câu “*Bóng diều vẫn đục trời xanh ở diều*”. Người ta có thể xem đó là “công án” là “thoại đầu” không có gì quá đáng. Ở vào thế kỷ 21, công án thoại đầu này không hề non kém giá trị đối với bất kỳ công án thoại đầu xưa cũ nào. Công án thoại đầu ấy đủ sức phát huy công dụng để cho thiền giả quán chiếu, tư duy, soi rọi để rồi nhận thức cái “Thể tánh tịnh minh” của **Tâm** cũng như của **Cảnh**. Đó là cơ sở thiền học: Năng sở song vong rồi!

Cách nay 70 năm, hồi đó tôi được 12 tuổi, cái tuổi “mê” diều nhất. Gặp buổi “*Tà dương lăng đăng bóng vàng; con diều năm sắc tung hoành trời xanh*” là có thể bỏ cơm chiêu không thèm về ăn. Tôi ngủ

còn chiêm bao thấy diều ta bay lượn ... Ôi! Hạnh phúc! Hồi đó, một tờ nhật trình cũ, chuốt vài cọng sóng lá dừa, vài mươi hạt cơm dẻo dẻo là tôi có được một con diều. Ôn ỉ xin 2 xu mua cuộn chỉ là đủ đầy hạnh phúc của lứa tuổi chưa mờ nhạt hạnh anh nhì rồi!

Cho tới bây giờ, tôi lại thả diều, nhưng diều của tôi cũng như diều của bọn trẻ con đều là diều ngũ sắc, chúng bay lượn sặc sỡ trên nền trời xanh mây trắng. Tuy nhiên, thân diều cũng chỉ là một mớ nhân duyên: Một mảnh vải ni lông nhiều màu sắc sở và bốn cọng nan tre hoặc cọng đót phơi khô, chừng ấy nguyên liệu là có được con diều rồi! Thế chẳng phải một mớ duyên sanh là gì? Chẳng rõ là chiếc thân vô ngã đấy sao? Với **căn** và **cảnh** diều vô can sự, với vật chất diều chỉ là vài tí món nhân duyên, với khoảng không gian diều không khả năng làm vẫn đục, với cảm tình diều nào quyến rủ ai đâu! Diều là mảnh vô định lượn hình theo gió! Nếu mơ diều, thích diều, mê diều, khoái thả diều là tại ai, chứ diều chẳng làm gì nêん phiền, nêん bận lòng ai!

“Các pháp từ xưa nay, tánh tướng đều vắng lặng, Phật tử mà hành đạo, ai cũng thành Phật hết”.

(Kinh Pháp hoa)

## Tham Thiền 7

### THIỀN TRÀ

(Uống trà khéo vận dụng tư duy)

Uống nước suối đã lòng khi giải khát  
Nhấp trà ngon quán niêm chuyện nhân tình:  
Đã là đời có trọng cũng có khinh  
Cảnh giác mạnh : kẻ “tâm xà khẩu Phật”  
Ít ai biết mắt trời như điện chớp  
Soi lòng người, rọi khắp hết trần gian  
Ở năm rồi tước đoạt của nhà Đông  
Năm này đến dựng xây cho nhóm Bắc  
Vật phi nghĩa chẳng cứ đâu làm chắc  
Sự nghiệp này, như băng nổi biển nước sôi  
Như cát trôi theo dòng thác của núi đồi  
Ai ngăn được vô thường đổi thay xoay chuyển?  
Lập sanh kế với âm mưu quỷ quyết!

Sự nghiệp cơ đồ : bông bí cánh phù dung!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Chữ Thiền trong đạo Phật cần hiểu qua hai danh từ: Thiền na hay thiền định, có nghĩa là tu bằng cách “tư duy và quán chiếu trong hoàn cảnh, môi trường tịch tĩnh”. Thiền có thể gian thiền: đối tượng thiền này là chưa vượt ra tam giới. Xuất thế gian thiền: đối tượng của thiền này là vô đắc bất tư ngã; thị xuất thế gian trí; xả nhị thô trọng cố; tiệm chứng đắc chuyển y.

Thiền trà, là uống trà mà có chánh niệm, có tư duy. Uống trà biết mình uống trà. Uống trà đang suy nghĩ gì, biết mình uống trà đang suy nghĩ gì! Tư duy đối tượng thiền nào biết mình đang tư duy đối tượng thiền nào: Phàm phu tam giới thiền, Thánh nhơn xuất thế gian thiền. Tự huấn luyện, tập cho mình thành thói quen như vậy, thì chính mình là thiền giả, thiền sinh, thiền sư rồi. Rồi tự mình có thiền hành, thiền tọa, thiền trụ kể cả thiền ngọa, không có gì trở ngại trong việc tu thiền hết.

Nội dung **Thiền trà thi**, đọc lên thiền giả biết ngay đây là “phàm phu thiền”. Đối tượng thiền này không có chất liệu vượt ra ba cõi. Cái đích tư duy tột đỉnh của Thiền này là soi rọi thấy được cái lý lẽ, cái thiện ác trong cuộc sống giữa con người với con người; và thấy được một bộ phận, một góc cạnh chân lý vô thường. Thế tục mà thiền được như vậy, kể ra cũng không dễ có!

Thiền Trà Thi, Như Huyền Thiền Sư trước sau như một, nó vẫn là chơi, dừng đòi hỏi, chớ yêu cầu ở đó cái gì hay ho, cao xa trọng đại. Nhưng nếu khéo tư duy, ứng dụng bài thi này nó có thể giúp ích cho ai đó lăm lăm. Ví dụ: “Cảnh giác mạnh kẻ tâm xà khẩu Phật”. Hãy cẩn thận! Điều đó nhan nhản trên kiếp sống trần ai đấy. Rồi khắc khe, rồi gian ác, rồi lừa đảo, rồi chiếm đoạt đầu này đem xây dựng chỗ kia, rồi tranh danh, rồi cướp lợi, rồi triệt hạ, rồi suy cử, rồi suy tôn, rồi và rồi v.v... Kết cuộc kinh Phật chỉ ra rằng: Tài thuộc ngũ gia phi ngã hữu; thân quy tứ đại bốn lai không. Có nghĩa rằng: Tiền tài, danh vọng, sự nghiệp khó tin tưởng nó chắc thật của mình, mà nó thuộc của “Ngũ gia”: 1) Chính phủ tịch thu xung công. 2) Thiền tai lũ lụt tàn phá. 3) Hỏa hoạn thiêu rụi. 4) Giặc cướp chiếm đoạt. 5) Con hư phá tán hết.

Uống trà có tư duy, có nhận thức, có đánh giá cuộc đời, cái nào tốt, cái gì xấu, người nào nên theo những ai nên tránh, thiện ác là gì? Kết cuộc của kiếp phù sinh ...!?

*Khát ẩm thanh tuyên muộn ẩm trà*

*Kham thán nhân tâm độc tơ xà*

Hãy uống trà có chánh tư duy thì ta là thiền giả, ta là thiền sinh, ta là thiền sư vì ta được uống trà mà.

## **Tham Thiền 8**

### **TRÀ ĐẠO**

(Đạo lý của người đệ tử Phật uống trà)

Đây chén cam lồ nghi ngút hương:  
Hương trà, hương đạo quyện hương thiền  
Tinh hoa...hương sắc...vào trong một  
Vị bát trà thơm vị các phuơng.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nhân loại có bao nhiêu ngàn chủng tộc hiện sống trên mặt địa cầu, có lẽ chưa có nhà nhân chủng học nào tự mãn cho rằng mình biết đúng. Có một điều mà nhân loại biết chắc hẳn là đúng, đó là cái đạo lý của mỗi chủng tộc. Dân tộc nào, chủng tộc nào cũng có cái truyền thống, cái đạo lý, cái phong tục tập quán riêng của con dân nước ấy. Trà thì hầu hết nhân loại đều biết, đều uống chẳng mấy gì khác nhau. Nhưng trà đạo, cái đạo lý uống trà của người đệ tử Phật, nhất là đệ tử Phật có học Phật, biết tu, tâm tưởng họ cách biệt nhau như trời xanh, vực thẳm!

Trà là tên một thực vật, một thứ cây lá, người ta hái đọt non rồi chế biến vị, gia ướp hương và phải trải qua nhiều công đoạn người ta mới có được một thương hiệu trà nổi tiếng. Ở Việt nam hiện có các hiệu trà Olong Tâm Châu, Olong Cầu Đất, Olong Cầu Tre, Olong Trâm Anh ... Nói chung, người ta khai

thác danh hiệu “Olong” trên thương trường trà, thời điểm hiện nay mạnh và rộng. Nhưng theo tôi mà nói, các hiệu trà có chữ “Olong tea” nói trên đều ngon hết. Tuy nhiên hương vị không thể trăm phần trăm bằng nhau và giống nhau; Thế cho nên nếu cần nhận xét hương vị, đánh giá tinh vi, bần đạo xin kính nhường các bạn. Ở Đài loan có Vương trà (King tea) Hoàng trà (Queen tea), hai hiệu trà này có mùi hương rất khó kiểm người chê. Nhưng nói về vị thì các thứ Olong Việt nam ta, nó đậm đà cho bạn nào cần cảm giác mạnh. Trà Việt nam ta còn gọi nó cái tên nữa là chè. Vì sao gọi như vậy, đố ai mà biết. Chỉ biết, hễ ai ghiền uống trà lại thêm mang chứng nghiện rượu bỏ bê công ăn việc làm, xiêu đình ngã quán bại hoại gia phong thì người ta gọi nó là “thằng rượu chè be bét”. Thanh niên mà bị dán cái nhãn ấy thì khó có vợ lắm con ơi!

Thế thì trà cũng có cái hay như **Trà đạo**, trà cũng có thể có nguy cơ khi đổi nó qua cái tên “chè”!

Từ xưa từ xưa, người Trung quốc đã từng khai thác cả hương cả vị và cả nguồn kinh tế ở cây trà, cho nên người ta đã chọn tên đặt hiệu cho trà những cái tên gợi cảm nhưng nhẹ nhàng và thanh lịch như Olong, Võ tước, Liên tâm v.v...

Hồi 12, 13 tuổi, tôi đã phải nấu nước sôi bằng củi, pha trà, châm trà và dâng cúng trà bàn Phật, bàn ông bà tổ tiên, cả bàn “ông thiêng” nữa. 4 giờ 30 sáng, cái giờ ông thân sinh tôi tụng kinh “Công phu” khuya, phần tôi phải làm nhiệm vụ ấy. Bàn Phật cúng ba chung, bàn ông bà một chung, bàn “ông thiêng” một chung. Khi rót trà cúng phải đọc bài kệ hiến trà, các thầy ở chùa thường gọi là bài “chú cúng nước”, chú rằng:

*Khổng tán võ tước thực châu trà  
Thanh thủy hương tuyễn hổ phách ba  
Phấn khí ngọc bôi phân phúc úc  
Cúng dường chư Phật hỷ thiện da  
Nam mô Cam lồ vương Bồ tát (3 lần)*

Uống trà mà biết trà ngon, là phải nhờ có môi trường, hoàn cảnh tốt. Tốt cho thân, tốt cho tâm là điều quan yếu tối cần. Cũng như mùa xuân, vui cho những tâm hồn hoàn cảnh vốn có vui, chớ đau khổ tương tư thì trời xuân chỉ còn là một trời ảm đạm. Thân khang kiện bình an, tâm thanh thoát nhẹ nhàng, bát trà thành chén cam lồ, nhấp vào một ngụm tinh thần sảng khoái, chánh niệm phấn chấn nảy sanh, hương trà giờ đây thêm mùi hương đạo,

đỉnh cao hương đạo là hương thiền, là chánh niệm, chánh định, chánh tư duy.

Do vậy, người ta có thể nhận thức rõ, biết rất rõ về Pháp giới tánh, về Nhất chân pháp giới, về Pháp giới bất nhị, về Bất nhị pháp môn và về giáo lý: Nhất tức nhất thiết, Nhất thiết tức nhất, trong một có tất cả, tất cả có trong một, trong một vi trần có tánh chất của địa cầu và trong địa cầu đích thị là vi trần. Thế cho nên, vị của một bát trà là hương vị của mười phương trong ấy. Quán chiếu như vậy, tư duy như vậy, thiền định như vậy rồi, thiền giả ở một chỗ, bất cứ chỗ nào, tự có Cực lạc Tây phương, tự có Niết bàn đương xứ, và đã tham quan du lịch khắp pháp giới chư Phật mười phương và đương nhiên đã biết rõ những gì của Âu, Á, Úc, Mỹ, Phi châu rồi!

Trà đạo, cái đạo lý uống trà của người đệ tử Phật là vậy.

Viết cái gì cũng không trùng, là trúng.

## Tham Thiền 9

### NHÂN QUẢ

Rắm hạt xoài thơm có quả ngon  
Trồng cây mít nghệ được cơm vàng  
Vàng thơm chua ngọt do ướm giống  
Ánh hưởng đời con: liệt tổ tông.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cho đến thế kỷ 21 này, cơ quan thống kê nhân số thế giới cho biết, nhân loại trên địa cầu đã được trên tám tỷ người. Đức tin của số người hiện diện ấy, dẫu có ông trời thật bằng xương bằng thịt, tuyệt kỹ ngành điện toán, siêu xuất lập trình viên cũng không thể nào dự liệu biết được lòng dạ mỗi người họ đang nghĩ ngợi những gì.

Tuy nhiên, con người ưu điểm mà cũng có nhược điểm. Người ta có thể biết được lòng dạ của tha nhân bằng cách tìm hiểu lý tưởng, qua tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo mà người đó đang kính tôn thờ.

Thi đề **Nhân quả** mới nghe qua, người ta tưởng thi đề đó phát xuất từ giáo lý đạo Phật. Sự thật không phải, nhân quả chỉ là một hệ trong đa hệ, một nguồn trong nhiều nguồn giáo lý của đạo Phật mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đề cập để chỉ dạy cho con người. Giáo lý nhân quả thuộc về tài sản, chân lý chung

của cả nhân loại, nó không phải giáo lý riêng của đạo Phật. Bởi vì, sự cấu tạo, sự hình thành của động vật thể, thực vật thể, khoáng vật thể cả phi vật thể cũng không lọt ngoài chân lý nhân quả mà có ra được. Đệ tử Phật cũng như tất cả mọi người không phải đệ tử Phật, thử dành một ít thời gian tư duy đều thấy rõ và nhận ra chân lý đó.

Chưa ra khỏi **tam giới** phải chịu sự chi phối hoàn toàn theo luật nhân quả. Tuy nhiên, hữu vi pháp thì nhơn quả không có “định luật” cố định. Thế cho nên nhơn quả có thể “cải tạo” “chuyển hóa” bằng cách: Thay **nhân** đổi **quả**, chuyển nhơn biến quả.

Thi đề **Nhân quả**, nội dung bốn câu thơ rất mộc mạc, chẳng thi chẳng thơ gì ráo, nhưng về giáo lý nhơn quả, nói để nhắc nhở nhau thì nó bình dân đến nỗi không còn ai nghe mà không hiểu. Người nông phu trồng cây gieo giống thế nào sẽ gặt hái hoa trái như thế ấy. Trong gia đình, ông bà cha mẹ ăn ở đạo đức thảo ngay thì con cháu theo gương đạo đức thánh thiện của cha mẹ của ông bà. Sách có câu rằng:

“Hiếu thuận hoàn sanh hiếu thuận tử  
Ngỗ nghịch hoàn sanh ngỗ nghịch nhi

Bất tín đản khán thiềm dầu thủy

Điểm điểm đích đích bất sai di”

**Dịch:** *Hiếu thuận sanh con, con hiếu thảo*

*Ngang tàng cháu chắt cứng dầu theo*

*Nhà ngang giọt nước bong xa mái*

*Mái dốc êm dòng nước chảy xuôi.*

Đây là cách diễn đạt chỉ bày nhân quả thế gian; nhân quả của phạm vi Nhơn thiền thừa Phật giáo đó thôi. Muốn đến đỉnh tột cao, đệ tử Phật còn phải học tập quán chiếu, tư duy nhân quả của Thanh văn, Duyên giác, của tối thượng thừa Phật giáo nữa. Nhân quả của tam thừa sâu sắc ưu việt rồi siêu việt, đó là **Nhân** của Bồ đề và **Quả** là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Chân lý nhân quả có sự nhiệm mầu như vậy, từ ưu việt đến siêu việt, từ siêu việt mà thành tựu **Phật quả**. Thế cho nên, người đệ tử Phật rất sợ nhân quả, nếu nhân quả đó thuộc trong xu thế, trong chiềng hướng thất đức, bất nghĩa, bất nhơn, vô lương, vô đạo. Nhưng ngược lại, người Phật tử cũng rất quý trọng đạo lý nhân quả, tôn thờ chân lý nhân quả, thường xuyên liên lục trong ký ức, trong sự tỉnh thức, trong sinh hoạt bình nhật, trong cuộc sống của đời mình, nếu đó là nhân quả bên con đường thánh thiện.

Nói là nói vậy thôi, chứ ngày nào còn sợ nhân quả, còn kính quý, tôn trọng, hâm mộ nhân quả thì những ngày ấy ta còn cực khổ, còn mắc công tu với tập đấy.

Hỏi ai là đệ tử Phật! Hãy học, học nữa và học mãi. Hãy tu, tu nữa, tu đi. Tu cho đến khi nào chân lý Nhân quả của thế gian vô tác dụng đối với ta, khi ấy công trình tu tập của ta, ta thấy đó chỉ là một trò chơi, nó trở thành đạo lý: tu vô tu tu, hành vô hành hành, chứng vô chứng chứng mà Như Lai đã dạy. Chừng đó, bạn đưa một tay chỉ lên, một tay chỉ xuống dỗng đặc tiếng hải triều:

NHƯ LAI ĐÃ VỀ ĐẾN ĐÍCH!

**Tham Thiền 10****HỌC ĐẠO**

Hướng đến vô vi học đạo chân  
Sâu xa tuyệt học dứt lẩn khân  
Vô minh, Phật tánh không hai một  
Ngũ uẩn phù hư túc pháp thân.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đạo để cho nhân loại “tín ngưỡng” ở toàn cầu nhiều lắm khó mà biết. Đến thế kỷ 21 có bao nhiêu thứ đạo phục vụ cho hơn 8,4 tỷ người trên thế giới cũng khó có người biết. Học đạo ở đây nhằm giới thiệu cách học và hiểu giáo lý của đạo Phật cần phải thiền định, nhận thức, quán chiếu, tư duy qua hai mặt:

1. Hiện tượng Hữu vi pháp
2. Bản thể Vô vi pháp

Bên mặt hiện tượng hữu vi, người đệ tử Phật phải học hiểu ‘Ngũ thừa Phật giáo’ tức là năm hệ tư tưởng để đáp ứng yêu cầu của năm chủng tánh, năm căn cơ trình độ sai biệt bất đồng. Đó là: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát đại thừa. Nếu gặp thầy hay bạn giỏi hướng dẫn học tốt, tu đúng, sẽ đem lại kết quả an lạc ngang với giáo lý của “thừa” mình tu học. Ví dụ:

- Học tu Tam qui y, ngũ giới pháp là Nhơn thừa
- Học tu Thập thiện nghiệp đạo là Thiên thừa
- Học tu Tứ diệu đế là Thanh văn thừa
- Học tu Thập nhị nhân duyên là Duyên giác thừa
- Học tu Lục độ vạn hạnh là Đại thừa Bồ tát

Ngũ thừa Phật giáo mở bày chỉ dạy về các hiện tượng hữu vi và phương pháp vượt ra khỏi sự buộc ràng bức ngặt của hiện tượng “hữu vi duyên sanh” ấy.

Vô vi là thật tướng của hiện tượng. Phải hướng đến bản thể vô vi mới thật biết, thật chứng cái đạo chân thật: Chân thường, chân lạc, chân ngã và chân tịnh, bản thể của hiện tượng vạn pháp. Học **Hữu vi pháp** như người chỉ biết nước biển qua sóng mòi bong bóng bọt, học **vô vi pháp** thâm ngộ ra rằng: sóng bọt lao xao kia không phải là nước biển và liều ngộ ra rằng: ngoài sóng bọt lao xao, còn một bản thể trong suốt phẳng lặng như gương, đấy mới là nước biển thật. Học đạo ở **hữu vi** pháp chỉ là biết chân lý: vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh của hiện tượng

vạn pháp. Hướng đến **vô vi** học, người đệ tử Phật biết rõ bốn đức Niết bàn: Thường, lạc, ngã, tịnh.

Tỉnh ngộ, nhận thức chân lý, rõ ra: bản thể không rời hiện tượng; hiện tượng không ngoài bản thể. Vô vi không rời hữu vi; hữu vi không ngoài vô vi. Vô minh không rời Phật tánh; Phật tánh không ngoài vô minh. Phật tánh và vô minh nói một không phải, nói hai không đúng. Thân ngũ uẩn và Pháp thân cũng vậy. Chúng sanh và Phật bất tức, bất ly. Phiền não tức Bồ đề, sanh tử tức Niết bàn.

Học đạo như vậy gọi là “Tuyệt học”

Học đạo như vậy mới gột rửa hết nạn vấn “lần khân”!

## Tham Thiền 11

### DIỆT VỌNG

Vọng chất ra sao đòi diệt vọng?  
Vọng không hình mạo có danh ngôn  
Tâm ai tinh ngộ tìm không có  
Vọng đến lòng ai có nāo phiền.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Là đệ tử Phật, xuất gia cũng như tại gia, phải sắp xếp cho mình, dành cho mình thời gian “học đạo”. Đạo Phật gọi là quá trình Văn, tư, tu. Có vậy, sự tu hành mới đạt kết quả mong muốn. Tu không học là tu mù, mười người tu sai lạc hơn chín rưỡi. Lời thật mích lòng, nhưng đó là sự thật mà không được mấy người bắng lòng.

Các Sư dạy ngồi **Thiền** tìm **vọng** để diệt hết vọng thì chơn hiện ra. Lời dạy đó, nghe qua ai cũng tưởng đúng. Cố gắng ngồi tìm vọng để “diệt”, hy vọng nắm bắt lấy chơn. “Ngồi thiền” như vậy sai rồi! Ngồi càng nhiều càng phí sức phí công nhiều. gieo hạt giống bị rang luộc, không có ngày sanh cây kết trái.

*“Diệt tâm vọng, vọng tìm không có!*

*“Chân lý tìm, chân lý biết ở đâu?*

*“Sai lầm ngay khi khởi ý “diệt”, “tìm”.*

*“Lệch chánh pháp, tưởng con mà là giặc”*

Tu Thiền của đạo Phật “chánh tông” dễ ợt, và tại vì dễ ợt cho nên nói ra người ta giật mình ngờ vực chẳng dám tin ngay. Tại vì người ta tưởng khó và phần nhiều **ngồi chịu trận** với các kiểu thiền cực khổ đã quen. Thiền cực khổ còn không đem lại an lạc giải thoát chút nào, thiền mà dễ làm sao tin được? Lý luận đối phó như vậy người mới nghe qua đều cho là đúng, nhưng với kinh Liễu nghĩa Đại thừa, đó là thứ lý luận “kiến thủ kiến” của người có chủng tánh “ngoại đạo phàm phu”.

Thiền chánh tông của đạo Phật, đi, đứng, ngồi thậm chí nằm cũng thiền, kết quả thành tựu như nhau. Nói về nơi chốn và thời gian, bất cứ ở chỗ nào, không luận giờ khắc ngày hay đêm thiền đều đem lại kết quả về mặt tri kiến về mặt an lạc giải thoát như nhau.

Vậy “Thiền dễ ợt” phải học ở đâu? Học ở kinh Như Lai Viên Giác của Như Huyền Thiền Sư – Thích Từ Thông biên dịch ấy.

Kinh Viên Giác, Phật dạy cho Bồ tát Văn Thù: “Mười phương Như Lai, trên đường tu nói là tu, thật ra các Ngài chẳng tu gì cả, mười phương Như Lai chỉ cần “tỉnh thức”, tâm ý các Ngài thường xuyên liên

tục trong ý nghĩa của một chữ “**Tri**”. Tri có nghĩa là biết là tinh thức không mê muội. Biết cái gì?

- Biết vô minh như hoa đốm trong không
- Biết ngũ uẩn phù hư không khứ lai
- Biết sắc thị không, không thị sắc
- Biết ảo hóa không thân tức pháp thân
- Biết thất đại thật tánh chẳng có đại nào!

“Làm sao giết được người trong mộng”...

Đòi diệt vọng lại cũng như vậy. Hãy bỏ đi, thứ lý luận sai lầm!

**Tham Thiền 12****TIN TƯỞNG**

Cầu nguyện cao xanh ngưỡng vọng lên  
Định ninh nơi ấy có bề trên  
Hiểu ra : lồng lộng thênh thang rỗng  
Bởi thế trần gian mãi lụy phiền.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tin tưởng là một đức tánh vốn có của nhân loại. Đến thế kỷ 21 này, nhân số toàn cầu trên dưới 8,4 tỷ người là có ngần ấy tin tưởng khác nhau.

Tin tưởng gì, tin tưởng ai, người ta nhìn ở nơi các tôn giáo thờ phượng tôn nghiêm là cơ sở biểu hiện rõ đức tin của người tin tưởng đó.

Thế giới ngày nay, phần lớn đứng vào một thỏa thuận chung: Tôn trọng tự do tín ngưỡng, do vậy vấn đề tín ngưỡng không nên phê phán hay chỉ trích lẫn nhau. Tự do tín ngưỡng mà.

Bài thi ca của Như Huyền Thiền Sư nhan đề **Tin Tưởng**, nhưng tin tưởng theo tin tưởng của Như Huyền Thiền Sư, chắc chắn có phù hợp với một thành phần người và cũng chắc chắn có bức bối khinh ghét của một thành phần người khác, khi đọc.

Theo giáo lý đạo Phật, theo tinh thần hành đạo và truyền bá đạo Phật của Như Huyền Thiền Sư: Vũ

trụ bao la, con người tối linh tối thượng, không cần cầu nguyện, van xin với ai ngoài thân ta và tâm ta. Địa ngục, ngạ quỉ, súc sanh, tam đồ khổ do thân tâm ta tạo ra. Trời, người, A tu la, có khổ, có vui cũng do thân tâm ta tạo ra. Sáu cảnh “lục đạo luân hồi” ấy, do con người làm con người chịu, không có “đấng bề trên”, “đấng cao xanh” hay “Ông gì” thưởng phạt, do thương ghét của cá nhân mình!

Cầu nguyện là một kiểu tin chung của người có tôn giáo và không tôn giáo. Trong cuộc sống hình như rất ít ai trong đời không có cầu nguyện. Bởi vì tuyệt đại đa số con người có tánh tự ti, cho nên tự đặt mình là “kẻ dưới” là người yếu hèn và tự đặt ở chỗ “Cao xanh” kia có đấng “Bề trên” ở trên ấy, mình muốn gì vượt quá khả năng thì “cầu nguyện” nhờ đấng “Bề trên” hay “Ôn trên” phò hộ.

Đạo Khổng tử nói, trên khoảng xanh vô tận kia, người ta tưởng đó là trời, thật ra không có Ông gì hết. Theo Khổng tử đó là:

“Thiên thính tịch vô âm

“Thương thương hà xứ tâm

“Phi cao diệc phi viễn

“Đô chỉ tại nhơn tâm”

Khoa học thì dùng viễn vọng kính, phi thuyền không gian đi khá xa, nhìn khá rộng mà chưa gặp đấng Bồ Đề trên nào.

Còn đạo Phật nói: Mỗi người tự làm “Đấng Bồ Đề Trên” cho mình và cũng tự mình làm cho mình thành người tệ hại nhất, đau khổ nhất. Thế cho nên người học hiểu đạo Phật, tu theo đạo Phật người ta không chủ trương cầu nguyện. Bởi vì, nếu cầu nguyện mà “được” thì nhân loại chẳng ai để cho mình nghèo, càng không để cho mình khổ.

Lồng lộng thênh thang rỗng: chỉ cho vũ trụ. Vũ là không gian. Trụ là thời gian. Vũ trụ có hai thành phần: 1) Trống rỗng, là khoáng không. 2) Có vật chất.

Khoa học tóm lượt đại khái gồm có: Động vật, thực vật và khoáng vật. Dựa vào vật chất mà khái niệm ý nghĩa thời gian, cũng dựa vào vật chất mà người ta khái niệm ra ý nghĩa không gian. Do vậy, Cái gì thuộc bên có thì nằm trong động vật, thực vật và khoáng vật. Cái gì thuộc về bên không thì “lồng lộng thênh thang rỗng” vậy thôi!

Nếu dám dứt bỏ ý niệm chủ quan định kiến của riêng ai đó. Khách quan mà nhận xét, ai cũng có thể thấy rõ ràng rằng:

- **Cầu an** cho thế giới, không được
- **Cầu siêu** cho thế giới, không được
- Cầu nguyện thế giới hòa bình, không được
- Cầu nguyện cho nước hiếu chiến kia tiêu diệt, không được.

Thế cho nên nếu “Cầu nguyện” mà được thì trần gian này, nhơn loại này ai ai cũng hạnh phúc ấm no giống nhau.

## Tham Thiền 13

### TA BÀ – CỰC LẠC

Cực Lạc là đây tại cõi này  
Xin đừng vọng ngoại hướng phương Tây  
Đông Tây quả đất xoay di chuyển  
Rạng sáng là Đông, sẩm tối Tây.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ta Bà nói đủ: Ta bà thế giới. Ta bà thế giới là thế giới con người ở nơi đó đều kham nhẫn, chịu đựng các sự khổ như: Dục ái khổ, sắc ái khổ, vô sắc ái khổ... Nói cách khác, đó là thứ khổ trong tam giới. Phật Thích Ca là giáo chủ cõi Ta bà. Do vậy, cõi chúng ta hiện ở tức là cõi Ta bà vậy.

Cực lạc nói đủ: Cực lạc thế giới. Thế giới Cực lạc là thế giới tột an vui. Con người ở thế giới Cực lạc luôn luôn thọ hưởng tất cả mọi sự an vui, không hề có sự khổ não bất như ý. Phật A Di Đà là giáo chủ thế giới Cực lạc. Thế giới Cực lạc không phiền não cầu uế, không các khổ bất bình bất mãn, cho nên cõi Cực lạc cũng gọi là Tịnh độ. Tịnh Độ là cõi đất thanh tịnh, cõi nước trong sạch.

Ta Bà, Cực Lạc là hai thế giới riêng khác, hai giáo chủ riêng khác như ta đã biết và tuyệt đại đa số Phật tử đều hiểu như vậy. Bởi vì đại đa số Phật tử nghe pháp và học hiểu đạo Phật qua ngôn ngữ văn tự, các Phật tử mới bước một bước "Văn" mà chưa có

Tư, Tu. Người đệ tử Phật phải Văn, Tư, Tu, phải học sâu giáo lý Đại thừa, phải đi vào chiềng sâu của thiền định Phật tử mới hiểu giáo lý: “Vô thượng thâm vi diệu pháp” của Đại thừa Phật giáo. Khi hiểu giáo lý Đại thừa các Phật tử sẽ sung sướng rất mát lòng mà ngâm nga :

*“Cực Lạc là đây tại cõi này”*

Cực lạc là đây tại cõi này, có nghĩa là Ta bà và Cực lạc văn tự ngôn ngữ tuy hai mà không hai, không hai mà không được nói một. Bởi vì ở tại đây là cõi Ta bà Phật Thích Ca làm giáo chủ, nhưng người tu đạo Phật, đệ tử Phật có thể mời thỉnh Phật A Di Đà di dời thế giới Cực lạc về đây sáp nhập thế giới Ta bà mà không chật hẹp đi một vuông đất nào !

Phật tử theo đạo Phật, ai cũng hiểu rằng : Thế giới Cực lạc hay cõi Tịnh độ của Phật A Di Đà ở Phương Tây, tức phía mặt trời lặn mỗi ngày.

Giáo lý thượng thừa dạy : “Pháp giới bất nhị” “Thế giới nhất chân” vạn vật trong vũ trụ : “Trong một có tất cả, tất cả là một” cho nên Tây phương không phải Tây phương, vọng ngoại hướng về Tây phương cầu sanh Tịnh độ để hưởng các sự an vui ở Cực lạc là vọng tưởng sai lầm. Phía mặt trời lặn

không phải Tây phương, không có cõi Tịnh độ, Cực lạc ở phía mặt trời lặn, mà :

*“Cực Lạc là đây ở cõi này*

*Xin đừng vọng ngoại hướng phương Tây”*

Gọi là Đông, Tây do quả đất xoay. Gọi là ngày, đêm; do mặt đất bị khuất. Gọi giờ : Tý, ngọ, mèo, dậu do quả đất di chuyển. Cho nên người đệ tử Phật hiểu rõ đạo Phật không cầu nguyện sanh về cõi Cực Lạc ở phương Tây. Đừng hiểu sai lầm nữa ! Tốn công tu hành cực khổ, tốn của cúng lạy mệt mỏi; rốt cuộc khổ đau vẫn phải chịu khổ đau vằng vặc suốt cả cuộc đời.

Rạng sáng là Đông, sẩm tối Tây: Hiểu câu này phải thực nghiệm bằng hai cách:

1. Phải tự duy bằng thiền định

2. Áp dụng thực tế bằng cách: Tạo dụng cụ hướng dẫn cách thực nghiệm. Chẳng hạn, tạo một điểm sáng đứng yên là Định tinh (mặt trời), tạo một quả cầu to xoay lăn di chuyển là Hành tinh. Ta lăn quả cầu, ta quan sát sẽ thấy Đông, Tây, tí, ngọ, mèo, dậu... do sự di chuyển của quả cầu mà ta đang di chuyển.

## Tham Thiền 14

### THIỀN QUÁN 1

Hiện tượng nghìn xưa tánh tịch nhiên  
Không nhơn không ngã chẳng ai phiền  
Chân như: Vô tác, không, vô tướng  
Châu biến hàm dung vượt thí chung!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tham thiền: Tham có nghĩa là dự vào, dính vào cái này với cái kia, việc này với việc kia hổ tương thành tựu cho nhau. Thiền là thiền định, có nghĩa là tu tập bằng cách tư duy, nhận thức một đối tượng qua sự phân tích suy luận và nhận thức trong lúc thân tâm vắng lặng yên tĩnh. Thế cho nên thiền định có nghĩa “Tư duy tu” cũng có nghĩa “Tĩnh lự”.

Tham thiền là để tâm tham cứu suy gẫm một đối tượng mà hành giả muốn nhận thức cho tinh tường một sự việc nào đó. Người tham thiền là chủ thể (năng), pháp là đối tượng (sở). Thế cho nên tham thiền không cố “diệt” trí hiểu biết, không dứt bặt tư tưởng của mình. Hành giả cần vận dụng “trí năng tham” và “cánh sở quán”. Ví dụ : Tham quán nhận xét về ngũ uẩn vô ngã, về vạn vật giai không. Tóm lại, dù tọa thiền hay hành thiền đều có chủ thể đối tượng, có năng có sở. Nếu hành thiền bằng cách diệt

tưởng, dứt niệm, tập cho thành vô tri như tượng gỗ, tượng đá là tu sai đạo Phật, không được lợi lạc gì hết.

Hiện tượng vạn pháp xưa nay tánh nó vắng lặng, tự an nhiên, tự trong sáng, vì hiện tượng vạn pháp trong đó không có khái niệm về tướng nhơ, tướng ngã, tướng chúng sanh, tướng thọ mạng... Kinh Pháp Hoa đức Phật dạy: "Chư pháp tung bản lai, thường tự tịch diệt tướng". Nghĩa là các hiện tượng vạn pháp xưa nay tánh của chúng tự vắng lặng, tự an nhiên thanh tịnh và trong sáng. Cho nên Phật tử học đạo, hành đạo thì ai cũng được thành Phật, trở về tánh tịch diệt trong sáng thanh tịnh vốn có của mình.

Chân Như: Chân thì không phá hoại tiêu diệt được. Như thì dù có muốn xây dựng trao dồi thêm khiến cho tốt đẹp hơn, chắc chắn hơn cũng không được, vì chân như là chỉ cho cái bản thể của hiện tượng, nó viên mãn mọi mặt ví như trăng tròn đêm rằm, mười sáu. Thế cho nên người thể nhập vào thể chân như thì mình chính là chân như ấy rồi; vì thế con người ấy biết rõ, thấy rõ rằng: sóng là nước rồi, sóng không thắc mắc tìm nước. Nước là sóng rồi, nước chẳng đòi hỏi kiểu nước nào khác.

Vô tác: Đạo Phật dạy vạn pháp hiện tượng không có tác nhân, tác giả. Vạn vật hiện tượng

thành bởi hòa hợp bằng trùng trùng điệu kiện, tương quan, tương hợp, tương thành. Không có vật gì tự nó làm thành nó, càng không chấp nhận có một “tác giả” bất kỳ ông đó là ai!

**Không:** Đạo Phật dạy, vạn vật mà mọi người thấy có mặt, thì sự có mặt đó chỉ là huyền có, vì là huyền cho nên vạn vật hiện tượng sanh ra tạm có, thay đổi rồi tan biến ví như mây ráng của bình minh, của hoàng hôn vậy.

**Vô tướng:** Không có tự tướng chơn thật. Tướng của vạn pháp là giả tướng, cho nên luôn luôn chịu sự chi phối của sanh lão bình tử, của sanh trụ dị diệt, của thành trụ hoại không.

**Châu biến hàm dung:** Một pháp quán bao quát. Hành giả nhận thức rõ: Vạn pháp “là” nhau. Tuy nhiều mà “là” một, một “là” một của nhiều.

## **Tham Thiền 15**

### **THIỀN QUÁN 2**

Đối cảnh vô tâm khởi luận thiền  
Tham thiền nǎng sở rõ phân minh  
Quán tâm quán cảnh tùy duyên đến  
Tránh tưởng hoang đường nghĩ viễn vong.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

“Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền” . Bài thiền  
thơ của Sơ tổ Trúc Lâm:

“*Cư trân lạc đạo thả tùy duyên*

“*Cơ tắc xan hề khốn túc miên*

“*Gia trung hữu bảo hữu tâm mích*

“*Đối cảnh vô tâm mạc vấn thiền*”.

Đây là thiền thơ tuyệt cú, tối thượng thừa thiền. Phải đạt tới trình độ: Thiền mà không thiền, không thiền mà thiền thì mới đạt đúng ý hướng dẫn của Thiền sư. Bằng trái lại thì có thể bị phản tác dụng... trở ngại sự tu tập thiền quán của mình !

Cần xem lại Thiền quán I. Năng quán sở quán. Tâm cảnh. Chủ thể đối tượng. Lập trường của Thiền giả là tìm lẽ thật, để nhận thức lẽ thật của một vấn đề: hoặc phía tục đế hoặc bên chơn đế. Nói cách

khác: Hoặc phía hiện tượng của vạn pháp hoặc bên bản thể của vạn pháp.

Thiền giả thường là vận dụng tâm quán cảnh, như: Sắc thanh hương vị xúc pháp. Trưởng hợp khác dùng tâm quán tâm, như: Thọ tưởng hành thức. Vì vậy Thiền giả phải thận trọng lưu tâm rằng; tu thiền của đạo Phật dựa trên cảnh thật, thân thật, tâm thật, cụ thể và hiện hữu.

Tưởng tượng hoang đường, nghĩ suy vô căn cứ đạo Phật không đồng thuận. Bởi vì đạo Phật không đồng thuận với hai nguồn tín ngưỡng:

1. Nhất thân giáo
2. Đa thân giáo.

Vì đạo Phật trước sau như một, không chủ trương trông chờ mong đợi ở nơi vô thân hay hữu thân.

## Tham Thiền 16

### QUÁN THÂN

Thân này bất tịnh thật hay ngoa?  
Tam khổ bao vây mạng sống ta  
Bát bất dập vùi thân khẩu ý  
Tìm đâu tịnh ngã lạc thường ra?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Quán bất tịnh là pháp tu thiền của Tiểu thừa. Hàng Thanh văn thừa bắt đầu Phật dạy tu Tứ niệm xứ quán. “Quán thân bất tịnh” là pháp thứ nhất trong tứ niệm xứ. Trọng tâm của pháp quán này là Thiền giả quán chiếu, soi rọi, tư duy nhận thức về cái thân không đáng luyến ái của mình. Đây là điều kiện tiên quyết của người học Phật và tu theo đạo Phật.

*“Tam khổ bao vây mạng sống ta”*

Tam khổ:

1) Khổ khổ: Khổ thân, khổ tâm, khổ do hoàn cảnh khách quan đưa đến, như thiên tai, địch họa...

2) Hành khổ: Thân, tâm, hoàn cảnh sống rất mong manh, sự vô thường chi phối từng phút giây, nó thường xuyên đe dọa sự tồn sanh của thân, tâm và môi trường sống.

3) Hoại khổ: Đây là sự kết liễu, sự hoại diệt cuối cùng thân tâm và hoàn cảnh môi trường sống của kiếp hữu tình và vô tình

Từ ba đại khổ ấy biến chứng di căn ra : Sanh lão bệnh tử khổ, ái biệt ly khổ, oán tặc hội khổ, cầu bất đắc khổ, ngũ ấm xí thanh khổ... và muôn ngàn biến chứng di căn không lường hết được khổ quả..

### *Bát bất dập vùi thân khẩu ý*

Bát bất: Bất nhân, bất nghĩa, bất lương, bất chánh, bất an, bất bình, bất mãn, bất như ý. Do bát bất làm cho con người thân tâm vốn tịnh trở thành “bất tịnh”. Thường, lạc, ngã, tịnh là tự tánh vốn có của con người, lẽ ra con người được thọ dụng nhưng vì bị “Bát bất” “Tam khổ” khiến cho nhơ bẩn đức thường, đức lạc, đức ngã và đức tịnh không còn tìm đâu ra được nữa.

## Tham Thiền 17

### QUÁN TÂM

Thọ tánh không nhận những gì?  
Tưởng hành trống rỗng, tưởng là chi?  
Giác không, không giác đâu là thức?  
Ngũ uẩn phù hư đến chợt đi.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tâm: Không ai thấy nó là gì, nó ra sao. Dù vậy, những người có trí, không phủ nhận tâm, mà biết có tâm qua ba công năng hiện hữu của nó: 1) Tánh hiện biết đang là. 2) Tác dụng phân biệt và sai sử. 3) Cái hiện thọ dụng của con người. Không có tâm thì con người không là con người được.

Thọ tưởng hành thức. Thức uẩn là tâm vương. Thọ uẩn, Tưởng uẩn là tâm sở hữu pháp. Hành uẩn chi phối cả tâm vương, tâm sở và Sắc uẩn. Bởi vì hành uẩn tánh biểu hiện của nó là vô thường.

Thọ: Thọ nhận, tiếp thu, tiếp lấy. Thọ có ba trường hợp: Một thọ khổ, hai thọ vui, ba không khổ không vui. Dù có ba cách thọ, ba trường hợp khác nhau, nhưng tất cả chỉ là danh ngôn rỗng.

Tưởng: Đem một cái tưởng, một cái hình sắc không có thật vào tâm. Tưởng đǐng bề trên, tưởng người yêu trong mộng... Thế cho nên “tưởng” là một thứ sở hữu của tâm, không bao giờ hiện thực.

Hành: Hành không là gì cả. Sự biểu hiện của nó thông qua hiện trạng vô thường thay đổi, như sanh diệt, diệt sanh, Thành trụ hoại không, Sanh lão bệnh tử...

Thức: Cũng gọi là Trí, cũng gọi là Giác, cũng gọi là Tâm, cũng gọi là Ý; Tìm nó là cái gì Không ai thấy biết. Chỉ biết nó là “pháp hiện sở tri, pháp hữu tác dụng, pháp hiện thọ dụng”.

Tóm lại: “Bồ tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa Thời Chiếu Kiến Ngũ Uẩn Giai Không” Năm uẩn là thứ trống rỗng, không có thực thể.

**Tham Thiền 18****TÂM**

Tâm chẳng tâm gì, phải gọi tâm!  
Tâm không hình mạo cứ đâu tầm?  
Ba đời không thể tìm tâm được  
Phật dạy tu tâm, tâm ở đâu?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Có thân thì có tâm, có tâm tất có cảnh, có chủ  
thể ắt có đối tượng, cũng như có sáng có tối, có trăng  
có đen, có đúng có sai, có mặt có trái, có yêu có  
ghét, có trí có ngu, có phàm có thánh ... đó là đạo lý  
“duyên sanh” “tương đối” của hiện tượng vạn hữu.

Giáo lý đạo Phật dạy:

- “Tâm như công họa sư
- “Họa chủng chủng ngũ ấm
- “Nhất thiết thế giới trung
- “Vô pháp nhi bất tạo”

**Có nghĩa :** *Tâm như người họa sĩ*

*Vẽ từng món ngũ ấm*

*Hết thảy cõi thế gian*

*Tất cả do tâm kiến lập.*

Tâm là chủ tam giới. Thế giới tự tánh thanh tịnh bản nhiên, vậy mà tâm có thể khiến cho thế giới thanh tịnh ấy trở thành Dục giới, Sắc giới, Vô sắc giới trùng trùng đau khổ của kiếp phù sinh.

Tâm không hình mạo, cho nên không dễ thấy, không dễ biết, không thể chỉ trỏ cho ai. Vậy mà Phật dạy “tu tâm”, rõ là khó thật! Có khi nào Phật hứng thú, lỡ lời dạy ẩn đây chăng? Không, đã là Phật, nói ra là: Chân ngữ, thật ngữ, bất dị ngữ, bất cuống ngữ.

Bạn hãy nhìn người phụ nữ mang “cái bầu” to tướng sấp sanh đang đi ngoài đường kia kia, rồi bạn nói “Chị ấy đã có chồng”. Tôi bảo đảm với bạn rằng: không ai cho là bạn nói ẩn, nói trật, nói sai được.

Cũng vậy, nếu ai đó sát sinh, trộm cướp, tà dâm, vọng ngôn, ý ngữ, lưỡng thiệt, ác khẩu... Qua hành động đó, bạn thấy rõ, biết rõ **tâm** của người đó, bạn nói người đó **tâm ác**,

Ngược lại có người tu kiều bồi lộ, thí tài, thí pháp, thí vô úy, làm tất cả việc lợi mình, lợi người, lợi cho nhân quần xã hội, thân, miệng, ý thật dễ thương... Qua hành động đó, bạn thấy rõ, biết rõ **tâm** người đó, rồi bạn nói người ấy **tâm lành**.

Quán tâm là soi rọi tâm, nhìn sự biểu hiện qua thân, khẩu, ý, để rồi cải tạo tu chỉnh hằng ngày qua cuộc sống, bạn sẽ đỡ khổ như lời Phật hứa.

## **Tham Thiền 19**

### **QUÁN THỨC UẨN**

Thức tâm tâm thức chẳng rời nhau  
Ý thức thêm vào đủ bộ ba  
Dù gọi ba tên duy thức uẩn  
Sở tri, tác, thọ bất tương ly.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tâm là Thức; Thức là Tâm. Dù không được nói là một, nhưng cũng không được nói hai. Bởi vì tâm là thể, thức là dụng. Dụng không ngoài thể, thể không rời dụng. Ví như: nước và sóng, nước là sóng; sóng là nước; vậy mà nói một không đúng; nói hai thì trật. Sóng là dụng của nước, nước là thể của sóng. Thể dụng không ngoài nhau mà vẫn có tên sóng, nước. Còn nữa; ý là thức, thức là ý, thức là thể của ý, ý là dụng của thức. Thể cho nên “tâm, thức, ý” không thể nói một mà cũng không được nói ba. Nói ba, tìm ba không có. Nói một, tìm một không ra! Vậy mà có cả ba “danh ngôn”: Tâm, Ý, Thức.

Những nhà thông thái, khuynh hướng triết học, họ bảo giáo lý Phật là triết lý, Phật học là triết học. Nhà khoa học họ thấy kinh điển giáo lý đạo Phật nói những điểm, mấy mươi thế kỷ sau họ mới phát hiện nhận thấy ra, rồi họ tự nhận đạo Phật không là một “tôn giáo thuần túy”. Nhà duy vật biện chứng chủ nghĩa nhận xét, phê phán: Mục đích và Tôn chỉ

chánh thống nguyên thủy của đạo Phật: “Nhất thiết duy tâm tạo” phủ nhận thế lực ngoại lai: “thiêng liêng, thần học...” Thế cho nên, **đạo Phật là đạo Phật**. Đạo Phật là con đường “Giác ngộ”, con đường “tỉnh thức”, Thích Ca Mâu Ni Phật là đạo sư, người phóng lộ mở đường.

Thật rủi ro bất hạnh cho Phật giáo có những người tự nhận mình đệ tử Phật, tại gia có, xuất gia có. Họ cũng nghiên cứu kinh điển Phật rồi viết ra “giáo tài” “giáo trình” “giáo án” đem giảng dạy cho Tăng Ni trẻ học ở các trường Phật học, ở các Học viện PG, họ gọi là môn “Tôn giáo học”. Thật là một “thiện chí” bô nhơ Phật giáo mà ít ai để ý quan tâm. Hãy tra cứu, định nghĩa chữ “Tôn giáo” đi, rồi sẽ rõ đạo Phật không là một Tôn giáo.

Giáo lý của đạo Phật ai chịu nghe, chịu học sẽ thấy dễ ợt. Giáo lý của đạo Phật không nói chuyện “cao xanh” hoang đường viễn vong vô căn cứ, không nói “thần này, thánh nọ” ở trên mây, ở trong lòng đất con người không ai thấy biết. Giáo lý đạo Phật dạy những điều mà con người ai cũng có quyền thấy biết. Ví dụ: Con người tổng thể có hai phần: Một là vật chất, tức sắc uẩn, hai là tâm linh, tức thức uẩn. Con người là một “sắc thủ thú”, một hợp thể **Sắc** và **Tâm**.

Sắc tức vật chất, có hình dáng, kích thước trọng lượng, qui mô lớn nhỏ ... có thể thấy biết. Tâm thì trái lại. Muốn nhìn tâm, hiểu tâm phải mượn phương tiện “thiền định” để thấy và nhận biết tâm qua sự biểu hiện:

1. “Pháp hiện thọ dụng”: Nghĩa là cái mà con người đang thọ dụng để thành “con người”, khiến cho con người khác thực vật, khoáng vật và phi vật thể. (Tâm)
2. “Pháp hữu tác dụng”: Nghĩa là cái tác dụng biểu hiện qua mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý; khiến cho mắt thì thấy, tai thì nghe, mũi ngửi, lưỡi nếm, thân xúc, ý phân biệt. (Thức)
3. “Pháp hiện sở tri”: Con người tối linh ư vạn vật, là chủ thể nhận thức cả nhân sanh quan và vũ trụ quan. Bởi vì, nếu không có “Hiện sở tri” của con người chủ thể, thì vũ trụ và nhân sanh hiện hữu với cái gì? Hiện hữu với ai? (Ý).

Do vậy, Tâm, Ý, Thức cũng có thể hiểu là một, cũng có thể hiểu là ba. Ví như hoa tai, nhẫn, dây chuyền cùng một chất vàng SJC, tính theo thời điểm tháng 02 năm 2009 là 1.978.000 VNĐ/chỉ.

Thế cho nên “Quán Tâm” thiền giả sẽ thấy rõ, biết rõ cả ý và thức của mình.

Người đệ tử Phật nǎng kiểm tra, soi rọi ý nghĩ, niệm lự của mình. tự đánh giá phân biệt: Tà, chánh, chơn, ngụy, đại, tiểu, thiên, viên. Rồi tự chọn những niệm lự chánh, chơn, đại, viên ta phát huy tu tập. Những niệm lự: Tà, ngụy, tiểu, thiên ta gạn bỏ nó ra ngoài tâm, ý, thức của ta. Làm được việc đó tức ta tu “Thiền” rồi đó. Soi rọi nhận biết sai trái của ý nghĩ, của tư duy là ta tu “Quán” rồi đó. Thiền là tư duy, Quán là vận dụng trí soi rọi tâm, nắm vững chánh niệm:

Chư ác mạc tác

Chúng thiện phụng hành

Tự tịnh kỳ ý

Thị chư Phật giáo.

**Tham Thiền 20****QUÁN NGĀ**

Tham thiền quán “ngā” khởi đường tu  
Quán chiếu “ngā không” điểm khởi đầu  
Lục phủ, tứ chi chung ngũ tạng  
Hợp thành năm uẩn chắc bền chí?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Học Phật, tu theo đạo Phật “Ngã” là một cái từ, một danh ngôn khó, cần phải học, phải tập tham thiền mới hiểu rõ được. Bởi vì đức Thế Tôn từng dạy: Nhất thiết pháp vô ngã; nghĩa là tất cả pháp không ngã.

Nếu người đệ tử Phật mà hiểu rõ nghĩa “Ngã” “Vô ngã” đúng, chính xác, hiểu kỹ tận đáy lòng, thông qua thiền định trí tuệ, thì thiền giả đó đạt đến trình độ liễu tri, liễu triệt, liễu đạt, liễu minh, liễu ngộ, liễu liễu, một trình độ giác ngộ đến đỉnh cao trong đạo Phật; một địa vị có thể viễn ly “tú tường” trong hàng Bồ tát.

Chữ Ngã ở thi ca này ám chỉ cái “tôi”, cái “ta”, tấm thân ngũ uẩn thất đại. Ngã này nằm trong hệ giáo lý tiểu thừa, nhằm hướng dẫn hành giả tu pháp “Quán bất tịch”. Thiền tiểu thừa căn bản ai cũng phải tu tập trải qua bốn pháp quán:

- 1) Quán thân bất tịnh
- 2) Quán thọ thị khổ
- 3) Quán tâm vô thường
- 4) Quán pháp vô ngã.

Trọng tâm, cũng như chủ đích bài này là Quán thân bất tịnh.

*Thân này tổ hợp “duyên sanh”.*

Ngũ tạng, lục phủ, ngũ quan, tứ chi. Phân tích chi li hơn, thân là chỗ chứa đựng, nó là cái dây bao bọc 36 vật bất tịnh, nhơ nhớp không sạch. Người khởi tâm tu, hãy tập xem nhẹ “bản ngã” không quý thân nhiều. Hình thức sa môn là đầu trần, chân đất, ăn kham khổ, mặc ca sa ..., tự xem mình là con người tầm thường trong xã hội, trong cuộc sống. Được vậy, thiền giả thành công bước đầu của pháp tu quán Ngã không.

Đệ tử Phật hãy tu tập: Quán “Ngã” không, “Ngã sở hữu” không, tất cả pháp đều không. Căn cứ nơi tiêu chí ấy quán chiếu tu tập, tự mình nhận xét, đánh giá bước đường tu tập của mình, tiến bộ nhiều hay ít, khởi hỏi ai khác! “hành tàng hư thật tự gia trì”!

## Tham Thiền 21

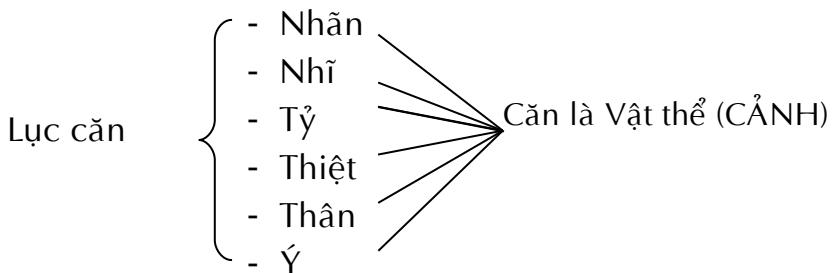
### QUÁN CẢNH

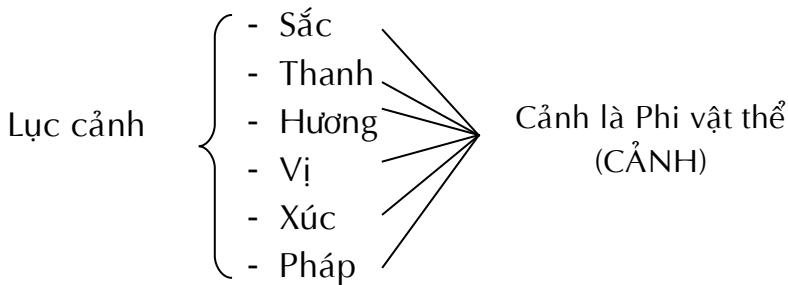
Sắc tánh xưa nay vốn tịch nhiên  
Thinh, hương, vị, xúc hổ tương thành  
Pháp kiêm tâm sắc chưa tham nhiễm  
Lục cảnh vô tư trước lục căn.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cảnh là một trong các chi của cây “gia phả” ngũ uẩn. Bởi vì ngũ uẩn là nền tảng của toàn bộ giáo lý Phật. Sắc, tâm, ý, thức, cảnh là sự khác nhau do cách nhìn và nhận thức qua màu sắc, góc cạnh, công dụng ... Tất cả danh xưng đó gộp lại là một hợp thể ngũ uẩn mà thôi!

CẢNH gồm tất cả những gì thuộc vật thể và phi vật thể. Như: Động vật, thực vật, khoáng vật và những phi vật thể. Bởi vì nói đến cảnh là nói đến:





Sáu căn, sáu cảnh, vật thể, phi vật thể đều là “đối tượng quán” của thiền giả, thiền sư. Đã là “đối tượng quán” tức “cánh sở quán”. Thiền giả, thiền sư là người phải thấy cho được, phải nhận thức cho được bằng cái được thật của tự tâm trí mình, rằng: Tâm cảnh tự tánh nó thanh tịnh xưa nay, căn cảnh tự nó vắng lặng xưa nay, căn cảnh vốn có, căn cảnh hiện hữu vô thi dĩ chí vô chung, nhưng căn cảnh không hề là nguyên nhân đau khổ cho bất cứ ai!

“Chơn giác vô công, căn trần hà cựu”

Hãy quán **cánh** như thế!

## Tham Thiền 22

### HỌC VỀ CHỮ PHÁP

Pháp nghĩa là chi bẩm các sú?

Xưa nay “chữ pháp” thật hay hư?

Cớ gì Phật dạy ly duyên cảnh?

“Cảnh” “Pháp” là hai? Một? Thế nào?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Pháp là một “cảnh” trong sáu cảnh, là một “trần” trong sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Pháp là một từ, là một danh ngôn quan trọng bậc nhất trong nền giáo lý Phật. bởi vì pháp đại biểu cho tất cả những gì thuộc hữu vi và vô vi đều thông qua danh ngôn, qua cái từ “pháp”.

Bên mặt hữu vi, hiện tượng; chữ PHÁP trong đạo Phật so sánh với cái từ “vật chất” của chủ nghĩa Duy vật biện chứng khoa học của thời cận đại tương tức, tương đồng: Tất cả những gì lớn nhất, cũng như tất cả những cái nhỏ nhất, tự nó có hình mạo, kích thước, khuôn khổ, qui mô ... để con người nhận thức, phân biệt “nó là nó”, nó không thể lẫn lộn vật khác, thì đó là một vật chất. Tất cả vạn vật hiện tượng là vật chất.

Chữ Pháp, cái từ pháp trong giáo lý đạo Phật, đức Phật phát minh nói ra đã hơn hai ngàn năm, mà

đem so sánh thì hai định nghĩa ấy tương đồng, tương tức khẳng định hổ tương một cách nhiệm màu. Do vậy, nhà khoa học Duy vật biện chứng và nhà Duy tâm khoa học biện chứng của đạo Phật đã có lúc cùng nhìn chung một hướng.

Pháp của nhà Duy tâm khoa học, cũng như vật chất của nhà Duy vật khoa học đều “vô ký” tánh. Tự nó không “làm khổ” cho ai và cũng không làm gì cho ai “an lạc”.

Chữ Pháp ở trong “pháp cảnh” hay “pháp trần” thuộc tánh của nó “hữu phú vô ký”. Với tác nhân gây tạo thiện ác, nó có thể là thiện, cũng có thể là ác. Nó là bóng dáng của sắc, thanh, hương, vị, xúc còn lưu lại ở ký ức chưa phai mờ. Thế cho nên pháp trần phân tích để quán chiếu, Thiền giả thấy rõ tánh chất của nó một nữa vật chất, một nữa tâm tưởng của con người (50-50 ngôn từ thời hiện đại đang dùng)

Pháp là một trong sáu cảnh, thì Pháp là cảnh. Pháp cảnh khi nhiễm ô thì gọi là pháp trần, “Pháp trần” hay “Pháp cảnh” há chẳng là “Duy tâm tạo” đó ư?

## Tham Thiền 23

### LẠI HỌC VỀ CHỮ PHÁP

Pháp pháp xưa nay chẳng pháp gì!  
Gọi là “không pháp” cũng buông đi  
Như Lai dạy rõ đường “không pháp”  
Còn gọi đây...kia...chẳng pháp chi!

## **TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Học Phật, bước một học giáo lý kinh điển: Phương tiện, Tiểu thừa, Bán tự giáo, Bất liễu nghĩa và Hữu vi pháp.

Bước hai học kinh điển: Thật nghĩa, Đại thừa, Mẫn tự giáo, Liễu nghĩa kinh và Vô vi.

Học giáo lý nghiên cứu kinh điển đạo Phật phải xuyên qua các hệ tư tưởng với một quá trình từ thấp tới cao như thế.

Về mặt hành tu thì có: Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Duyên giác thừa và Bồ tát Đại thừa.

Người đệ tử Phật cần xác định môi trường, hoàn cảnh, khả năng của mình có thể ứng dụng tu tập thừa nào mình thực hiện được. Không nên đặt tiêu chí quá cao, vượt khả năng với tới, để rồi có lúc nản lòng, tuyệt vọng thì không hay!

“Pháp pháp xưa nay chẳng pháp gì”... Thi ca này, chủ đích giới thiệu cho đọc giả nguồn giáo lý Đại thừa liễu nghĩa mãn tự giáo và hướng dẫn ai là Thiền giả cũng hãy quán chiếu tư duy sâu vào “bản thể” của hiện tượng vốn vô vi. Vô vi có nghĩa là “chẳng có gì” “không ai làm ra” “tự tánh ấy thanh tịnh bản nhiên”. Đừng hỏi tại sao! Đừng đòi ở đó một “cái”, một “con”, một “ông”, một “vật” hay bất cứ một “thứ” gì, kể cả thứ “trống không”.

Chữ Pháp ở bài học này nhằm dạy các đệ tử Phật, học về vô pháp. Vô pháp có nghĩa là pháp không, không có gì.

Ở hữu vi tục đế, Pháp tức là hiện tượng vật chất, chữ Pháp ở bên hữu vi hiện tượng tức là vật chất, cho nên “có” rõ là có, nhưng là huyền có. Bên vô vi bản thể gọi là pháp, chỉ có trong khái niệm, không có thật pháp, dù là huyền pháp.

Bạn thử hồi tưởng lần ác mộng của bạn đêm nào! Bạn thấy bọn côn đồ uy hiếp, đánh đập bạn, nó còn dùng dao búa cối tình giết chết, bạn sợ hãi vô cùng, thất thanh gào thét ... Rồi sau một giờ ác mộng đã qua, tất cả khổ đau, gào thét thất thanh sợ hãi ấy qua rồi, còn lại sau đó một giấc ngủ nhẹ nhàng an lành khỏe ơi là khỏe ... vậy thôi!

Nếu bạn mong muốn tìm xem cái gì làm cho bạn nhẹ nhàng an lành khỏe khoắn ấy, bạn nên chiêm nghiệm lại; Bạn đã sai rồi! Đừng tìm cái đó, dù có ai nói đó là thiên đàng là đấng thiêng liêng giúp đỡ!

- Bỏ vọng là Chơn, đừng tìm Chơn nào nữa
- BỎ Ta bà là Cực lạc, đừng đòi Cực lạc ở phương Tây
- Ly tam giới là Niết bàn, không ước mơ Niết bàn ở phương hướng xa xăm nào khác
- BỎ có tự **không**, không tìm pháp **Không** đâu nữa ...

## Tham Thiền 24

### HỌC VỀ CHỮ QUÁN

Quán chiếu nê tri quán tưởng ly  
Tưởng tâm tưởng cảnh tưởng ông gì?  
Tưởng đi với vọng gây nhân khổ  
Giải thoát Bồ đề chẳng tưởng chi!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Những người có **Tôn giáo** thường có khuynh hướng thiện, họ có tâm lành, thường kích khởi “Tánh bốn thiện” của mình. Người có tôn giáo bất cứ ở nước nào, đạo nào, ngôn ngữ âm thanh có khác, nhưng thâm ý tự mặc nhận với nhau là Tu, Tu sĩ. Tu sĩ có nghĩa là người chịu “tư duy”, thường “quán chiếu” suy nghĩ soi rọi sự sai trái lỗi lầm của thân, miệng và ý.

Tu sĩ trong đạo Phật có hai giới: Một, thành phần xuất gia, thoát ly gia đình thế tục, người có lý tưởng cao đẹp mong thoát ly khỏi nhà “tam giới” để thọ dụng Niết bàn. Hai, thành phần cư sĩ tại gia cũng có quyền tu và cũng có quyền được thọ dụng “Niết bàn bất ly ư đương xứ”! Nhưng vấn đề then chốt, quan trọng là tu cho đúng nghĩa chữ **Tu**. Tu sai không đem lại kết quả an lạc nào, mà còn có hại. Cầu nguyện, lạy cúng, khấn vái, van xin không đúng nghĩa “tu hành” của đạo Phật!

Tu trong đạo Phật có ba cách hành phổ biến: Thiên, Quán, Niệm

**Thiền.** Tức là “tư duy” “chiêm nghiệm” “nhận xét” kể cả nghiên cứu một đối tượng, một vấn đề khoa học chẳng hạn. Căn cứ “đối tượng thiền” mà hiệu quả đạt được khác nhau.

**Quán,** Quán chiếu vận dụng lý trí, soi rọi đối tượng mà thiền giả muốn tư duy tìm hiểu một pháp, hoặc tâm hoặc cảnh để nhận thức và phân biệt, sau đó nhận định, phân tích, đánh giá để đúc kết thành “chân lý”.

Đạo Phật không dùng “quán tưởng”; nghĩa là không dùng tâm tưởng tượng một đối tượng không có thật. Ví dụ tưởng tượng đấng “bề trên” đấng tối cao, đấng thiêng liêng từ xưa tới nay không ai thấy biết. Chẳng hạn như tưởng tượng người yêu trong mộng, hình ảnh người đẹp trong mơ... Nói chung, tưởng tượng là điều tối kỵ của người đệ tử Phật. Bởi vì quán tưởng đi đến “ảo tưởng”; ảo tưởng đi đến cuồng loạn, nói năng hành động xa rời thật tế, người đời gọi là “điên”. Thậm chí hình ảnh chư Phật và Bồ tát cũng không nên tưởng tượng. Phật là **Tri giác** của ta, Phật ở trong ta! Bồ tát là ta, Bồ tát ở trong ta!

**Niệm.** Niệm là nhớ, nhớ chớ không phải kêu tên, phổ biến rất thông thường, Phật tử “kêu tên Phật” mà tưởng mình niệm Phật. Có ông Phật nào chịu đựng nỗi cả nhóm người cứ kêu tên mình mãi!

Phật là Giác. Con người ai cũng có giác tánh vốn có, giác tâm vốn có; nhớ những tánh giác không rời, luôn luôn nhớ, đó chính là niệm Phật, nhớ Giải thoát, nhớ Giác ngộ, nhớ tự tánh thanh tịnh vốn có của chính mình.

“Nhớ” bằng **trí**, “kêu” bằng **miệng** khác nhau xa! Hãy học Phật, hãy chọn minh sư mà học. Hãy sử dụng lý trí mà học tu. Thích cảm tình rất dễ bị mê hoặc!

Viết gì cũng không trúng, là trúng!

Nói gì cũng không trúng, là trúng!

Nghĩ gì cũng không trúng, là trúng!

N.H.T.S

## Tham Thiền 25

### NIỆM PHẬT

Niệm Phật cho ta nhớ Phật hoài  
Thế Tôn toàn trí rõ không ngoa  
Tán dương Giác giả tâm thanh khiết  
Ái mộ mê nhơn ý nhiễm ô  
Gieo hạt khổ qua thu trái đắng  
Trồng cây đậu lạc nhặt nhân bùi  
Mực đen son đỏ tùy ưa thích  
Tự quyết đời ta khỏi hỏi ai !

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Như ta đã biết “Niệm” có nghĩa là nhớ. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng có nghĩa là nhớ Phật, nhớ Pháp, nhớ Tăng, tức nhớ Tam bảo không quên. Niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, Lục tổ Huệ Năng dạy: Niệm Giác, niệm Chánh, niệm Tịnh, có nghĩa là Thiền giả hay tu sĩ nên luôn nhớ tánh **giác** ngộ của mình, nhớ tánh **chánh** trực vốn có của mình và nhớ tánh **tịnh** thanh vốn có của mình. Thế cho nên ý nghĩa của niệm bao hàm cả thiền định, tư duy và quán chiếu.

Niệm Phật, kinh nghiệm của tiền bối để lại có: Cao thanh niệm, Mặc niệm, Sổ châu niệm, Sổ tức niệm, Tam muội niệm,

Cao thanh niệm, niệm Phật: kêu tên Phật xuất âm thanh vang vọng.

Mặc niệm, niệm Phật: Kêu tên Phật thầm lặng, có lúc vành môi cử động nhẹ.

Sở châu niệm, niệm Phật: Kêu tên Phật âm thầm nhưng kèm theo tay lắc tràng hạt.

Sở tức niệm, niệm Phật: Kêu tên Phật âm thầm nhưng duyên gá theo hơi thở ra vào.

Bốn cách niệm ấy nói là niệm, sự thật kêu tên Phật chớ không phải “niệm”. Bởi vì nhớ “giác” nhớ “chánh” nhớ “tịnh” như Lục tổ Huệ Năng thì có ông gì để gọi tên? Thế cho nên, bốn cách niệm trên chỉ là kêu tên Phật, đem lại hiệu quả rất là ít.

Lấy trí tuệ mà tư duy, quán chiếu, ta nhận rõ ra” “Niệm Phật tam muội” là pháp tu viên mãn, người đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia nên học và tu tập pháp môn Niệm Phật này.

Đối tượng của niệm Phật tam muội là: Như Lai; Pháp thân; Thường lạc ngã tịnh; Vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh; Không, vô tác, vô nguyên; Tất cả pháp vô ngã; Vạn pháp giao không; Hữu vi pháp như mộng huyền; Thật tướng vô tướng; Ngũ ấm vô ngã ...

Đó là những pháp đối tượng để thiền giả niệm, niệm bằng “quán chiếu” “tư duy” “tịnh lự”. Nói cách khác, “Niệm Phật tam muội” bao hàm Thiền, cả Tịnh, cả Xa ma tha, Tam ma bát đề, Thiền na, cả Tam vô lậu học. Cách niệm ấy, niệm hết thảy

chư Phật mười phương ba đời Phật. Thiền giả thọ dụng an lạc, Niết bàn “bất ly ư đương xứ”! Niệm Phật Tam muội là pháp tu ưu việt”.

**Thiền Tịnh song tu** của đạo Phật!

## Tham Thiền 26

### NGŨ ẤM VÔ NGÃ

Ngũ ấm phù hư rỗng hợp tan  
Sắc là vật chất mờ vi trần  
Thọ hành tướng thức rằng TÂM pháp  
Ngũ ấm gồm trong tiếng SẮC TÂM.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

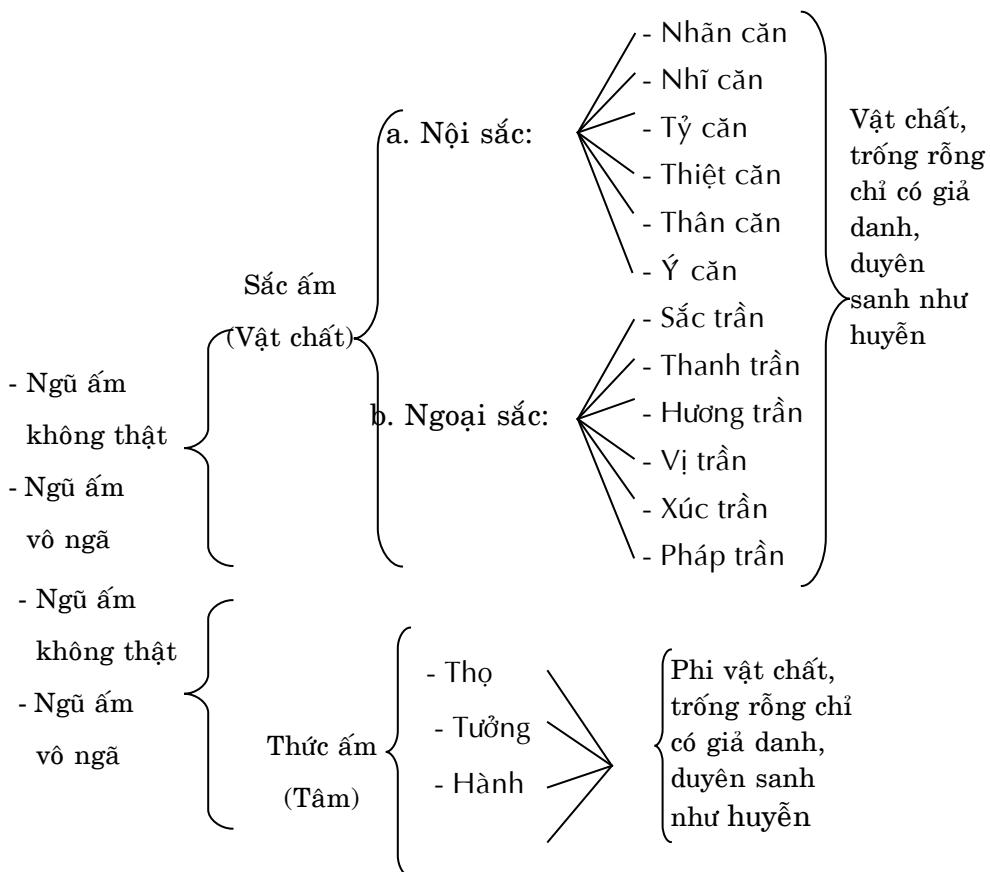
Ngũ ấm, nền giáo lý căn bản trong đạo Phật. Ngũ ấm: Sắc, thọ, tưởng, hành, thức là một tổng hợp của “sắc thủ thú” tức là một chỉnh thể, gồm đủ ngũ quan tứ chi, ngũ tạng lục phủ: một con người phàm phu thật sự hiện hữu. Một con người kiến hoặc, tư hoặc, trần sa vô minh vi tế hoặc còn nguyên.

Sắc, thọ, tưởng, hành, thức khi được bồi dưỡng, xây dựng, cải tạo, gột rửa từng phần kiến tư hoặc, con người tiến lên từng bước với những quả vị: Tu đà hoàn, Tư đà hàm, A na hàm và A la hán. Lúc bấy giờ, cái thân sắc, thọ, tưởng, hành, thức kia không gọi “ngũ ấm” nữa, vì nó được lột bỏ vô minh: kiến tư hoặc trong tam giới rồi. Giờ đây thân ấy được gọi với tên thân “ngũ uẩn”. Chữ “uẩn” có nghĩa là sự tổ hợp hình thành một chỉnh thể gọi là “người”, một con người. Thân A la hán trở lên không gọi “ấm” nữa mà dùng “uẩn”, ngũ uẩn thân.

Ngũ ấm vô ngã là một “thoại đầu”, một “công án THIỀN” vĩ đại trong đạo Phật. Thiền giả, Thiền sư

tu giỏi, người ta có thể quán triệt, chứng ngộ tột cùng nguồn gốc vũ trụ nhân sinh quan, qua thi ca “Ngũ Âm Vô Ngã” ấy. Người đệ tử Phật hay một Thiền giả mà nhận thức thấy được cái tánh “phù hu” của “ngũ âm” thì con đường giác ngộ giải thoát ta đang dạo bước thênh thang, vì ta đã nhận thấy rõ **Ngũ ấm vô ngã** không còn nghi.

Hãy xem bản đúc kết sau đây:



-Thức

Quán chiếu và tư duy thấy rõ tánh vô ngã của ngũ ấm. Người đệ tử Phật tập “buông bỏ”, tập viễn ly huyền hư! sẽ “VƯỢT QUA TẤT CẢ KHỔ ÁCH” trong cuộc đời “NGŨ TRƯỢC ÁC THẾ”!

## Tham Thiền 27

### CÁCH HÀNG PHỤC TÂM CỦA BỒ TÁT

Chúng sanh mười loại có xem không  
Năng sở song vong bặc tích tông  
Độ tận vô dư không kẻ độ  
Niết bàn rằng có lại rằng không!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đức Phật dạy cho hàng Bồ tát cách hàng phục tâm ở kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật: Đối tượng **Thiền** của Bồ tát là mười loại “chúng sanh”: Thai sanh, noãn sanh, thấp sanh, hóa sanh, hữu sắc, vô sắc, hữu tưởng, vô tưởng, phi hữu tưởng, phi vô tưởng. mười loại chúng sanh ấy vừa là đối tượng Thiền vừa là đối tượng sở độ của Bồ tát.

Bồ tát hàng phục tâm “năng độ”. Mười loại chúng sanh “sở độ” ấy, đem lại cho Bồ tát kết quả thể nhập “cứu cánh Niết bàn” ngang bằng thành quả ba đời chư Phật đã có.\*

Năng độ, sở độ Phật dạy ở kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật là năng sở toàn diện, hết thảy những cái gì có trong không gian vô cực, thời gian vô cùng. Cái gì con người khai niêm đến được: Vũ trụ, nhân

\* Đọc thêm Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật của Như Huyễn Thiền Sư dịch, diễn giải hết sức rõ ràng từ trước tới nay. Nên thường xuyên thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.

sanh quan chẳng hạn. Bồ tát thấy hết, biết hết. Nói rõ ra, tất cả đệ tử Phật thiền định giỏi, quán chiếu sâu đều được kết quả giác ngộ chân lý, giải thoát phiền não ngang nhau. Ngang nhau, nghĩa là không thua kém Niết Bàn của ba đời chư Phật đã được. Chân lý của chung nhân loại mà!

Tu hành, người đệ tử Phật hãy ráng mà học giáo lý Phật, rồi tu. Phải học, tu mới kết quả! Người ta nói: Tu mà không học, tu mù. Tu mù có nghĩa tu sai, tu bậy, tu trật, tu không đúng chánh pháp, có khác gì nấu cát mong được có cơm ăn, uống nước bọng cây van xin lành bệnh, rõ là vô lý, không đem an lạc hạnh phúc cho ta được!

Năng sở song vong là pháp Thiền định cao sâu tột cùng trí tuệ trong đạo Phật. Pháp tu cao thâm vi diệu ấy. Đại Bồ tát đều phải hành thiền Năng sở song vong, mới ngang bằng chư Phật, mới thành Phật.

Niết bàn, Cực lạc của Phật dạy, hai từ đó, hai cảnh giới đó **có** hay **không** đều từ **tâm** ta. Cực lạc, Niết bàn có là do liễu nhơn chớ không do sanh nhơn. Nghĩa là tâm ta tịnh thì mới có cảnh “độ tịnh”. Độ tịnh tức Cực lạc, tâm ta gột rửa, buông bỏ hết ưu tư phiền muộn, mừng, giận, thương, sợ, yêu, ghét,

muốn. Ta đem hết tài sản, nhà cửa xe cộ, ruộng vườn cho con cháu chúng nó quản lý. Ta ở không chơi. Ta nhìn trời mây, non nước; đói thì ăn chơi, khát uống chơi, trong người cảm thấy không khỏe uống chút thuốc chơi, hôm nay uống thuốc không tác dụng nữa “chết chơi”.

Niết bàn là vậy đó, không khẩn nguyên lục ai cả. Bởi vì không ai có dư Niết bàn để ban tặng cho ai cả, vì Niết bàn có do liễu nhơn, không do ai đó làm ra!

“Niết bàn rằng có lại rằng không”!

## **Tham Thiền 28**

### **Chỗ TRỤ TÂM CỦA BỒ TÁT**

Lục cảnh phàm phu: chỗ trụ tâm  
Vì tâm trụ cảnh hóa ra trần  
Vận tâm bối thí căn trần ấy  
Vô trụ tâm không cảnh tịch nhiên.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp; sáu món ấy, vốn là những hiện tượng nhân duyên sanh. Đương nhiên, sự sanh khởi, sự hiện hữu ấy vẫn là huyền sanh, huyền diệt. Mong manh huyền hóa hơn, lục cảnh ấy thuộc thành phần “Phi vật thể” so với động vật, thực vật và khoáng vật. Vậy mà do vô minh của con người, một loại “phi vật thể” khác, khiến cho sáu cảnh: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp vốn vô tư ấy thành “trần”, tức là sáu thứ “nhiễm ô”. Kinh điển gọi chúng cái tên “lục trần”. Sở dĩ “lục cảnh” mang tên “lục trần”, truy nguyên do chấp, do trụ. Trụ, chấp làm cho lục cảnh hóa ra lục trần. Chớ căn trần nào có lỗi chi đâu! Khi đạt đạo rồi, chợt tỉnh: “chơn giác vô công, căn trần hà cựu”, biết ra thì việc đã rồi!

Bất cứ ai, muốn mình là đệ tử Phật, phải học tu Bồ tát hạnh, học về cách TRỰC tâm. Trụ sắc, trụ thanh, trụ hương, trụ vị, trụ xúc, trụ pháp là cách trụ

để rồi đau khổ, trụ với lá chắn vô minh, trụ của phàm phu, mãi mãi luân hồi trong lục đạo, tam giới, không có ngày ra! Phải học trụ bằng cách “vô trụ”.

“Ung vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm”. Bồ tát nên phát khởi tâm vô trụ. Đừng trụ chấp sắc, đừng trụ chấp thanh, đừng trụ chấp hương, đừng trụ chấp vị, đừng trụ chấp xúc, đừng trụ chấp pháp. Tâm còn trụ là đã phạm phải sai lầm. Vì sao vậy? Bởi vì vạn pháp giai không, duyên sanh như huyền. Trụ với không có gì, trụ với ảo ảnh thì mình được cái gì? Người trí muốn qua sông, ai đi ôm thây ma tả tơi sấp rã!

Không nên trụ **sắc**, Không nên sanh tâm trụ **thanh**, Không nên sanh tâm trụ **hương**, Không nên sanh tâm trụ **vị**, Không nên sanh tâm trụ **xúc**, Không nên sanh tâm trụ **pháp**, Bồ tát nên sanh tâm “vô trụ”.

Sanh tâm vô trụ đối với lục cảnh tức là Bồ tát hành Bố thí Ba la mật một cách viên mãn rồi! Tức là Bồ tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật rồi. Bồ tát đã chiếu kiến ngũ uẩn giai không rồi. Bồ tát đạt tới đỉnh tột cao của các thiền định là: “**vô trí và vô đắc**”.

**Tham Thiền 29****Ý PHẬT**

Phật pháp vì người rõ chẳng ngoa  
Nhân sinh an lạc thoả lòng ta  
Trần gian tịnh độ là tiêu chí  
Vô ngã vô nhơn... đạo Thích Ca.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯỜNG

Đức Phật Thích Ca , từ khi thành Phật dưới cội Bồ đề cho đến lúc nhập diệt ở Ta la song thọ, thời gian 49 năm kinh sử Phật lược ghi, đức Phật Thích Ca chỉ làm một việc: Bạc tế mê luân, trang nghiêm phước hải. Để khẳng định điều đó, chúng ta hãy đọc lời châm ngọc của hàng tiền bối để lại, thể hiện qua hai câu đối tại chùa Quán Sứ Thủ đô Hà Nội:

歷劫為明君，為良將，為孝子，為導師，運用真如，結無量善緣，莊嚴福海。

現世棄珍寶，棄妻孥，棄國城，棄王位，圓成大覺，說恆沙妙法，拔濟迷倫。

### **Phiên âm:**

- ❖ Lịch kiếp, vi minh quân, vi lương tướng, vi hiếu tử, vi đạo sư, vận dụng chân như, kết

vô lượng thiện duyên, trang nghiêm phước hải.

- ❖ Hiện thế, khí trân bảo, khí thê noa, khí quốc thành, khí vương vị, viên thành đại giác, thuyết hằng sa diệu pháp, bạt tế mê luân.

### **Dịch nghĩa:**

- ❖ Trải số kiếp, làm minh quân, làm tướng giỏi, làm con thảo, làm đạo sư, vận dụng chân như, kết vô số duyên lành, mở lớn thêm biển phước.
- ❖ Hiện đời này, bỏ chau báu, bỏ vợ con, bỏ quốc thành, bỏ vương vị, nói hằng sa diệu pháp, cứu vớt kẻ trầm luân.

Rõ ràng là như vậy. Nhận xét lý lịch quá trình hành đạo, Phật xuất thân từ hoàng tộc, suốt đời không nói đến quốc kế dân sanh. Văn, tài năng, võ, tốt chúng mà không tham gia luận đàm chính trị, quân sự. Kinh ban tể thế, địa vị thái tử đủ điều kiện phát huy. Vậy mà một đời hành đạo, Phật đóng vai một kẻ ăn xin, một người Khất sĩ và chỉ làm một việc:

- ❖ Thuyết hằng sa diệu pháp, bạt tế mê luân.
- ❖ Kết vô lượng thiện duyên, trang nghiêm phước hải.

*"Phật pháp vì người rõ chẳng ngoa*

*"Nhân sinh an lạc thoả lòng ta*

*"Trần gian tịnh độ là tiêu chí*

*"Vô ngã vô nhơn, đạo Thích Ca.*

Rõ ràng là như vậy.

- ❖ Muốn chuyển Ta bà thành Tịnh độ
- ❖ Muốn chuyển phiền não thành Bồ đề
- ❖ Muốn chuyển sanh tử ra Niết bàn

Ai mà không ly tứ tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Ai mà không luyện đức: Vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ mạng, mà mong có được an lạc, có được giác ngộ, có được giải thoát thì: “trái ý Phật rồi”!

**Tham Thiền 30****THÀNH PHẬT**

Phật dạy Văn Thù một chữ tri  
Vô minh huyễn mộng để lòng ghi  
Huyễn tâm huyễn cảnh buông huyễn trí  
Vĩnh đoạn vô minh: Phật vậy thôi!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Học và tu giáo lý Nhơn thừa, Thiên thừa, Thanh văn thừa, Viên giác thừa nghe nói Quả vị Phật, thành Phật thì ham lắm. Tu Bồ tát Đại thừa, trình độ giác ngộ đạt đến tối thượng “Đẳng giác”, các ngài đã hiểu ra rằng: vấn đề Thành Phật, sự thật không có thành gì cả, Như Lai gọi là thành Phật vây thôi.

Ngủ say nhắm mắt, cảnh vật: Núi sông đồng nội, trời mây chim thú không có, thấy có. Đó là **mộng**.

Thức tỉnh mở mắt, cảnh vật: Núi sông đồng nội, trời mây chim thú chỉ là nhơn duyên sanh, huyễn có không thật, chấp cho là thật. Đó là tưởng, do vọng tưởng của con người.

Vui sống với cảnh mộng, bồng lòng với vọng tưởng, Phật gọi là mê nhơn. Tỉnh mộng hết mê, biết rõ mộng mê, ra khỏi mê mộng, Phật gọi là Giác giả.

Mê nhơn túc phàm phu, Giác giả là Phật.  
Cũng một con người, không hề thay xương đổi thịt để  
“trở thành”.

Chúng ta thử đọc bài kệ trùng tụng Kinh Viên  
Giác để củng cố niềm tin:

*Kệ rằng:*

*Văn thù ông nên biết  
Tất cả chư Như Lai  
Nhân địa thuở ban đầu  
Đều dùng trí tuệ giác  
Nhận rõ các vô minh  
Biết chúng như không hoa  
Mà được khởi lưu chuyển  
Người mộng thấy việc mộng  
Khi tỉnh chẳng có gì.  
Thể Giác như hư không  
Bình đẳng không động chuyển  
Giác khắp mười phương cõi  
Gọi là THÀNH PHẬT đạo  
Các huyền diệt không chỗ*

*THÀNH PHẬT cõng không thành  
Vì tánh Giác viên mãn  
Bồ tát nương nơi đây  
Mà phát Bồ đề tâm  
Chúng sanh trong hậu thế  
Nương đây khỏi tà kiến.*

## **Tham Thiền 31**

*Làm gì để*

**THẤY ĐƯỢC NHƯ LAI**

Muốn thấy Như Lai biết pháp thân  
Lưu thanh luyến sắc kẻ vô phần  
Mê tâm tà đạo duyên (vịn) thanh sắc  
Chẳng thấy Như Lai, biết Pháp thân!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Môn đồ đệ tử Phật, thông thường biết Phật qua ba thân:

- Thanh tịnh Pháp thân
- Viên mãn Báo thân
- Thiên bách ức hóa thân

Thanh tịnh Pháp thân tức là Như Lai. Thanh tịnh Pháp thân, thân ấy thế nào? Thân có nghĩa “hội tụ”, “tổ hợp”, “chứa nhóm”. Thanh tịnh Pháp thân là danh ngôn biểu thị tánh thanh tịnh vốn có của hiện tượng vạn pháp. Tánh thanh tịnh của vạn pháp hội tụ vào một gọi đó là Pháp thân, là Như Lai. Do vậy kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật định nghĩa:

如來者，即諸法如義，若有人言，如來若來，若去若坐若臥，不能解我所說義，如來者無所從來，亦無所去，故名如來。

**Phiên âm** : Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữu nhơn ngôn: Như Lai nhược lai, nhược khứ, nhược tọa, nhược ngọa, bất năng giải ngã sở thuyết nghĩa. Như Lai giả vô sở tùng lai diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai.

Pháp của Phật “Vô thượng thậm thâm vi diệu” cho nên đệ tử Phật chưa học hiểu ý nghĩa vi diệu thậm thâm, thì chỉ biết và thấy Phật qua dung mạo Phật và Thế Tôn. Đẳng Giác Bồ tát vượt trên hàng Thập địa mới thấy được Như Lai.

Nói thế, nhưng Phật tử chúng ta đừng hiểu lầm: Do địa vị cao, quyền hạn lớn, được thân cận Phật mà có được sự ưu đãi của Như Lai, đâu nhé!

Đây là tiêu chí Phật nêu ra, để cho hàng đệ tử muốn thấy Như Lai làm chuẩn trên bước đường tu học.

若以色見我，以音聲求我  
是人行邪道，不能見如來

**Phiên âm:** Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thanh cầu ngã  
Thị nhơn hành tà đạo  
Bất năng kiến Như Lai

### **Dịch nghĩa:**

Nếu căn cứ sắc tướng hình mạo, mong thấy Như Lai, nếu căn cứ trên âm thanh thuyết pháp của Phật, nếu van xin cầu nguyện tụng tán để mong muốn gặp Như Lai, người ấy tu tà đạo, không bao giờ thấy gặp Như Lai.

Vậy, Bồ tát thấy được **Như Lai** do không quên lời Phật dạy. Quan trọng hơn là Bồ tát thường sống trong quán chiếu, trong tĩnh lự, trong tư duy mà được thấy Như Lai.

Viên mãn báo thân: là thân do “quả báo” của mình đã trồng nhân, nay có thân 32 tướng tốt, 80 vẽ đẹp, có tài năng, có trí tuệ, có khả năng giác ngộ chân lý, thành bậc Giác giả, người đời gọi là Phật. Báo thân tức thân Thái tử Tất Đạt Đa, người đang là Phật ấy! Thời Phật tại thế, người bình dân Ấn Độ thường được gặp Phật, thấy Phật, cúng dường Phật qua Báo thân.

Thiên bách ức hóa thân: là thân hóa hiện trên bước đường giáo hóa. Ví dụ: Gặp vua, Phật vận dụng ngôn từ, tư cách, nghi thức, nói pháp thuyết phục vua. Gặp người hạ tiện, Phật tùy cơ quyền biến gần gũi dẫn dắt giáo hóa ngang bằng căn cơ trình độ họ, không để người cùng khổ có mặc cảm tự ti.

Ba thân không rời một. Một thân có đủ hàm lượng Giải thoát giác ngộ của ba. Đó là nền giáo lý “Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất” của đạo Phật.

## Tham Thiền 32

### TUỔI THỌ

Tuổi cao dù lắm cở con rùa  
Tích lũy vô vàn niệm được thua  
Phú quý vinh hoa tuồng ảo hóa  
Lợi quyền danh vị tựa không hoa  
Tử sanh bệnh lão vân lai khứ  
Thành trụ tiêu không mộng tỉnh mê  
Một kiếp không tu muôn kiếp khổ  
Trần gian tạm trú hãy quay về!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Niên cao thọ trưởng, thế gian không ai không  
ước mong cái điều “Hạnh phúc” đó.

Sống khỏe mạnh, sống vui tươi, sống an lành,  
sống hạnh phúc, sống đạo đức, sống lợi mình, lợi  
người, lợi nhân quần xã hội. Sự sống được vậy thật là  
quí hóa cho đời, cho tuổi trẻ, cháu con. Người xưa  
nói: “Cương quế chi tánh, dũ lão dũ tân”. Có nghĩa là  
tánh gừng tánh quế càng già càng cay. Tuổi cao, đức  
lớn sẽ là cổ thụ trong công viên, nhiều người hoan  
hỷ.

Đã là đời thì “muôn vạn nẽo”, tối sáng chuyện  
nghìn năm, phú quý hoa gian lộ, công danh thủy  
thượng âu, là điều có thật. Trường thọ để chịu đựng  
để chứng minh cảnh “tài”, “mạng” tương đố. Để  
chạm trán với “Những điều trông thấy mà đau đớn  
lòng” thì chẳng vui sướng, hạnh phúc gì!

Con Rùa ướp xác ở đền Ngọc Sơn, trong hồ Gươm, thủ đô Hà Nội, nhà khoa học tìm hiểu, đánh giá Rùa 500 tuổi. Thế nhưng, cho đến thế kỷ 21 này, lũ rùa dưới đáy hồ, cũng như mặt nước hồ Hoàn Kiếm đến nay, đại thể chẳng có gì hơn kém.

Giáo lý đạo Phật dạy: Trường thọ hay đoản thọ không là vấn đề quan trọng. Chân lý vũ trụ:

世間無常, 國度危脆, 四大苦空,  
五蘊無我

“Thế gian vô thường, quốc độ nguy thủy, tứ đại khổ khôn, ngũ ấm vô ngã”

Lấy ý nghĩa mà suy, thi ca **Tuổi thọ** nhằm sách tấn người con Phật: Sống mà an lạc hạnh phúc, lợi lạc quần sanh, sự sống ấy có ý nghĩa.

Sống mà tâm sâu bạch phát, trầm mình trong vũng lợi danh, cột cổ trong làn xa mă, thì uổng kiếp! Hãy tỉnh ngộ để quay về!

Khổ hải vô biên, hồi đầu thị ngạn.

Nghĩa là: Biển khổ mênh mông, quay đầu là bến.

**Tham Thiền 33****ÂM VANG CẢNH TỈNH**

Một kiếp phù sinh một kịch trường  
Đồng sàng dị mộng kịch thê lương!  
Say xưa mộng cảnh ai người tỉnh?  
Tỉnh giấc nồng say mộng kịch tan.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nếu chúng ta dám nhìn sự thật, không che dấu sự thật và nói sự thật, thì mọi người có thể đồng ý với nhau.

*“Một kiếp phù sinh một kịch trường”*

Đời người so với không gian vô cực, thời gian vô cùng thì rõ là kiếp phù du sớm sanh chiều chết, như mây ráng buổi chiều tàn, phút chốc chỉ còn lại hư vô.

Kịch ở Kịch trường, thường là đoán kịch. Diễn xuất hai, ba tiếng đồng hồ. Rất chẳng may cho ai bị bắt buộc đóng vai trường kịch hỷ, nộ, ái, ố, ai, cụ, càng dồn dập càng gút thắt liên tục, người ta mới khen là vở kịch hay. Vậy mà tất cả chúng ta dường như ai cũng tự nguyện cho mình được đóng vai trò Kịch sĩ.

Nhân loại trên toàn thế giới, đến thế kỷ 21 hiện nay, hơn 8,4 tỷ người cùng sống chung với thỏa ước **đồng sàng, dị mộng**, cho nên thế giới không có lúc hòa bình, con người chẳng có ngày an lạc!

Tỉnh giấc nồng say, con đường thẳng tắp nhất, đó là con đường tìm hiểu giáo lý Phật, học Phật và tu theo lời Phật dạy, chỉ có đức Phật, giáo lý đạo Phật mới chỉ đâu là Quả khổ, đâu là Nhân khổ. Thế nào là Quả vui, thế nào là Nhân vui.

Ngày nào nhân loại còn băng lòng lặn hụp chìm sâu trong biển khổ tham, sân, si. Ngày nào nhân loại còn hoan hỷ đam mê tài, sắc, danh, thực, thùy cuồng nhiệt, thì **mộng** chưa tỉnh, **kịch** chưa tan. Để an ủi mong manh xoa dịu vết thương lòng rỉ máu, dành mượn hai câu thơ cuối bài **Thăng long thành hoài cổ** của bà Huyện Thanh Quan ngâm nga mà an ủi:

*“Nghìn năm gương cũ soi kim cổ*

*“Cảnh đấy người đây luống đoạn trường”.*

## Tham Thiền 34

### THUYẾT PHÁP?

Tay chỉ vắng trăng chẳng chỉ gì!  
Trời xanh mây trắng đến rồi đi  
Ai người “bất thủ ư chư tướng”  
“Bất động như nhau” Phật nhân thưa!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Pháp tức là vạn vật hiện tượng, mỗi một vật, một hiện tượng, một dạng vật chất, đạo Phật gọi là một PHÁP. Nhìn trời xanh là một Pháp. Thấy mây trăng là một Pháp. Thấy người trẻ, thấy một Pháp. Thấy người già, thấy một pháp. Thấy quan tài, thấy một đám ma, thấy một Pháp. Nghe giọng đàn Nam ai não nùng, thảm thiết là nghe một Pháp. Nghe điệu ca ai oán, nghe Pháp. Ngửi mùi hương, ngửi Pháp. Nếm vị ngọt, nếm Pháp. Xúc với một vật, chạm xúc Pháp. Nghĩ ngợi và nghĩ ngợi là nhiều Pháp hiện ra cùng một lúc.

Nói rút lại, tất cả hiện tượng vật chất thiên hình vạn trạng đối tượng của thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc, biết “sáu căn” của con người đều gọi là “pháp”.

Người ta nói là Phật **thuyết pháp**, Phật thì nói Như Lai chẳng có thuyết pháp gì! Tại sao vậy?

Tại vì pháp Phật nói ra, không phải của Phật. Sanh, già, bịnh, chết, khổ. Sự khổ ấy không phải do Phật thuyết pháp mới có khổ! Thương yêu mà chia ly, ghét nhau mà chung chạ, thèm thuồng mà không toại nguyện, thân thể mất quân bình, khổ. Những điều khổ ấy, ai ai cũng có quyền thọ dụng ngang nhau. Điều đó không phải do Như Lai nói, Như Lai cho, con người mới được hưởng! Lấy ý Phật mà suy, rõ ràng Như Lai chẳng thuyết pháp gì ngoài sự vận chuyển, sự tuần hoàn, sự tồn tại sự mất đi. Duyên sanh, duyên diệt theo dòng nhân quả của vũ trụ vạn hữu.

Vả lại, người đệ tử nào nói Phật thuyết pháp, vô tình phỉ báng Như Lai. Tại sao? Tại vì trí tuệ Giác ngộ của Như Lai vô cùng vô cực. Những pháp Như Lai nói trong 12 bộ kinh chỉ là pháp cứu cấp, cứu nguy chúng sanh thôi! Pháp mà Như Lai chứng, Như Lai biết không phải chỉ có mấy tạng kinh từng ấy! Nước vũng, nước ao không nên nói đó là nước biển!

Pháp Như Lai nói ví như ngón tay chỉ trăng. Người trí nương ngón tay mà tìm trăng, ngón tay không là trăng. Phật dạy: Là đệ tử tu học Đại thừa, các người nên tu tập: Bất thủ ư tướng, như như bất động.

Có nghĩa là: Hãy tu hạnh Khất sĩ đi! Các thầy  
Tỳ kheo! Các thầy hãy cố gắng viễn ly:

“Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thanh  
hương vị xúc pháp sanh tâm. Ưng vô sở trụ nhi sanh  
kỳ tâm”.

Đấy! Như Lai bày vẽ cách cho các thầy Tỳ  
kheo vậy thôi, Như Lai không có gì để gọi là **thuyết**  
**pháp**, đâu nhé!

## Tham Thiền 35

### NẾU ĐƯỢC ƯỚC!

Tôi ước tôi như sắc với không  
Ước xa thế sự vấn vương lòng  
Ước lìa ngũ dục ly tam giới  
Ước được hòa tan tự pháp thân.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Giáo lý Bát nhã Đại thừa chỉ rõ: Sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc là không, không là sắc. Nhận thức nguồn giáo lý **sắc không, không sắc** là người thể nhập từng phần chân lý “bất tức bất ly” của hiện tượng vạn pháp.

Sắc là không: tìm bản chất và tự tính của nó để sanh ra nó thì **không**

Không là sắc: Vật chất hiện tượng dù huyền nhưng tiền cảnh vẫn hiện **có**.

Bài học “sắc”, “không” mới nghe qua người ta tưởng là “sơ cơ” dễ biết. Bởi vì bài Bát Nhã Tâm Kinh 360 chữ ấy, hồi vào chùa, sau bảy ngày cạo tóc, thành chú Tiểu là Ta đã thuộc lòng rồi! Sự thật không phải vậy, tâm trí con người hòa quyện với nghĩa “sắc” “không” ấy, trình độ “vô sanh pháp nhẫn” mới có được ước mơ đó.

*“Ước xa thế sự vấn vương lòng”*

Đấy là ước mơ bình dị của bất cứ chúng sanh nào trên “trần thế”. Bởi vì đó là một khổ trong vô vàn khổ. “Khổ hải vô biên”

*“Ước lìa ngũ dục ly tam giới”*

Đây là một ước mơ lành, ước mơ thánh thiện đáng tán dương tùy hỷ. Nhưng tự quán chiếu xem coi ước mơ của mình, có tương xứng, có phù hợp ngoại cảnh nội tâm trong môi trường, trong hoàn cảnh khả thi không. Chớ ước mơ để mà ước mơ thì ước mơ đó chẳng có giá trị gì đối với người đệ tử Phật!

*“Ước được hòa tan với pháp thân”*

Pháp thân Tỳ Lô Giá Na. có nghĩa là hiện tượng vạn pháp, tự tánh thanh tịnh, tự tánh trong sáng không ô nhiễm. Ở nơi nào, chốn nào tự tánh ấy vẫn **chân** vẫn **như** vốn vậy.

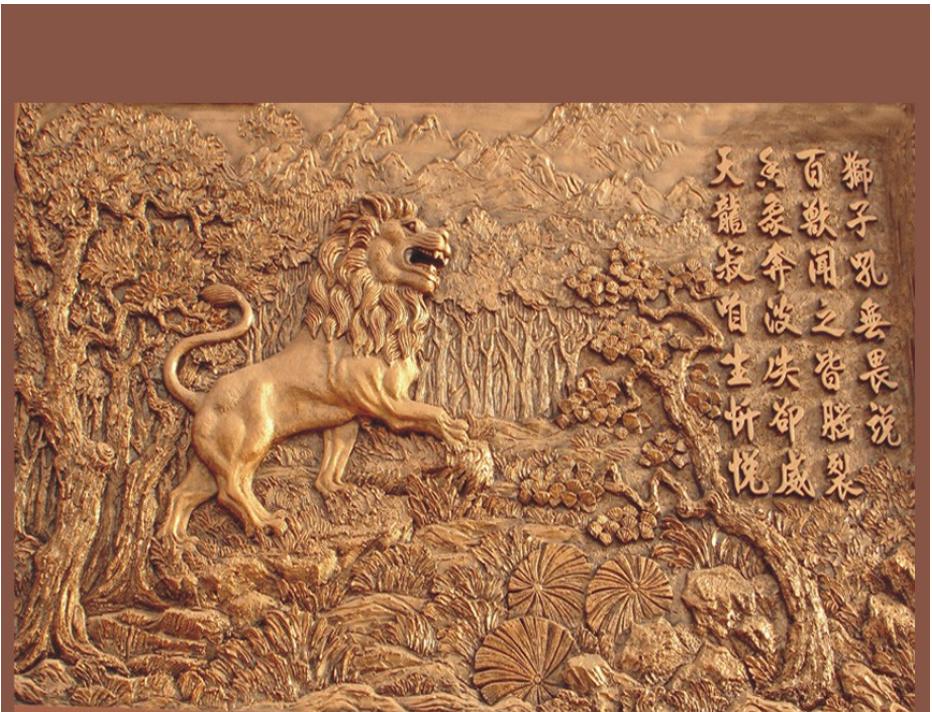
Điều ước thứ tư, thi nhân muốn mình trở thành một Thiền giả:

不 住 於 相, 如 如 不 動

Bất trú ư tưởng, như như bất động.

Đã là ước, thường đi ghép với mộng hay mơ, cũng như cầu thường đi đôi với nguyện. Vái khấn, ước mong, cầu nguyện tự nó nói lên rằng: Đừng ai tin tưởng gì ở sự “cầu nguyện”, “ước mong” vì nó không thật tế!

Có lẽ Thi ca này là một cách cợt đùa ẩn tình nhắc khéo của Như Huyền Thiên Sư chăng? Đúng rồi! Hèn chi đầu đề Thi ca rõ ràng là có chữ NẾU...!



**Âm:** Sư tử hống, vó út thuyết  
Bach thu van chi gai nao liet  
Huong tuong bon ba that khuec uy  
Thien long tinh thinh sanh hanh duyet

**Nghĩa :** Tiếng Pháp chánh, tờ tiếng gầm sư tử  
Bach thu nghe, như vồ ốc xé tim gan  
Lời Như Lai, lời vô út trong trời người  
Hương tượng khiếp, nói chí nai và chó chóc  
(Chứng Đạo Ca - Thi ca 16)

## Phần II: TỒI TÀ



## Tham Thiên 36

### THIÊN THỦ THIÊN NHÃN I

Ông gì? ông biết ông chẳng nhỉ?  
Nghìn mắt nghìn tay cả lố đầu!  
Đị dạng bẩm sinh trong bụng mẹ  
Hay là dần lớn nhú thêm ra?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phật Thích Ca vốn là một người trong cộng đồng nhân loại. Từ lúc tu nhân cho đến khi thành Phật, người không nói, không nghĩ, không làm những gì ngoài mục đích đem lại sự an lạc, sự giác ngộ và giải thoát cho con người. Đức Phật cũng như toàn bộ giáo lý tam tạng của đạo Phật, tuyệt đối phủ nhận tâm tưởng siêu hình, ý tưởng hoang đường huyền hoặc.

Một số chùa Phật giáo Việt nam Tạo và Thờ cái ngẫu tượng ngàn tay, ngàn mắt và hơn chục cái đầu. Nếu pho ngẫu tượng đó là người thì sự nảy sinh và cấu trúc ấy hoàn toàn phi lý. Vậy ngẫu tượng đó là gì? Phật Thích Ca hẳn là không trả lời được. Bởi vì nhân loại chưa có hình tướng như vậy xuất hiện trên nhân gian!

Giờ đây Phật tử chúng con xin hỏi Hòa thượng:

- Thưa Hòa thượng: Ông đó là ông gì?

- Thưa Hòa thượng: Ông đó người nước nào?
- Thưa Hòa thượng: Ông ấy chủng tộc nào?
- Thưa Hòa thượng: Ông đó dị dạng quái thai trong bụng mẹ hay là sanh ra rồi đầu tay mới mọc từ từ...?
- Thưa Hòa thượng: Ông ngẫu tượng này tu hành xong, kêu ông ấy bằng gì? Quả vị gì? Ông này hơn Phật Thích Ca tới...cả chục cái đầu, hơn 998 cánh tay và 998 con mắt???

Hòa thượng tác giả pho ngẫu tượng chắc chắn không cách nào giải đáp hợp lý được! Pho ngẫu tượng này đầu độc nhiễm ô biết bao nhiêu tâm lành trong trăng, khiến cho lớp lớp người trở thành nhẹ dạ cả tin, sợ hãi trước thần tượng siêu hình huyền hoặc, tự đánh mất ý chí trượng phu, nghị lực kiên cường tự chủ của chính mình.

Mọi người trong chúng ta đáng để tâm suy gẫm câu châm ngôn của hàng tiền bối để lại đại khái như dưới đây:

- Làm thầy thuốc phạm sai lầm, giết chết... một hoặc vài...mạng người

- Làm văn hóa phạm sai lầm, giết chết tâm trí sáng suốt của con người từ thế hệ này đến thế hệ khác không lường hết được.

### **Tham Thiền 37**

## **THIÊN THỦ THIÊN NHÃN II**

Ta chẳng ông gì? Chẳng khác ai!  
Đầu còn không có nói chi tay  
Vô minh! tưởng tượng thân ta thế!  
Lừa đảo nhân gian “cái quái thai”!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Mất một thời gian truy tâm dữ liệu lịch sử pho  
ngẫu tượng ngàn tay ngàn mắt ấy, người ta cho biết  
đó là cốt tượng Bồ tát Quán Thế Âm.

Đệ tử Phật hỏi: Thưa Quán Thế Âm Bồ tát!  
Ngài có thân hình kỳ dị vậy sao? Không phải con  
người, làm sao thành Phật được, thưa Ngài? Ngài  
khác với... hơn tám tỷ nhơn loại hiện có, Ngài khác  
Phật Thích Ca... rồi Ngài sẽ thành gì?

Bồ tát Quán Thế Âm có vẻ sảng sổ, ngạc  
nhiên, đâu có ngờ đệ tử Phật, họ đem mình ra làm  
trò “rung cây nhát khỉ” ấy, vừa hù dọa vừa bợm  
để bán cái uy linh ảo của mình cho dân chúng trần  
gian!

Bồ tát Quán Thế Âm niêm danh hiệu đức Bổn  
sư Thích Ca, rồi đọc lại thơ rằng:

*Ta chẳng ông gì? Chẳng khác ai!*

*Đâu còn không có nói chi tay*

*Vô minh! tưởng tượng thân ta thế!  
Lừa đảo nhân gian “cái quái thai”!*

### **Tham Thiền 38**

## **THIÊN THỦ THIÊN NHÃN III**

Quán Âm Bồ tát chính là ta  
Đâu có đầu, tay, mắt dị kỳ...  
Thân mẫu có thai như thế ấy?  
Làm sao sanh nở? “Giáo gian”...Ở?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bồ tát Quán Thế Âm khẳng định với hàng Phật tử với huynh đệ tỷ muội rằng: Quán Thế Âm ta không có nhiều tay và nhiều đầu kỳ quái phi nhân loại như vậy. Quán Âm ta không thể có bất cứ duyên cớ nào khác và hơn đức Bổn sư Thích Ca Mâu Ni của ta được. Làm sao Quán Âm Bồ tát ta hơn Phật ta đến những 998 tay, 998 mắt cả chục cái đầu? Và khác với Phật ta chiếc thân kỳ dị ấy? Ta không thể hơn Phật, ta không thể khác Phật, ta là đệ tử Phật, tu học theo con đường giải thoát giác ngộ của Phật mà thôi!

Quán Thế Âm Bồ tát khẳng định: Người bày vẽ tạc đúc ngẫu tượng ngàn tay ngàn mắt là thành phần tôn giáo bất chánh, tham uế lợi ô danh, muốn làm “Tổ”, muốn có “danh gì với núi sông...” bày vẽ với tâm tưởng hoang đường của con người có hạt giống hoang đường. Nhân loại hiện hữu ở địa cầu cho tới năm này căn cứ theo DL đã có 2008 năm,

không ai thấy có thứ con người ngẫu tượng được nặng ra ấy.

Bồ tát Quán Thế Âm khẳng định: Nhân loại không bao giờ có một người mẹ nào có thai như thế đó mà sanh được con! Thế cho nên bất luận người bày ra “ngẫu tượng” đó là Hòa thượng đạo hiệu **Thượng hẠ** là gì cũng thuộc thành phần ... bất chánh, tục gọi giáo gian!

## Tham Thiền 39

### THIỀN THỦ THIỀN NHÃN IV

Đầu nhiều ngầm dạy chánh tư duy  
Nghìn mắt trông xa để thấy nhiều  
Tri kiến chánh chơn tu thật đạo  
Tri hành hợp nhất mắt trong tay!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Văn hóa thế tục người ta vẫn thường sử dụng Dụ để diễn đạt ý tưởng mình, chuyển đạt cho người khác nghe, giúp họ dễ tiếp nhận, dễ cảm thông. Người viết văn thường dùng: Thí dụ, tỉ dụ, hiện dụ, ẩn dụ. Văn hóa trong Phật giáo ngoài bốn thứ dụ kể trên còn vận dụng: Tiên dụ, hậu dụ, bán dụ và biến dụ.

Nói và vẽ một Cô gái mặt đẹp như trăng rằm. Ai dám cưới!? Tạc Bồ tát Quán Thế Âm có ngàn tay, ngàn mắt, cả lố đầu, “phi nhân” “phi vật thể” vô tiền khoáng hậu, thì còn lấy cái gì để thành được quái gì?

Tâm của Bồ tát Quán Thế Âm là “Thiên thủ thiên nhãn vô ngại đại bi tâm”. Tâm đại bi, ý tế độ của Bồ tát đối với chúng sanh phát huy công năng và hiệu lực ấy, so sánh và tỷ dụ ngang bằng ngàn đầu, ngàn tay và ngàn mắt của ai đó, của con người nào đó ... nếu có.

Thế cho nên, nói nhiều đầu, ngầm dạy: Hãy tư duy nhiều. Nhiều mắt, ngầm dạy: Hãy quán sát nhiều, quán chiếu nhiều. Nhiều tay, ngầm dạy: Hãy thực hành nhiều. Hãy quyết chặt **văn tư tu** tri hành hợp nhất đó!

Hòa thượng bày vẽ cái thứ văn hóa sai lầm qua ngẫu tượng Quán Thế Âm là người đắc tội với chúng sanh, không biết bao nhiêu thế hệ mới gột rửa được cái tâm hoang đường, mê tín dị đoan này???

**Tham Thiền 40****THIÊN THỦ THIÊN NHÃN V**

Quán Âm : giữ niệm “Âm văn” tịnh  
Chứng nhập “Tam ma” bởi nhĩ căn  
Tin tưởng Quán Âm cần học hiểu  
Đường tu khởi sắc đạo thêm hương!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Quí Quán Thế Âm là tốt! Niệm Quán Thế Âm là tốt! Tôn trọng Quán Thế Âm là tốt! Quí kính, tôn trọng, ái mộ, niệm danh đều tốt hết, nhưng ai quí kính, tôn trọng, ái mộ đến mức gọi Quán Thế Âm Bồ tát bằng **Mẹ** và nghĩ rằng: Mình có **Mẹ** thiêng liêng, có gì trực trặc, rắc rối trong gia đạo, trong việc làm ăn... gọi **Mẹ** kêu danh hiệu **Mẹ**, cầu cứu **Mẹ**... **Mẹ** phù hộ! Sai rồi! Người đó không phải là Phật tử chân chánh kể từ đây! Quán Thế Âm Bồ tát không phải là một vị Bồ tát chuyên làm chuyện lặt vặt, tình cảm thân sơ, thương ghét. Thế cho nên, hàng Phật tử chân chánh đừng bao giờ có ý tưởng: Ta gọi Quán Âm bằng **Mẹ** để được Quán Âm **Mẹ** thương hơn! Người đệ tử Phật có học Phật không nên nghĩ Quán Thế Âm Bồ tát là một **phụ nữ**!

Quán Thế Âm là Như Lai cổ Phật là Phật tâm, Phật tánh cùng khắp vũ trụ nhơn sinh. Trong mọi

người Phật tử chúng ta đều là Quán Âm, sẵn có Quán Thế Âm ngự ở tâm mình. Bởi vì Quán Thế Âm Bồ tát là vị Bồ tát: Phổ môn thị hiện, cứu khổ tầm thỉnh, từ bi thuyết pháp độ mê tân... Quán Thế Âm cũng tức là **Như Lai** nữa! Là **Trí tuệ Như Lai đức tướng** của mọi người “Nhứt thiết chúng sanh cụ hữu trí tuệ Như Lai đức tướng” (Kinh Hoa Nghiêm). Thế cho nên, tu theo pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát cần phải học, học phẩm Phổ môn (kinh Pháp Hoa), học kinh Thủ Lăng Nghiêm kỹ càng sâu sắc mới hiểu biết vì sao Đại thừa Phật giáo xiển dương, trọng kính Quán Thế Âm Bồ tát là bậc Tịnh Thánh, bậc Đẳng Giác được tôn thờ.

Bồ tát Văn Thù lựa chọn, so sánh 25 cách tu tập của 25 vị đại đệ tử Phật, mỗi vị đều đạt kết quả, chứng nhập Pháp thân. Ưu việt hơn hết là pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát. Pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát dựa vào tánh nghe của “Nhĩ căn” và đối tượng nghe là “Âm thanh”. Rồi phát huy công dụng của chánh thọ, Bồ tát thể nhận nhĩ căn có ba đức ưu việt **Viên, thông, thường**, các môn tu dựa trên **căn, trần, thức, thất đại** đều không có. Pháp môn tu của Quán Thế Âm Bồ tát là pháp môn gần gũi trong mọi người đệ tử Phật, ai cũng có thể “lắng nghe”, ai cũng có đối tượng nghe thường xuyên liên tục réo gọi ở lương

tâm, lương tri của chính mình. “Ác nên xa lánh” “Thiện nên làm” và nhân sức mạnh ấy lên như ngàn mắt, ngàn tay và ngàn bộ óc của con người. Thờ Quán Thế Âm là thờ điểm đó. Kính quý, ái mộ Quán Âm ở nơi phương pháp và hạnh tu của người, chứ không phải ái mộ Quán Âm bằng cách thân thương, nguyện làm con nuôi của Mẹ, để sẵn trong nhà, gấp lúc lâm nguy kêu Mẹ cứu giúp.

Đạo Phật không chấp nhận đệ tử, nếu người đệ tử ấy không bỏ tánh mê tín, tánh ỷ lại tha nhân, khinh thường tri kiến Phật vốn có trong chính thân tâm mình.

## **Tham Thiền 41**

### **THIÊN THỦ THIÊN NHÃN VI**

Giáo thể cõi nầy hợp “tiếng nghe”  
Lắng nghe “tịnh thánh” tiếng lòng ta  
Nhĩ căn hướng nội ly năng sở  
Sanh diệt không còn, Phật hiện ra.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sau khi so sánh và chọn lọc, Bồ tát Văn Thủ trình lên Phật:

*"Phật xuất Ta bà giới  
Thủ phương chân giáo thể  
Thanh tịnh tại ÂM VĂN  
Dục thủ tam ma đê  
Thật tùng VĂN trung nhập"*

Có nghĩa là:

Phật giáng sanh (xuất hiện) thế giới Ta bà này, phương cách giáo hóa truyền đạt cho chúng sanh nhạy bén và thuận lợi hơn hết là: Âm và văn. Văn tức là nhĩ căn. Âm là đối tượng của nhĩ căn âm thanh. Phương pháp tu của Quán Thế Âm Bồ tát dựa vào “nhĩ căn và thanh Âm” vừa của “ngoại cảnh” vừa của “nội tâm”, vận dụng Bi Trí tự hóa giải, tự điều tiết, vô hiệu hóa căn trần theo quá trình tiệm tiến:

*"Sơ ư văn trung*

“Nhật lưu vong (*năng*) sở  
 “Sở nhập ký tịch  
 “Động tĩnh nhị tướng  
 “Liễu nhiên bất sanh  
 “Như thị tiệm tăng  
 “Văn sở văn tận  
 “Tận văn bất trụ  
 “Giác sở giác không  
 “Không giác tịch viên  
 “Không sở không diệt  
 “Sanh diệt ký diệt  
 “Tịch diệt hiện tiền...”

Thờ Quán Thế Âm là thờ phương pháp tu tập  
 mâu nhiệm thậm thâm ấy. Mâu nhiệm thậm thâm  
 mà không xa xôi khó hiểu, không huyền hoặc hoang  
 đường. Tu bằng tánh **nghe** tự có của mọi chúng sanh.  
 Tu qua “tiếng” đối tượng “nghe” tự tâm có, và ngoại  
 cảnh cũng có. Dùng phương tiện ngữ ngôn diễn đạt  
 yếu chỉ ấy đại lược như sau:

*Tiếng tác dụng vào tai*  
*Tiếng và tai vô hiệu hóa*  
*Vô hiệu hóa tiếng tai rồi*

*Nghe Động nghe Tĩnh buông luôn!*

*Tử diệu lực ấy nhân lên*

*Gạt bỏ năng văn sở văn*

*Tánh năng giác sở giác hiện*

*Xoá tan năng sở giác*

*Năng không sở không hiện*

*Diệt ý niệm năng không sở không*

*Diệt luôn ý niệm diệt*

*Niết bàn tịch diệt, pháp thân hiện tiền...*

Kính trọng, tôn thờ, ái mộ Quán Thế Âm Bồ tát, phải tu học cách tu của Người. Và tham thiền, quán chiếu nhận thức cho rõ Quán Thế Âm Bồ tát là tâm ta, Quán Thế Âm Bồ tát ở trong thân ta. Thậm chí tôn thờ ái mộ Phật cũng phải học như vậy. Quán Thế Âm Bồ tát có đủ dạng hình, từ thân hình Đồng nam, Đồng nữ, Trời, Rồng, Dạ xoa, Càn thát ba, A tu la... Nhơn, Phi nhơn, Thinh văn, Duyên giác, Bồ tát cho đến thân Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác Như Lai. Ngài là vị Bồ tát **Phổ Môn** mà!

Những ai cầu Phật ở ngoài thân tâm là tu sai rồi, như người nấu cát sỏi mà mong có cơm ăn là việc không thể có. Hãy học phẩm Phổ Môn trong

kinh Pháp Hoa. Đừng gọi Quán Thế Âm Bồ tát là **Mẹ Quán Âm** nữa nhé!

### Tham Thiền 42

## NGHỊCH VẤN ĐỊA TẠNG BỒ TÁT THI

Địa Tạng tu hành phước mỏng te!  
Thưa ngài Địa Tạng phải chăng? hè!  
Nếu không, ai lanh ngạnh chăn mộ!  
Nghĩa địa buồn tênh vẫn giữ nghề

Nghĩa địa buồn tênh vẫn giữ nghề  
Làm thân Địa Tạng đáng buồn ghê!  
Nghĩa trang giải tỏa dời cơ sở  
Lại giữ tro xương ở tháp chùa  
Lại giữ tro xương ở tháp chùa

Ta từ : Thệ, nguyện, hạnh huân tu  
Giữ mồ canh cốt ta đâu lanh  
Bọn nhất xiển đê cưỡng ép ta  
Bọn nhất xiển đê cưỡng ép ta  
Bắt ta canh mả giữ xương khô  
Đem kinh ta tụng nâng cao giá  
Kinh Phật Di Đà hạ thấp xa!

Kinh Phật Di Đà hạ thấp xa  
Phàm phu hám lợi phía bày ra  
Ngụy trang thiền tướng tâm vô quý  
Đồng đảng ma quân cách Phật ta!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Những bậc trí giả, thạc đức Cao Tăng biết rõ: Địa tạng Bồ tát thuộc thành phần “Bản cao tích hạ”. Địa vị gốc của Bồ tát ngang hàng với ba đời chư Phật, hạng thầy của mười phương Bồ tát (Tam thế Như Lai đồng tán ngưỡng, thập phương Bồ tát cộng quy y)

Nhìn bên mặt hiện tượng sai trái, do thành phần vô minh lợi dụng hình thức tôn giáo hành nghề tôn giáo với tâm ý “nhất xiển đê”, vì lợi dưỡng, họ khai thác lòng mê tín của những người Phật tử nhẹ dạ cả tin. Họ nhân cách hóa Bồ tát Địa tạng thành một con người gác nghĩa trang, hoặc canh giữ “kho” “nhà” “tháp” chứa rặt xương tàn cốt rụi.

Trông thấy hiện tượng sai lầm nhan nh�n đó đây, phát xuất từ số người lợi dụng tôn giáo (Phật giáo) kinh doanh Bồ tát, Phật, Trời. Bồ tát Địa tạng là ... người ... bị lợi dụng trắng trợn và công khai hơn ... các vị khác.

Như banh mắt kẻ đui, như ráy tai người điếc,  
như vực tinh thành phần mộng mị giữa ban trưa mà  
đề tài “Nghịch vấn Địa Tạng thi” được ra đời và ...

*Địa Tạng tu hành phước mỏng te!*

*Thưa ngài Địa Tạng phải chăng? hè!*

*Nếu không, ai lãnh ngành chăn mò!*

*Nghĩa địa buồn tênh vẫn giữ nghề...*

Địa tạng không bao giờ làm người giữ nghĩa  
trang, nghĩa địa cho ai cả.

❖ Địa tạng không làm người canh giữ xương  
tàn cốt rụi cho ai cả

❖ Địa tạng có Bổn nguyện, Bổn hạnh và Bổn  
thệ. Địa tạng là phương pháp tu xuất phát từ TÂM  
ĐỊA của mọi người con Phật

❖ Địa tạng không phải ai đó đội mao trái bí rợ,  
cầm cây gậy sắt với cục đá trên tay vậy đâu!?

❖ Bắt Địa tạng canh giữ nghĩa địa, bắt Địa  
tạng quản lý hủ cốt xương tàn do những người kinh  
doanh đặt để cưỡng bách. Nhưng sự thật họ không  
cưỡng bách Địa tạng được, vì Địa tạng là TÂM, là  
Phật Tâm thanh tịnh vốn có của mọi người. Bọn nhất

xiển đề làm sao “cưỡng bách” được TÂM canh mồ, giữ cốt được. Đó chẳng qua lừa gạt những Phật tử chưa học Phật, nhẹ dạ cả tin thôi!

❖ Kinh A Di Đà tụng tiền công “rẻ mạt”, mỗi lần tụng chỉ vài ba trăm ngàn VNĐ. Kinh Địa tạng của ta, họ đòi tiền công “đắt lắm” mỗi lần tụng phải mấy triệu VNĐ. Kinh Địa tạng Bồ tát ta quý hơn kinh A Di Đà điểm nào mà ăn mắc? Vô lý thật! Dám phỉ báng A Di Đà Như Lai!?

Hãy đọc thêm Địa tạng Bồ tát phần Phụ Chánh sẽ biết Địa tạng Bồ tát là Bồ tát thế nào!???

## Tham Thiền 43

### ĐỊA TẠNG BỒ TÁT

Địa Tạng là ta Tâm-địa ta  
Địa cầu dày chắc rộng bao la  
Mượn tâm dụ đất thành TÂM ĐỊA  
Thảo mộc hằng sa tự đất ra.

Thảo mộc hằng sa tự đất ra  
Loài chua, giống ngọt đất sanh mà!  
Tâm sanh thiện, ác... Như Lai tánh  
Địa tượng là tâm của chúng ta.

Địa tượng là tâm của chúng ta  
Chơn tâm xuất hiện khắp trời hoa  
Càn khôn vạn tượng bừng hương sắc  
Phật bảo : điềm lành Địa tượng qua.

Phật bảo : điềm lành Địa tạng qua!

Phật rắng : Địa tạng hạng thầy ta!

Ba đời Phật Phật đồng chiêm ngưỡng!

Bồ tát mười phương lễ kính quy.

Bồ tát mười phương lễ kính quy

Bởi vì Bồ tát gốc từ bi

Là nơi tích lũy nhân duyên thiện

Địa tạng phò ai tự giải nguy.

Địa tạng phò ai tự giải nguy

Minh châu tích trượng bất tương ly

Phóng quang soi khắp tam thiên giới

Đập vỡ thành môn ngục á tỳ

Đập vỡ thành môn ngục á tỳ

Tâm là đại thánh đại từ bi

Bổn tôn Địa tạng tâm ta đó

Địa tạng là ta Tâm của ta.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nhìn bằng nhãm quang triết học, người ta có thể thấy triết lý của đạo Phật chữ **Địa Tạng**: Đọc chánh âm nên đọc Địa tàng. Địa tàng là cái kho tàng vĩ đại, ví trái đất mà con người và vạn vật sanh trưởng, đang sinh hoạt, sống còn trên đó, mượn ý nghĩa rộng lớn, dày dặn, cứng chắc, bao hàm, chở đựng của quả địa cầu mà gọi là **Địa Tạng**. Chữ Địa còn dùng làm ẩn dụ rất quan trọng, tượng đối nhiều như: Địa tạng, địa mẫu, thập địa, tâm địa thậm chí dân gian hóa tâm địa của mình thành “Ông Địa” miệng luôn cười vui toe toét...

Kinh Tâm Địa Quán nói:

*Tam giới chi trung*

*Dĩ tâm vi chủ*

*Năng quán tâm giả*

*Cứu cánh giải thoát*

*Bất năng quán giả*

*Cứu cánh trầm luân  
Chúng sanh chi tâm  
Do như đại địa  
Ngũ cốc ngũ quả  
Tùng đại địa sanh  
Như thị tâm pháp  
Sanh thế xuất thế  
Ngũ thú thiện ác  
Hữu học vô học  
Độc giác Bồ tát  
Cập ư Như Lai  
Dĩ thủ nhân duyên  
Tam giới duy tâm  
TÂM danh vi ĐỊA*

Nghĩa là: Tâm địa ví cho tâm của mỗi một chúng ta. Vì thế, Tâm được ví như “địa” gọi là “Tâm địa”. Trong tam giới tâm là chủ, người hay quán tâm có được giải thoát, người không quán tâm luôn chịu trầm luân. Tâm chúng sanh ví như đại địa lục cốc, ngũ quả.. từ đại địa sanh. Tâm pháp cũng thế, sanh ra pháp thế gian và xuất thế gian... Tâm của tất cả

chúng ta là chỗ chở đựng, nảy sanh ra vô số điều thiện và cũng sản sanh ra vô số điều bất thiện, sanh con người hữu học, cả thành phần vô học. Tâm làm cho con người sống trong cảnh khổ cùng cực : Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh... Tâm cũng đưa con người đến cảnh an vui trong sáng như cảnh Cực lạc, Niết bàn, như Thanh văn Bồ đề, Duyên giác Bồ đề, Bồ tát Bồ đề và Vô thượng Bồ đề Phật. Do nhân duyên đó, gọi "Tam giới duy tâm". Tâm là Tâm địa . Tuyệt đại đa số kinh dùng chữ "Địa" chuyên chở ẩn dụ ... này! Kể cả "Ông Địa" cười vui toe toét ... để bán chạy hàng ...

Đại Tạng Bồ tát là Tâm địa ta:

*Địa Tạng là ta Tâm-địa ta  
 Địa cầu dày chắc rộng bao la  
 Mượn tâm dụ đất thành TÂM ĐỊA  
 Thảo mộc hằng sa tự đất ra ...*

*Địa tặng phò ai tự giải nguy  
 Minh châu tích trượng bất tương ly  
 Phóng quang soi khắp tam thiên giới  
 Đập vỡ thành môn ngục á tỳ.*

*Đập vỡ thành môn ngục á tỳ  
Tâm là đại thánh đại từ bi  
Bổn tôn Địa Tạng tâm ta đó  
Địa Tạng là ta Tâm của ta.*

Hãy tự tu sửa “Tâm” mình để mình tự hưởng Niết bàn, an lạc, vì Địa Tạng là Tâm địa của mình vậy.

## Tham Thiên 44

### NHÌN QUA TỤC ĐẾ

Chịu đựng giờ ni vượt mây mươi?  
Kiếp người lây lất vậy thôi sao?  
Lê thê cuộc sống mòn năm tháng?  
Vất vưởng hồn cô vỡ khóc cười?!

## **TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Đề cập đến tuổi tác, Thiền sư để “chơn đế” qua một bên rồi. Nói tuổi tác, là nhìn qua “tục đế”, nói bằng ý thức “đùa cợt” với chính mình. Chơn đế thì không đề cập luận bàn tuổi tác.

Từ khi được sanh ra : 1, 2, 3, 7, 10, 15, 20, 30, 50 cho đến 80, 90, 100 tuổi từ già cõi đời. Sống khoảng thời gian dài ngắn ấy, gọi là kiếp người; qua nhän quang của Thiền sư là khoảng thời gian đầy sự chịu đựng lê thê, vừa vượt qua chịu đựng này lại tiếp nối ưu tư sâu khổ, thành bại, hòn thua, được mất... của sự chịu đựng khác. “Tâm sâu bạch phát” là chuyện có thật, bởi quá nhiều chịu đựng mà nên. Nếu chẳng may, ở vào cảnh nghèo khó lại phải thiêu tai, dịch họa, thì sự chịu đựng khủng khiếp ấy sôi trào cao đến tận cùng khủng khiếp...! Giả sử ai đó có được phần may mắn như: Tiền tài, sự nghiệp, công danh... đó chẳng qua là liếm được tí mệt của 5

con ong làm rơi rớt ! Giá trị của 5 giọt mật ong rơi, thiết tưởng người trí nào cũng hiểu. Suốt quá trình gọi là “hưởng thụ” ngũ dục lạc, đâu chẳng là không “lây lất”! Đâu chẳng là “không chịu đựng”!

Ngày khép cửa cuộc đời. Sực tỉnh, thấy mình chỉ là chiếc “hồn cô”! Trời là chi? Đất cũng lại là chi? Tiền tài sự nghiệp danh vọng cao vút của ta giờ này chúng ở đâu? Vợ ta! con ta! hỏi những người thân thương nhất của ta!???

“Mình ênh! Giữ được gì!”

**Tham Thiền 45****CÔ HỒN?**

Kinh truyền vạn pháp tổng giai vô!  
Các đảng cô hồn gốc tự mô?  
Vô ngã vô nhơn hà xứ đáo?  
Tà sư vô thức mị nhơn hồ?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nếu là thầy Tỳ kheo tu sĩ Phật giáo, nói nôm na : thầy chùa của Phật giáo Việt nam ai ai cũng đều biết cái từ “Biên kiến” trong Kiến hoặc. Trong từ “Kiến hoặc” Phật dạy rằng: Thân ngũ uẩn con người sau khi buông bỏ ai đó chủ trương chết là hết, “mất trắng, sạch trơn” không còn gì, đó là ngoại đạo “Đoạn kiến” và ngược lại, ai đó chủ trương “còn”: “còn hồn, còn phách, còn hương linh, còn Giác linh... tồn tại thời gian ngắn dài hoặc vĩnh hằng, vĩnh viễn” đó là ngoại đạo “thường kiến”.

Theo đạo Phật, nói chết rồi “mất trắng, sạch trơn” không phải vậy. Nhưng vấn đề còn là còn cái gì, mất là mất cái gì, còn là còn ra sao? Điều đó không phải phạm vi của bài này diễn giải hết được. Bài thi nhan đề “cô hồn” nhằm nhắn gửi cho mọi người đệ tử Phật, rằng: “cô hồn” lang thang vất vưởng quán chợ, đường quan chờ những buổi thí rế xô giàn ... kiếp ăn nuôi sống là không phải đạo

Phật, vì nó sai thực tế, sai lý luận và hoàn toàn sai giáo lý đạo Phật. Không có một Tỳ kheo, một Pháp sư, Thiền sư, một thầy chùa nào cắt nghĩa, giải thích, thuyết minh được. Chỉ có những thành phần không phải đệ tử Phật, tất nhiên họ cắt nghĩa theo cái hiểu riêng của họ. Điều đó nếu có sự thật, chẳng qua cũng chỉ là chuyện “duyên sinh như huyền” trên đời này...

Đừng hiểu Đại thi hào Nguyễn Du viết văn tế thập loại “cô hồn” theo ý tưởng của những tâm hồn “nhẹ dạ cả tin, thích cầu khấn, lễ bái, nhất là tháng bảy âm lịch. Theo Đại thi hào Nguyễn Du, nếu ai không trí tuệ sáng suốt, quá đam mê tiền tài, sắc dục, danh vọng, địa vị, cháu con, sự nghiệp v.v... hãy coi chừng ! Những người ấy đều là những kẻ “đã cô hồn, đang cô hồn” chứ không cần phải chờ đến chết rồi mới được thành “cô hồn”!

## Tham Thiên 46

### TAM GIỚI

#### DỤC GIỚI :

Dục giới do tâm tại cõi này  
Tài tham sắc nhiễm lợi danh mê  
Ngày đêm dục vọng không ngưng nghỉ  
Cõi dục không ranh chẵng bến bờ.

#### SẮC GIỚI :

Sắc giới là đây vật chất này  
Thiết vi sự nghiệp nhốt thân gầy  
Đắm mê của cải còi “tri kiến”  
Uổng kiếp phù sinh có được chil

## VÔ SẮC GIỚI :

Vô sắc vô hình vật thể ly!  
Đã “phi vật thể” cõi bờ chi?  
Răng: nơi cõi ấy sinh linh ngự?  
Lý: kẻ hoang đường, đúng: bợn si!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Pháp giới nhất chân, Bất nhị tùy thuận, Nhứt tức nhứt thiết là tôn chỉ, mục đích, lý tưởng hướng đến của đạo Phật, là cơ sở triết lý đạo Phật. Do vậy, nhà Phật học, người lãnh đạo Giáo hội Phật giáo, Thiền sư, Giáo sư, Giảng sư có trách nhiệm bẩm phận đào tạo, dẫn dắt đệ tử môn đồ, phải hết sức thận trọng thân khẩu ý với việc làm và lời nói của mình.

Đã là Nhất chân, bất nhị, nhứt tức nhứt thiết cho nên “Tam giới” không được nói hoặc minh họa, rằng : tầng một cõi Dục, tầng hai cõi Sắc, tầng ba cõi Vô sắc. Cũng không được chỉ phương hướng, rằng: Dục giới hướng Đông và Nam, Sắc giới hướng Tây và Bắc, Vô sắc giới hướng Trung ương và Tứ duy..., cấm tuyệt! Cách giảng dạy truyền đạt tư tưởng ngu đần, hoang đường ấy, khiến lây lan dẫn tới mê tín dị đoan, sống gật gù với thần thánh, quỷ ma do đầu óc bệnh hoạn từ thế hệ này sang thế hệ khác, tìm thực tế để chứng minh không bao giờ có. Vấn đề

Tam giới, thật sự không phải đạo Phật dạy cái gì rắc rối khó hiểu cho con người, nhưng hết sức khó nói cho những đầu óc dễ sợ hãi, nhẹ dạ cả tin, thích gẫui gãm, vọng ngoại mong cầu, trãm sự nhờ thầy, những đấng bề trên mà vĩnh viễn không bao giờ gặp. Những tâm hồn mê thích duy tâm siêu hình không thể nào hiểu được Tam giới của đạo Phật dạy. Không hiểu Tam giới đúng nghĩa, đúng lý mà ham tu hành... muốn ra khỏi ba cõi, đó là hạng người nấu cát mong được thành cơm.

Vậy Tam giới là thế nào?

Tam giới: Ba cõi, sự thật không có cõi bờ, không có giới hạn, không có ranh rắp rào giậu gì hết. Mặt ngang của tam giới là không gian vô tận, bề dọc của nó là thời gian vô cùng. Nói cách khác, tam giới là toàn thể vũ trụ hiện hữu. Con người ở bất cứ nơi đâu có toan tính dục vọng thì nơi đó là “Dục giới” của họ. Người đam mê vật chất, bảo thủ vật chất, yêu quý vật chất không niệm viễn ly, người đó ở nơi đâu, thì nơi đó là “Sắc giới” của họ. Người tin tưởng hoang đường, thích thờ cúng van lạy cầu xin với “đấng không bao giờ có”, gởi gãm đời mình cho các thứ huyền hoặc siêu hình, người đó ở nơi đâu, thì nơi đó là “Vô sắc giới” của họ, vậy thôi.

Hãy đọc lại thi kệ trên thì sẽ rõ.

Đó là ba tâm trạng, ba phạm trù tư tưởng, ba hoàn cảnh môi trường. Người nào buông bỏ được, xa lánh khỏi, hóa giải hết thì người ấy đã xuất ly Tam giới, không còn bị các khổ và nguyên nhân các khổ xâm nhập được nữa. Phật dạy người đó có Niết bàn, họ đã chứng Niết bàn và đang nhập Niết bàn.

## Tham Thiền 47

### TAM ĐỒ

#### ĐỊA NGỤC:

Địa ngục là đây tại cõi nầy  
Cháy thân cháy cảnh cháy tâm tư  
Muốn còn sợ mất sầu liên tục!  
Cùng cực đau thương tại chỗ đây!

#### NGẠ QUÝ:

Thứ quý tham ăn đói khát ghê!  
Suốt đời thiếu thốn kiếp lê thê?  
Trăm mưu nghìn kế cầu no bụng  
Cung ứng quanh năm chẳng đủ cầu!

## SÚC SINH:

Sinh linh mê muội lê vô thường  
Đạo đức lương tâm bụng trống không  
Lạnh mặc đói ăn no ngủ ...  
Sống đời vô thức chết vô tri!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Phật dạy “ Thực tánh cũng như thực tướng của vũ trụ vạn hữu, đạo Phật gọi là “pháp giới”, do con người tạo tác ra. Con người là một hỗn hợp từ Sắc và Tâm. Nói khác đi, vật chất cộng tinh thần. Tinh thần hay tâm là năng lượng, là động cơ kích khởi thân ngũ ấm phát huy tác dụng: Thân nghiệp, khẩu nghiệp và ý nghiệp. Do vậy, qua nhẫn quang và nhận thức của một Thiền sư: Pháp giới là danh từ gọi chung gồm đại vũ trụ và tiểu vũ trụ. Vũ trụ cộng nhơn sanh là đại vũ trụ. Sắc cộng tâm, thân ngũ ấm con người là tiểu vũ trụ. Người đệ tử Phật tu thiền tốt thấy rất rõ đạo lý ấy!

Tam đồ là Hỏa đồ, Đao đồ và Huyết đồ. Hỏa đồ ví sự cực kỳ đau khổ như nóng cháy thiêu đốt thân tâm, như cực hình “bào lạc” của Trụ vương Đắc kỷ... Đao đồ ví sự đau khổ cùng cực như hình phạt chém đầu bêu thủ cấp, như gươm “chúc lâu” tam ban trào điển của Việt Vương Câu Tiển. Huyết đồ ví

sự khổ sở như lúc sa cơ bị ăn tươi uống máu để rửa thù hận hoặc để no nê !

Tam đồ còn có tên khác là Địa ngục, ngạ quỷ và súc sanh. Tựu trung cũng chỉ cho sự khổ đau cùng cực của kiếp con người qua ba cách mô tả, diễn đạt khác của đời sống con người, không biết gì về thiện ác. Kiếp sống con người trọn đời sống bằng ác nghiệp, do ác nghiệp đóng góp mà thiết lập, kiến tạo “tam đồ”. Địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh chính con người tạo ra, thì chính con người lãnh lấy và chỉ có con người ác nghiệp tự thọ, tự biết. Thân nhân, bằng hữu dù ở chung một nhà cũng không ai thấy biết.

Thế cho nên Tam đồ không có địa điểm, không thể chỉ bất cứ nơi nào. Ngược lại Tam đồ có thể xâm nhập, xây dựng thiết vi thành, hình phạt con người bất chấp gia đình quý tộc hay phó thường dân. Người trí muốn hiểu nội dung nét lớn của tam đồ, hãy đọc thi kệ trên.

Hơn tám tỷ nhơn loại trên mặt địa cầu, có ai đi  
bỏ thăm bầu cử Ngọc hoàng thượng đế và cả chục  
Diêm vương ấy lần nào chưa? Nam tào, bắc đầu ai  
phong chức? Ai giao nhiệm vụ? Ai phân công? Bọn  
quỷ sứ không một thằng có tâm lành vậy mà chưa  
bao giờ hữu trí, kể từ khi có con người biết mê tín  
cho đến thế kỷ thứ 21 ngày nay!?

Chỉ lên gọi là trên có Ngọc hoàng thượng đế,  
có Nam tào bắc đầu, chỉ xuống gọi là dưới có hỏa  
ngục A tỳ, có Diêm vương quỷ sứ. Hãy xét lại, nếu  
thấy thích hợp chưa lạc hậu thì dùng, bằng đã lạc  
hậu thì sửa sai chưa muộn, vì tuổi thọ của quả đất  
còn dài!...

## Tham Thiền 48

### CHÍCH MÁU TẢ KINH

Máu huynh mấy lít hở sư huynh?  
Chích máu vào nghiên để tả kinh  
Tu phúc, tu tâm, tu hạnh ấy!  
Ông nào chứng giám? Tuyệt nhơn tình!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Chích lấy máu tả kinh là việc làm của con người không trí tuệ. Đem phân tích bảo lưu, phản biện cho đến cùng, nếu có cái gì đó không ngu thì: Một là âm mưu, hai là thủ đoạn, ba là có ý đồ bất chánh. Bởi vì thân thể con người được bao nhiêu máu mà chích lấy để tả kinh? Thời đại này người ta có thể thuê in một lần vài ba chục ngàn bộ trong mấy ngày. Nếu muốn tả bút lông chữ Hán, thì mực tàu mua bằng lít bằng cal là việc nhỏ. Tại sao rút bớt mạng sống con người làm son thay mực tả kinh?

Chích lấy máu tả kinh là Tu phúc ư? Hắc ám! Tu tâm ư? Vô Minh! Lập hạnh ư? Đấy là thứ hạnh che mắt những người có đức tin nhẹ dạ! Hạnh dù dỗ, lừa gạt những người kính quý, mộ đạo mà không học Phật lại tham cầu phước báo... Những Phật tử thiệt thà này cho rằng “sư huynh” chích máu tả kinh như vậy là “tu hành ghê gớm lắm”! Rồi sư huynh có

ngôi chùa. Ở ít lâu, sư huynh phá bỏ chùa nhỏ, xây cảnh lớn hơn. Sự lập hạnh ấy, nếu tính ra giá cả không sao lượng định được.

Hiền, Thánh, Phật là những bậc trí và đại trí vô thượng chánh đẳng chánh giác, các Ngài không bao giờ tùy hỷ với việc làm ngu si ấy! Những bậc đại trí dư biết máu là mạch sống của chúng sinh. Vì kính quý ham mộ kinh Phật phải hy sinh ngu xuẩn một mạng sống của kiếp con người!

“Tuyệt nhơn tình” Phật không tham dự và chứng minh cho hành động rặc mùi vô minh tham vọng ấy.

**Tham Thiền 49****CHUỘNG HỎA TÁNG**

Chiếc thân ngũ ấm có rồi không  
Một tổ vi sinh chứa lẩn trong  
Lúc sống thua loài vi khuẩn độc  
Ngày đem hỏa táng thăng... vi... sinh!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Là người Phật tử cần phải học Phật. Học tư duy quán sát, đạo Phật gọi đó là học thiền, tham thiền. Người học Phật sẽ biết rõ về chiếc thân ngũ ấm, biết rõ chân lý : Sinh, lão, bệnh, tử của kiếp con người. Nhận thức được chân lý ấy, vấn đề sống chết đối với họ chỉ là sự hợp ly, sinh diệt tựa ráng mây trời, sự nổi chìm của sóng mòi bọt biển. Từ giác ngộ đó mà biết ra rằng việc mai táng sau khi con người vĩnh biệt trần gian, từ giã thân bằng quyến thuộc trên đời thì : Thổ táng, hỏa táng, thủy táng, phong táng không còn là vấn đề đáng “sợ” hay đáng “chuộng” nữa. Sự lựa chọn của con người Giác ngộ là :

1. Vệ sinh tốt cho môi trường sống
2. Tiện lợi, gọn gàng
3. Nhẹ nhàng cho thân nhân hiện thế
4. Cắt đứt hậu quả tảo mộ, cải táng di dời

5. Mạch nước ngầm hậu thế bớt nhiễm ô.
6. Khỏi tốn kém lẽ nghi ma chay không cần thiết
7. Không choáng đất canh tác của người sống
8. Đóng góp mỹ quan cho xã hội hiện tại
9. Để dành chỗ ở cho con cháu hậu lai
10. Dứt sạch tư tưởng “sợ” lạc mả siêu mồ.

Thực tế mà xét, hỏa táng để phi vật thể cái xác chết “ngũ uẩn phù hư, vô ngã” kia là hữu lý, cụ thể mười điều lợi ích cho xã hội nhơn quần ở hiện tại và tương lai. Nếu quá khứ mà biết thì cũng được lợi ích hết sức lớn lao cho hiện tại. Quá khứ có người biết đề xuất ý hay như thế, giờ đây đâu phải tốn công nay thông báo hốt cốt nghĩa trang này, mai thông báo giải tỏa di dời mồ mả nghĩa trang nọ.... Con cháu sẽ không còn có cái “sợ” siêu mồ lạc mả ông bà cha mẹ như xưa.

Ấn độ, Campuchia, Lào, Thái lan... trên thế giới đã có thứ văn hóa hỏa táng tự muôn đời! Đức Thích Ca Mâu Ni Phật viên tịch phi vật thể xác Ngài bằng cách Trà tỳ tức hỏa thiêu đấy chứ ! Nói “Hỏa thiêu nóng”, đối với đạo Phật, người đó hết cứu, không còn giúp họ được gì !

Ngày từ biệt cõi trần ai, Phật tử có giác ngộ  
hãy nói : “Tôi chuộng hỏa táng”

## Tham Thiền 50

### SỢ HỎA TÁNG?

Lạnh l้า ! trời ơi ! Sợ l้า rồi!  
Mồ đơn huyệt chiếc chốn tha ma!  
Hỏa thiêu sống sợ đồi mai táng  
Lấp đất vùi chôn có sướng chi?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sợ hỏa táng, chuộng hỏa táng là hai tư tưởng đối lập, khi nghĩ đến bỏ chiếc thân ngũ uẩn của ai đó phải xuất bến ly bờ! “Chuộng”, nói lên sự học hiểu kinh điển giáo lý, nói lên rằng : Người Phật tử có tư duy, có tập thiền, có quán chiếu sắc tức thị không. “Sợ” thì ngược lại! Nên nhớ khi ngũ ấm chia ly, thất đại trả về, thổ táng, thủy táng, hỏa táng, phong táng là việc người trí lẽ ra không đề cập. Chủ yếu việc làm đó là “phi vật thể” một vật thể nếu không “phi” nó ô nhiễm môi trường sống cho xã hội hiện sinh một cách gớm ghê, khó sống! Thực tình mà nói, các cách táng, không cách nào đáng “thích” hay đáng “chuộng” cả!

Điều nên dè dặt của Phật tử là đừng bao giờ phát ngôn : “Tôi chết con cháu chôn tôi”. Hỏa thiêu nóng lấm tôi “sợ”, tôi không chịu nổi?! Nói thế, tất

cả những người có trí sẽ cười âm lên một lượt mà không dám nói lý do! Vì sợ... mích cái lòng!

- ❖ Nằm trong quan tài
- ❖ Chốn huyệt lạnh
- ❖ Một chiếc mộ bãi tha ma
- ❖ Nấm mộ đè lên mẩy tấn.

Nếu nhận thức qua nội lực của “tham thiền” qua quán chiếu, rõ ràng có thoải mái gì đâu ? Lạnh lầm ! Vì ở dưới lòng đất mà!

Phật tử hãy học “tham thiền”, có tham thiền mới nhận thức được “chân lý” và “phi chân lý”. Qua nhẫn quang của thiền sư thực học, thực tu “Cao quảng đại phần” tức là “tháp”, ngôi mộ cao to rộng lớn, thiền sư xem đó là “đồ bỏ” là vật biểu hiện cụ thể hóa vô minh, chẳng thèm ham, nữa là...

**Tham Thiền 51****GIỖ TỔ?**

Rõ thật ông là Tổ hồn hoi  
Bất tung chân lý ở đời chơi  
Niết bàn, Cực lạc không màng đến  
Hưởng lộc trần gian giỗ tổ to!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

“Sanh diệt moan trung, bất xã nhất pháp” Thế thì “Giỗ tổ” không có gì trái thế gian theo tập quán phong tục thông thường phổ biến:

- Cây có cội nước có nguồn
  - Ăn trái nhớ kẻ trồng cây
  - Uống nước nhớ người đào giếng
  - Ơn giáo dưỡng một đời nên huệ mạng
- Đức Ân sư muôn kiếp khó đáp đền

Cúng Giỗ tổ với tâm tư như vậy đúng quá rồi! Chỉ có hạng người bất hiếu, bất nghĩa, bất nhơn, bất lương và bất trí, mới dám phủ nhận bốn thành ngữ dân gian có lý ấy. Tuy nhiên, sự hiếu hạnh của dân gian và đức hạnh của đạo Phật không giống nhau trọn vẹn được. Hiếu hạnh theo con đường chơn đế

khác, hiểu hạnh theo con đường tục đế của dân gian khác. Chẳng hạn:

- Gửi thiệp tuyên cáo, mời Giỗ tổ lần thứ... ngày... tháng... năm...
- Chương trình ngày Giỗ tổ:
  - ❖ Tuyên bố lý do ... hướng dẫn tu học
  - ❖ Triển khai: Giới học, Định học và Tuệ học
  - ❖ Động viên: Văn huệ, Tư huệ và Tu huệ
  - ❖ Thực tập tham thiền: Quán vô ngã, vô thường, khổ, bất tịnh. Quán nhân duyên, nhân quả, như huyền tam ma đê

Kết thúc Giỗ tổ: Tiệc trà thân mật.

Làm được như vậy, nội dung đại khái thế đấy, gọi là Giỗ tổ đi theo con đường Chơn đế.

- Mời thật đông
- Ăn ăn năm mươi đến trăm cỗ
- Nhạc cổ, nhạc tân, đăng hương, điện trà... sơ tuần, á lễ...
- Thủ tục : Phẩm vật, hương hoa, tiền trao, lễ nhận...

- Ăn uống no say... nhân gian tạp thoại v.v...
- Tiễn biệt: Quà lưu niệm, chiếc phong bì...

Đây là cách Giỗ tổ đi theo con đường phổ biến của thế tục dân gian. Thiền sư, Pháp sư, Trụ trì sư tu tập đi theo con đường “thể nhập”, không bao giờ tổ chức Giỗ tổ rùm beng kiểu đó ! Giỗ tổ với hình thức... cúng kính, lễ bái để đáp nghĩa đền ơn trân trọng, không tác dụng, không tương quan chút nào với đạo lý Giác ngộ, Giải thoát. Tuyệt đại đa số là các vị “trụ trì trưởng tử thừa kế” Giỗ tổ với ý nghĩa “uống nước nhớ người đào giếng, ăn trái nhớ kẻ trồng cây”...

Sau hai hôm Giỗ tổ, đệ tử xuất gia phấn khởi lòng vui phơi phới. Các tín nữ cảm thấy buồn buồn, như vừa mất mát một chút gì đó...

Bất tòng chân lý : Theo giáo lý đạo Phật, vũ trụ nhân sinh đều bị sự chi phối theo qui luật : Thành, trụ, hoại, không. Cưỡng lại chân lý, ở đời chơi để mỗi năm được “ăn giỗ” của môn đồ đệ tử cúng, tức là “bất tòng”.

## Tham Thiền 52

### NHẬP THẤT

Nhập thất giam thân tác dụng chi?  
Ngồi trơ tượng đá há từ bi?  
Cóc boong hì hỉ khàn thanh quản!  
Tưởng tượng quàng xiên loạn óc sâu?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thất nhà, Gia nhà, Đường nhà, Phòng nhà, Xá nhà, Ốc nhà, Am nhà, Tự nhà, Cốc nhà, Miếu nhà, Đinh nhà, Dinh nhà, Trạm nhà. Thất là một nhà trong mười ba thứ nhà ấy. Thế cho nên “nhập thất” là vào thất, vào một trong mười ba thứ nhà không có gì đáng quảng bá làm ra vẻ thiêng liêng mầu nhiệm cả. Thường là tu sĩ Phật giáo nhập thất hay tuyên cáo, quảng bá um sùm. Nào là nhập vĩnh viễn không ra, nào là nguyện nhập cho đến khi nào chứng quả, nào là nhập thất để tịnh khẩu, để chuyên tu, để tịnh trừ tam nghiệp... Nếu không sợ mích lòng, nói thẳng ra rằng: Tất cả ngôn từ quảng cáo lập trường tư tưởng đã nêu trật lết, sai con đường giải thoát, đóng bít cánh cửa Giác ngộ, mù tịt hướng tiến ra...

Tu hành nhầm khai phóng cho con người tiến tới đường ngay nẻo sáng, mở mang trí tuệ để nhận thức vũ trụ nhân sinh. Muốn đạt lý tưởng đó là phải học Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri Kiến, phải bồi dưỡng Văn, Tư, Tu, phải quán chiếu Không,

Vô Tác, Vô Nguyện, phải học kỹ bốn thứ Tứ Đế, quán triệt Thập Nhị Nhân Duyên, hành Ba La Mật v.v... đó là chánh pháp, tu sĩ Phật giáo cần tu học. Nhập thất, hình thức cũng như nội dung chỉ là “tự nhốt” mà tự nhốt hay “bị nhốt” như nhau, không một ích lợi nhỏ nhen nào.

Chó biết toán cộng, Voi biết đá bóng, Khỉ biết thủ môn, Chủ đoàn xiếc thâu đủ thứ đô la, đủ các dạng tiền trên thế giới, do biết cách huấn luyện đúng và khéo với các con thú ấy, chó không do NHỐT mà được. Điều đó thực rõ ràng, vậy mà có một thành phần con người cố ý giả dạng mặt ngơ, tai điếc bày trò nhốt để rồi tuyên bố lang bang: nhốt suốt đời, nhốt ba năm, nhốt mười tám tháng, nhốt ba tháng, ba tuần...!

Tu là sửa đổi, sửa đổi thân, khẩu, ý xấu ra tốt, ác ra thiện. Thiền sư, tu sĩ há không định nghĩa được hay sao? TẬP là làm hoài, làm mãi, làm thành thói quen tự tánh: “Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành” lời dạy của Phật rành rành còn đó, tại sao không Tu không Tập? tự “nhốt” để cầu mong?

Mời đọc thơ của Như Huyền thiền sư lần nữa, may ra có tinh ngộ chút nào chăng ? Khỉ nhốt 50

năm không thành người được. Thợ săn mặc ca sa  
khất sĩ vẫn thợ săn.

### Tham Thiền 53

## SỐNG MÀ KHÔNG SỐNG!

Sống suông như chết đáng thương ai!  
Dưỡng khí tiêu hao thở suốt ngày  
Giá áo trăm năm treo mắc áo  
Túi cơm từng buổi đựng cơm đầy  
Bao giờ lọ rượu mà không rượu  
Bị thịt ai cam để thịt voi  
Lạm phí thiên nhiên thân bảy đại  
Uổng công cha mẹ phụ ơn thầy.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sống của khoáng vật cần một điều kiện hiện hữu tồn tại. Sống của thực vật cần hai điều kiện : hiện hữu tồn tại và sanh trưởng. Sống của con người động vật cao cấp cần ba điều kiện: sự hiện hữu, sự sanh trưởng và tri thức.

Theo quan điểm lập trường của Nho gia, tiêu chuẩn con người đúng nghĩa phải có:

- Cách vật trí tri - Thành ý - Chánh tâm - Tu thân - Tề gia - Trị quốc - Bình thiên hạ và Tam cang, ngũ thường

Còn đệ tử Phật, riêng giới xuất gia phải rèn luyện cho mình hai nhiệm vụ: Tự giác và Giác tha, đấy là con đường đức Phật đã vạch để hoàn thành nhiệm vụ thiêng liêng của người con Phật. Ví dụ:

- Nhất thật tướng.
- Nhị vô ngã.

- Tam giải thoát môn,Tam pháp ấn.
- Tứ đế sanh diệt,Tứ đế vô sanh,Tứ đế vô lượng,Tứ đế vô tác.
- Ngũ định tâm,Ngũ chủng bất nam, Ngũ chủng bất nữ, Ngũ chủng tánh, Ngũ thừa Phật giáo...
- Lục tức Phật,Lục ba la mật,Lục chủng thành tựu, Lục căn, Lục trần, Lục thức, Lục thông
- Thất thánh tài,Thất bồ đề phần.
- Bát bất trung đạo,Bát chánh đạo,Bát phong suy...
- Cửu huyền thất tổ...
- Thập triền, thập sử,Thập thiện nghiệp...
- Thập nhị nhân duyên...
- Thập bát bất cộng...

Và Tam qui, ngũ giới pháp.

Đạo Phật, đạo Nho nhận thức con người và tiêu chuẩn nhân sanh quan, đại cương gắp gỡ nhau nhiều. Giáo lý các tôn giáo khác ít gắn bó nhiều bằng Nho-Thích-Đạo (Đạo Lão)

Đạo Phật cũng như Nho gia, người đủ tiêu chuẩn đại lược nêu trên là người sống, đang sống, cùng sống trong một xã hội tốt lành với cộng đồng nhân loại nói chung, tự thân người đó đang sống vui, sống rộng, sống mạnh nói riêng. Nhược bằng sống không đúng tiêu chuẩn con người lành mạnh theo định nghĩa thông thường có, hoặc không được như những tiêu chí trên, thì khác gì chết, “sống mà không sống”.

Nho gia nói: Nhân bất thông cổ kim như ngưu mã nhi khâm cứ. Nghĩa là: Người sống thấp hơn định nghĩa con người thì chẳng khác chi trâu ngựa mặc áo quần. Còn kinh sách Phật gọi đó là: Tẩu nhục hành thi. Là cục thịt biết đi, thây ma cục cưa. Người xưa thì nói: “Phường giá áo túi cơm, Lọ rượu bị thịt...”

Phường giá áo túi cơm, thành phần lọ rượu bị thịt, hạng người như cục thịt biết đi, thây ma di động, sống chẳng ích lợi gì cho tự thân, cho xã hội nhân quần, lại còn làm bẩn thủ ô uế nền văn hóa, đạo đức thanh cao của cuộc sống. Thế nên, sống mà như không có trên đời, chết mà còn tiêu thụ dưỡng khí, hạng người như vậy gọi là:

“Sống mà không sống”

## Tham Thiền 54

### CHẾT MÀ KHÔNG CHẾT!

    Ai kia thiên cổ đã lưu danh  
    Tài đức từ nhơn bản hữu sanh  
    Trực chính liêm minh thường ứng dụng  
    Ân oai khoan dung vững thi hành  
    Cô am nhận thức nhân sinh sự  
    Não bộ tư duy vũ trụ thâm  
    Kích khởi tự nhiên, vô học trí  
    Hòa tan giác hải mất như còn.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Người xưa nói: Nhơn tử lưu danh, hổ tử lưu bì. Nghĩa là: Người chết để tiếng, cọp chết để da. Cọp coi vậy mà hay, đơn giản hơn người. Cọp nào chết cũng để lại một tấm da, một thứ da cọp. Con người chết để lại tiếng, có hai thứ.

1. “Vạn viên vi xú” như Kiệt, Trụ, bạo chúa.. hôn quân...như độc tài, diệt chủng từng gây bao nhiêu là đau thương tang tóc cho con người.

2. “Thiên cổ lưu phương” có tam hoàng ngũ đế ở nước Trung Hoa thời xa xưa ấy. Việt Nam ta và các nước trên thế giới xưa cũng như nay, những bậc thiên cổ lưu phuong nhiều khôn kẽ xiết. Thức giả còn ai chẳng biết điều này!

Nhìn qua phía đạo đức Âu châu có đức Kitô, các thánh tông đồ...

Á châu, Khổng tử, Lão tử, Trang tử.

Nho gia tử đệ có Tăng tử, Mạnh tử, Tử cống, Tử tư, Tử sản, Tử lộ v.v...

Đó là những tánh danh thiêng cổ lưu phương ở Trung quốc. Nhìn qua Ấn độ, thì đức Phật Thích Ca. Nền giáo lý của đức Phật Thích Ca là giáo lý vô tiền khoáng hậu. Người có mắt triết học nhìn thấy giáo lý của đạo Phật là triết học, người có mắt khoa học, nhìn thấy đó là khoa học, ai duy tâm thấy đó là duy tâm, nhìn qua duy thức, cắt nghĩa theo duy thức, đứng bên duy vật mà nhìn giáo lý đạo Phật làm cho sự nhận thức của nhà Duy vật vốn đã sáng tỏ càng thêm rực rõ thêm. Bởi vì đức Phật và giáo lý của đạo Phật do Phật chỉ ra vốn có đủ tánh và chất duy tâm, duy vật, duy thức, triết học, khoa học, toán học, vạn vật học, vũ trụ học... Thế cho nên giáo lý của đạo Phật là tất cả. Ví như ngọc kim cương, tùy góc đứng, tùy cạnh nghiêng, ngọc kim cương tỏa màu khôn kể xiết. Thực lý, Phật giáo hay đạo Phật vốn không cần đến cái từ “Tôn giáo” của các đạo khác cần. Vậy mà một bộ phận mệnh danh đệ tử Phật hồn hoa, với đức tin mờ mờ ảo ảo, tinh tinh mê mê đem Phật và giáo lý đạo Phật gọi là “tôn giáo” để đáp ứng nghề nghiệp của mình. Thế mà họ vẫn được nhờ cây, gop phần xây dựng hạnh phúc cho một số chúng sinh nho nhỏ!

Quốc vương, thái tử, đại thần, tể tướng tam công, bách quan vạn dân, những bậc “thiên cổ lưu phương” ấy “chết mà không chết”. Giáo lý của đạo Phật trải qua mấy nghìn năm có lúc thịnh có lúc suy, lúc hiển lúc ẩn, nhưng không thể lực nào làm cho diệt mất được, đó là “mất mà không mất”. Đức Phật nhập diệt tại Ta la song thọ lâm, nhục thân Phật không ai còn được thấy, đó là:

**Chết mà không chết.**

## Tham Thiền 55

### VÕ VỀ

*Lời Trâu và Nghé*

Nghé ơi ! con chớ vội sầu  
Mai này nghé sẽ thành trâu một phồn  
Nghé trâu, trâu nghé bình quyền  
Phận danh đồng hội đồng thuyền có nhau  
Thói đời nghé trước trâu sau  
Mài sừng dưỡng móng đê cao giống nòi,  
Trâu rừng xâm phạm đất đai  
Trâu đàn diễn võ giương oai tung bừng.  
Nghé ơi! nghé chớ vội mừng  
Làm sao giữ chất trâu rừng mới ngoan

Đừng cho bọn chủ hung tàn  
Cưa sừng xỏ mũi bẽ bàng kiếp trâu.  
Thân trâu nắng dãi mưa dầu  
Uống ăn cỏ nội nước đầm trời cho!  
Ghét thay bọn chủ tham ô  
Lùa sau dắt trước lưng thồ ách mang  
Còn đâu khí phách hiên ngang  
Băng đồng lội suối vượt ngàn thuở nao  
Thân trâu luồn cúi ra vào  
Gia nô một kiếp biết ngày nào ra!  
Luống công tằng tổ mẹ cha  
Sanh nuôi giáo dưỡng còn là ta chăng?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nghé là trâu, trâu là nghé. Khi còn là nghé, nghé thích mình là trâu. Trâu đã hội nhập thực tế cuộc đời, nhận rõ thân trâu chẳng sướng gì ! Trâu thấy và biết rõ sự ước mơ của nghé chỉ là ước mơ của tuổi trẻ chưa va chạm cọ xát với thực tế cuộc đời của kiếp trâu. Nghé đâu có biết, phải xỏ mũi mới thành trâu được đó chứ ! Nghé đâu có biết nỗi khổ thân, khổ tâm của kiếp trâu nghé. Vì là nghé, cho nên nghé còn có thời gian nhởn nhơ nội cỏ nước bào, chớ trâu đâu được vậy. Đã là trâu thì luôn luôn trực thuộc sự quản lý, sự cần đến, sự cắt đặt dắt lùa, sai sứ theo ý chủ. Đã là trâu phồn, trâu nuôi thì đã phải có chủ rồi. Nghé chưa hiểu được nỗi nhọc nhằn cơ cực của trâu. Có lúc kéo cộ tới đêm khuya mà chưa được nghỉ, có khi vừa rạng sáng đã gát ách đi cày. Mùa cấy sạ thì trực dần trực dập suốt buổi sáng, tận buổi chiều, nước đồng cỏ nội lếu láo qua loa. Có lúc lại phải chém nhau với đàn trâu rừng trâu lạ, bảo vệ đàn nghé trâu phồn...

Nghé ao ước mong được thành trâu, dù muốn dù không vẫn là điều hợp lý. “Việc gì đến sẽ đến” nhưng “vội mừng” là ngu lăm con ơi ! Nghé phải thành trâu, sẽ thành trâu là điều tất yếu của nghé trâu, trâu nghé.

Đã là trâu mà được có phồn, có chuồng thậm chí có màn mùng chống muỗi, rõ là trâu nuôi, trâu của chủ rồi ! Thảo nào dân gian nói :... “Cái gì nó cũng có cái giá của nó”. Trâu phồn trâu có chủ, dẫu cho cực nhọc cũng phải gắng chịu, đổi lại chủ phải tạo chuồng, trại, mùng màn, có lúc ung khói, đốt thêm lửa bảo vệ cho trâu. Cuộc sống của trâu như thế đáng bằng lòng lăm rồi !

Cuộc đời, nói gì cũng không trúng hết, là trúng. Câu nói có vẻ “ngông ngông” Như Huyền Thiền Sư sáng tác ấy, nghe kỳ kỳ mà ngộ ngộ sao ấy. Biết đâu cũng trúng trúng! Hãy thiền xem! Trâu rừng có tự do thật, có được cái thú băng rừng lội suối, cỏ hoang nước nguồn, ngược lên thưởng thức trời xanh mây trắng nắng hồng ráng tía, cúi xuống ngắm nhìn giang san cẩm tú, chiêm ngưỡng rừng thẳm đồi cao, mênh mông bát ngát. Nay chân trời, mai góc biển, lỗ mũi tự trời cho, lưng trần cổ trống, sừng tự phát, móng thiên nhiên, không ai có quyền bắt buộc... Nhưng mà tiêu chuẩn có vẻ quí tộc, hưởng thụ cách

kiểu trâu phồn...Ôi! hoàn toàn trâu rừng chúng ta  
không bao giờ có. Thế cho nên:

*Chuông chùa thanh thoát buông một điệu*

*Mỗi người mỗi vẻ mỗi hoài mong...!*

## Tham Thiền 56

### XIN ĐƯỢC CƯỜI

Ta van Cao xanh!

Và ta van hết thảy mọi người.

Cho ta được cười với tiếng cười ngạo nghẽ

Ta muốn cười trước những gì ta thấy, biết...

Trước Cao xanh, trước san hà vũ trụ bao la

Trước con người... đồng hội... thân thương

Ta yêu thích giọng cười ngạo nghẽ ấy

Giọng cười đó, không dành riêng cho ai hết

Trớ trêu thay! Ai đó chẳng dám cười.

Ta cười lên, cười một chuỗi... kha... kha...

Cho những kẻ điếc cũng hết hồn ngoái lại

Ta thấy rõ, cõi đời không thật vật.

Không có người cũng chẳng có Phật trời  
chi!

Cõi đại Thiên như bọt bóng nổi chìm  
Hiền với Thánh như những tia điện nhoáng

Tuồng huyền hóa trơ trơ trước mắt

Kiếp phù sinh trông thấy mà khinh

Hay ho chi! Dấu kín một nụ cười

Cười cho thỏa, bằng giọng cười ngọt ngỗng!

Ta từng nghe:

... “Sanh chí lão nhất vô sở đắc”...

Sự nghiệp đời chỉ là vật sắc trong không.

Được... cười khì đã chẳng gọi là vui....

Mũm mỉm nhạt! Có phải chẳng tơ lòng nhiều  
vương vấn?

Tri túc thường túc chung thân bất nhục!

Tri chỉ thường chỉ chung thân bất si!

Ý người xưa đáng gãm chú? Ai ơi!

Chết để da, hùm thiêng còn thế ấy

Một nụ cười phải dấu kín? Là sao?

Hãy cười đi, cười như Tiểu ngọt giang hồ

Cười thỏa thích một chuỗi cười... ngọt ngỗng!

...Kha... kha... kha!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cười là một đức tánh thiêng liêng bản hữu của nhân loại. Có nhiều giọng điệu, tùy cảnh, tùy lúc, tùy đối tượng ý nghĩa khác nhau mà giọng điệu và dáng vẻ cười đều khác : Cười vui, cười mỉm, cười nhạt, cười mơn, cười khì, cười ruồi, cười nịnh, cười khẩy, cười gượng, cười gằn, cười ngất, cười khoái chí, cười ngạo nghễ, cười chiêu đãi, cười xã giao, cười hoan hỷ, cười mà không cười... Thủ nhận xét một vài giọng cười quen thuộc:

1. Cười của Di Lặc Bồ tát có hai ý ; một là cười hoan hỷ hai là có ẩn chút xót thương. Hoan hỷ vì được Thế tôn thọ ký mình sẽ thành Phật ở tương lai... Xót thương, vì thấy trình độ nhận thức về con đường Giác ngộ giải thoát của chúng sanh quá u mê, bởi vì Thế tôn Như Lai đã từng dạy rõ ràng : "Chúng sanh sẽ được thành Phật" không khác Di Lặc ta chút nào.

Ấy thế mà hể mồng một té, tất cả huynh đệ tỷ muội kêu mời ta ngồi trân để cho họ “lạy vía Di Lặc”. Họ khấn nguyện chừng nào ta thành Phật cho họ theo với, để tu! Ta thương họ lắm, nhưng ta không thể giúp gì cho họ, vì họ không tu học, họ quên lời thọ ký của Như Lai Thế tôn “Tất cả chúng sanh sẽ được thành Phật”

2.Cười của Ông “Địa”. Giới kinh doanh thương mại đa số chịu thờ ông “Địa”. Địa có hình tướng phì nộm, ngồi chẽm chệ, miệng cười tươi như sắn sàng chào đón, niềm nở với mọi khách hàng. Nụ cười của Địa nhắc cho những người kinh doanh thương mãi “Nghệ thuật bán hàng” phải cười và hãy cười đi thì làm ăn phát đạt đấy!

3.Truyện Tàu viết : Hổn Thế Ma Vương Trình Giảo Kim thấy Tiết Cương phục nghiệp nhà Đường lấy lại uy thế cho dòng họ Tiết, ông khoái chí cười mà chết.

4.Cười của Tiểu ngạo giang hồ, cười tự tin tài năng bản lĩnh của mình, cười không có gì phải sợ, không có việc gì phải lo. Thắng không kiêu, bại không nản... “đội trời đạp đất ở đồi”...

5.Cười của Thi nhân cũng có hai ý: Một, cười những người cười mà không cười, vì người này quá nhiều ưu tư sâu muộn, vì ngũ dục bao vây, trước mắt họ chỉ thấy tiền tài, sắc dục, danh vọng, địa vị... cho nên không có được nụ cười thoải mái vui tươi, họa hoằng lăm họ chỉ nhoẻn miệng, nhít môi, cười mỉm, cười nhạt, cười gằn, cười gượng, cười khẩy, cười mát, cười mỉa, cười nửa miệng, cười buồn, cười ruồi... Hai, Thi nhân cười thoải mái, bởi Thi nhân thấy thật rõ: "Tùng sanh chí lão nhất vô sở đắc" và

*"Thấy rất rõ không hề có thật vật*

*"Không có người cũng chẳng Phật trời chi*

*"Cõi đại thiên như bọt bóng nổi chìm..."*

*"Hiền với Thánh như những tia điện nhoáng..."*

Ôi! Rộng lớn quá! Bao la quá! Tự tại quá! Tự do quá! Cười đi! Cười thoải mái, cười mãi! Chẳng có gì đáng phải ưu tư...!

Có người góp ý rằng : Thi nhân cụ thể hóa âm thanh cười với giọng "kha kha"... có vẻ gì ...sao sao ấy! Thi nhân tiếp thu và xin đề nghị : ai thích giọng điệu nào thì cứ thay vào : Ha. ha. ha..., Hả. Hả. Hả..., Hi. Hi. Hi..., Hí. hí. hí..., Hì. Hì. Hì..., Khẹt. Khẹt..., xin tự tiện thay vào!

Xin giới thiệu ba câu dưới đây của Như Huyền  
Thiền Sư mới sáng tác để làm tiêu chí cho cuộc sống.

Viết cái gì cũng không trúng, là trúng!

Nói cái gì cũng không trúng, là trúng!

Nghĩ cái gì cũng không trúng, là trúng!

**Tham Thiền 57****LỄ BÁI**

Lễ bái ông gì? Lễ bái ai?  
Bao năm lễ bái bấy năm cầu!  
Khẩn nguyên không được, hên xui mãi!  
Bá ngọ quân nào nhận lễ tao!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tu sĩ Phật giáo và Phật tử cư sĩ, hàng trí giả đều biết; Từ khi còn là Thái tử, rồi vượt thành xuất gia, rồi chiếc áo hoàng vương đổi lấy áo Ca sa của tên thợ săn đội lốt tu sĩ, rồi sáu năm khổ hạnh, rồi năm năm tầm đạo tham vấn đó đây, cho đến cái đêm “nhất đổ minh tinh đạo thành” tức là lúc sao mai vừa mọc, rạng sáng ngày rằm tháng chạp, Thái tử chứng đạo đắc lục thông dưới cội cây Tất bát la (Bồ đề). Từ đó, trí tuệ của người đạt đến đỉnh cao, người đời gọi là quả “Vô thượng chánh đẳng chánh giác”. Suốt quá trình vừa tự tu vừa tự học, vị Thái tử ấy không có lẽ bái ông gì, bà gì, con nào, thằng nào hết. Vậy mà Thái tử Tất Đạt Đa đã thành Phật! Đã ở quả vị “Vô thượng Bồ đề” “Vô thượng Niết bàn” là “Ta bà Giáo chủ” từ ấy tới nay...

Cầu nguyện khấn vái do mê tín mà có ra. Chúng phát xuất từ những “tâm hồn” không thực tế,

không nghị lực, không tự chủ, hướng ngoại trông chờ sùng bái đấng thiêng liêng ảo tưởng... Loại bỏ tâm u mê, vận dụng một chút trí giác, ai cũng nhận ra một cách rõ ràng : Cầu nguyện, cầu an, cầu siêu, cầu hòa bình, cầu mưa nắng, cầu ấm no v.v... đều là ảo vọng huyễn tưởng đó thôi, hoàn toàn không được tơ tóc kết quả nào! Đấy là sự thật, mọi người ai cũng biết rõ và thí nghiệm để chứng minh!

Đấng thiêng liêng nào đó nếu có, Thần thánh nào đó nếu có, xin các ngài chớ có nhận quà cáp của những ai dâng cúng nhé! Các ngài dư biết từ xưa nay chẳng có “quân nào” phù hộ ai được cái gì. Giờ đây họ giác ngộ, họ nổi giận lên, rồi họ...bá ngợ và bá ngợ...

Đạo Phật thiêt hoàn toàn không chấp nhận cầu nguyện, cầu an, cầu siêu... Nếu “cầu” được thì đức Phật đã chẳng tổn công sức thuyết pháp độ sanh suýt soát 50 năm cực nhọc. Chữ Tu trong đạo Phật có nghĩa là sửa, chớ chữ Tu hoàn toàn không có tương quan với nghĩa “Lễ bái”! Lễ bái có 3 cách:

Phát trí thanh tịnh lễ

Chánh quán tâm thành lễ

Thật tướng bình đẳng lễ.

## **Tham Thiền 58**

### **QUẢ BÁO CỦA PHẬT?**

Giác ngộ ai bì đức Thích Ca  
Đời tôn: Giáo chủ cõi Ta bà  
Kinh truyền độ thế ba trăm hội  
Mà phải ngồi nghe tụng Pháp Hoa!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Quả chánh đẳng chánh giác, Bồ đề vô thượng vượt ra ngoài tất cả ngôn từ : Quả báo, nhân duyên, nghiệp lực, nhân quả, luân hồi, tội phước, thiện ác... Tất cả danh từ ấy chi phối tác động những gì bên mặt hữu lậu, hữu vi pháp mà thôi. Phật là Bồ đề vô thượng, không còn đối đãi trả vay.

“Quả báo của Phật” vì hạng người ngu phu vô trí, diếc và đui mà nói. Muốn hạng ngu phu vô trí diếc đui nghe thấy, cần có một tiếng sấm long trời diếc ráy, một tia chớp rực lửa xé banh mắt thông manh của những hạng u mê kia, hy vọng phục hồi cái thấy đúng, nghe đúng và biết đúng của người con Phật chân chính, chứ Phật sao có quả báo được???

Phật là Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Phật là Vô thượng Bồ đề. Phật là Ta bà Giáo chủ.

Phật là Tam giới chi đạo sư. Phật là Tứ sanh chi Từ Phụ.

Phật hy sinh cuộc đời xấp xỉ 50 năm rày đây mai đó thuyết pháp giáo hóa, hướng dẫn chúng sanh tu hành để vượt ra nhà lửa nguy cơ tam giới...

Phật là Vô thượng y vương. Kinh Phật ví như kho tàng y thư, y dược... Đức Phật đinh ninh dạy bảo: Các đệ tử của ta hãy tôn trọng văn, tư, tu lấy đó làm sự nghiệp của đời mình!

Bệnh nhân mời thầy thuốc ngồi nghe đọc sách thuốc của chính ông viết. Đọc hết quyển sách, bệnh nhân nói : Xin ông thầy thuốc, cho bệnh tôi lành!?

Người đói mời nhà đầu bếp giỏi, đọc sách dạy nấu ăn của ông viết. Đọc xong, khấn lạy van xin: Xin ông đầu bếp tài ba, cho tôi hết đói.

Đọc kinh Phật, bắt Phật ngồi nghe để cầu phước báo, cầu thành Phật. Rõ ràng là chuyện lạ mà có thật giữa chốn trần ai.

**Tham Thiền 59****LẬY VÍA DI LẶC**

Di Lặc là ta mỗi chúng ta  
U mê chưa “ngộ” lạy, mong chờ!  
Quên lời thọ ký Như Lai dạy:  
Hết thảy quần sinh Phật vị lai.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Những ai thuộc hàng Đại đệ tử Phật đều biết ý Phật. Phật nói “ba đời” là nói với hàng đệ tử tân học Tỳ kheo. Với hàng Đại đệ tử, Phật dạy: “Tam thế cầu tâm, tâm bất đắc” có nghĩa là: Trong quá khứ cũng như hiện tại và tương lai, không tìm có tâm và cũng không có ba thứ thời gian ấy! Bồ tát Di Lặc từng luống cuống sợ hãi hoang mang trước vấn đề Như Lai thọ ký “một đời” sẽ được thành Phật của chính mình!

“Lạy vía” nghe qua là biết thành phần u mê rồi! Tam hồn thất phách (ba hồn bảy vía) không phải ngôn từ giáo điển của Phật. Lạy vía Di Lặc để cầu xin gia nhập Long Hoa tam hội để tu hành, là ý niệm hắc ám tiếp theo. “Di Lặc là ta mỗi chúng ta”. Di Lặc sẽ thành Phật, ta cũng sẽ thành Phật. Ta quý trọng khả năng thành Phật của ta, ấy là ta kính quý Di Lặc. Chớ có u mê lẽ lạy Di Lặc tượng cốt ở ngoài

ta! Ta là sư huynh của tượng cốt Di Lặc, vậy mà u mê, ta đi lễ bái con người sư đệ ấy!

Khổ quá! Ta u mê cho nên ta quên lời dạy của Như Lai! Hắc ám quá! Ta không nhớ lời “thọ ký” của Như Lai : “Hết thảy chúng sanh là Phật sẽ thành” (Kinh Hoa Nghiêm và kinh Pháp hoa). Lột bỏ u mê hắc ám đi, thì Di Lặc với ta chỉ là “huynh đệ chí tình” lạy lục nhau chi cho thốn cái gai cột sống!

## Tham Thiền 60

### GIAO THỪA?

Giao lấy gì giao để kế thừa?  
Thừa không kẻ nhận biết hay chưa?  
Muôn đời hủ tục truyền nhau mãi!  
Thương lắm! thằng đui dắt lũ đui!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Dưới nhǎn quang của người trí, họ nhìn bên mặt “chơn đế”, Giao thừa chẳng là gì cần đề cập. Tết cũng vậy, do đặt ra tết mà có giao thừa. Rồi người ta đặt ra lễ giao thừa trong dịp tết. Rồi từ giờ “tý” chẳng có gì “tý” ấy, kể đó “đầu năm”. Rồi từ đầu năm chẳng có năm gì ráo, gọi đây là “năm mới”. Nói “mới” mà không ai thấy biết được “mới là mới ở chỗ nào”!??

Giao ai giao? Giao cái gì? Lấy gì để đưa ra? Thừa, là thừa kế, tiếp nhận. Ai tiếp nhận? Ai kế thừa? Ai tiếp nhận kế thừa trong cái giờ phút gọi là “tý” mà không có “tý” ấy?

Không gian không thật có, thời gian không thật có. Người trí biết rõ điều đó. Do nghĩa đó, NĂM còn không có, “năm mới”, “năm cũ” kiểm đâu ra? Rất rõ ràng rằng:

*“Giao lấy gì giao...”*

*“Thừa không kẻ nhận...”*

Qua nhận thức tục đế, người ta ai cũng có quyền nói đến giao thừa, tổ chức đón giao thừa bằng nghi lễ long trọng nhất của một năm, vì năm cũ đã đi rồi, năm mới vừa đến, ai lơ là với năm mới “hãy coi chừng”! “Trước không thảo, sau bà lão không thèm” đấy nhé! Thế cho nên, một số quốc gia vùng Đông nam á, hằng năm long trọng giờ “tý” chờ đón giao thừa.

Hàng Cao Tăng thạc đức trong đạo Phật, những bậc tôn đức ấy, tự thân họ, niệm lự tâm họ, không sử dụng đến cái từ “năm”, cho nên càng không nói đến tiếng “giao thừa” mà không có gì sai chân lý, vì họ là Trí giả tối thượng thừa mà!

Ngược lại, sống với qui ước tục đế, tết và đón giao thừa có thể là một mỹ tục, một phong tục, một tập tục của từng chủng tộc chúng sinh trên thế giới, có sao đâu!??

Cái lo của những thức giả ưu thời mẫn thế, là làm sao cho tết và giao thừa không rơi vào “hủ tục”:

- Lễ bái, cúng kính linh đình... quá tốn kém...  
tạo cơ cho mê tín dị đoan, huyễn hoặc hoang đường,  
đồng bóng, bói toán, vàng mã... phát triển

- Hái lộc đầu năm; Chùa, đèn, miếu, điện, sau  
đêm đón rước giao thừa, người trí rảo mắt nhìn  
quanh, can tràng quặt thắt, chua chát ngắn ngơ...!  
Mấy mươi triệu bạc trang trí cây cảnh chièu qua, giờ  
đây chỉ còn chìa trơ, nhánh gãy không còn một trái  
nhỏ, một lá hoa con!

- Thủ tục, vãng lai quá sức chịu đựng

- Nhậu nhẹt say sưa quá độ, hại bản thân,  
khuấy rối xóm làng

- Bài bạc sát phạt lẫn nhau, tiêu tan sự nghiệp.

Nói là nói vậy thôi, sự thật nói gì cũng không  
trúng hết, là trúng.

## Tham Thiền 61

### TẾ SAO!

Tinh tú trời xanh vốn vạn đời  
Cớ gì tế cúng chín “ông sao”?  
Bao ông chánh lẽ bao ông “ké”?  
Ráng cứu gia nhân! ở các cha!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ngôn ngữ Hán nôm Việt Nam gọi sao “trên nền trời” là tinh tú. Người bình dân Phật tử đa số chỉ biết tới đó. Những tu sĩ đam mê “thần học” yêu thích thiên văn, họ còn học và biết: Tinh, có thất tinh. Tú, có nhị thập bát tú và còn thêm... cứu diệu nữa...

Những Trí giả, Thạc đức, Cao Tăng trong đạo Phật, không bày, không nói, không đồng tình nghi lễ Tế sao trong già lam, tự viện phạm vi hóa đạo của mình. Tu theo đạo Phật chánh tông, người đệ tử Phật thiệt, không cần cúng khấn, không cần “lễ bái”, không cần “tế xin”... với bất cứ một tha nhân nào khác ngoài ta. Thân của ta, Miệng của ta, Ý của ta nếu lỡ phạm điều sai quấy, chỉ có ta sửa đổi lại cho tốt, cho đúng, cho thánh thiện thì ta tự được an vui. Đạo Phật dạy vậy đó! Dễ ợt!

Sao là tinh tú. Chín ông sao: La hầu, Vân hớn, Thủy diệu, Thái âm, Thái bạch, Kế đô, Mộc đức, Thổ tú, Thái dương. Tinh tú đối với nhơn loại ngày nay,

đến thời điểm năm 2008 DL hình như chưa nghe ai quả quyết “tinh tú” thuộc loại vật gì trong ba thứ vật. Nếu rủi ro “tinh tú” là khoáng vật thì việc “cúng” với “tế”, chư thiện hữu tri thức, nghĩ gì???

Cúng tế, cầu nguyện, quy lụy, lễ bái không phải đạo Phật chánh thống.

Tinh tú vạn đời, nhiều đến nỗi không thể dùng ngôn từ, trí nhớ tính đếm được, vậy mà chỉ cúng chín ông, chín bà, chín thằng, chín con, chín cục, chín cây, chín cái... không ai định biết là gì? Thế có nghĩa là sao!???

Đạo Phật không chấp nhận “Thần học”, “Hoang đường học”, “Duy tâm siêu hình học”. Ai bằng lòng học Phật, làm đệ tử Phật, có thể thân cận “Xã hội học”, “...Biện chứng học”, “Khoa học” v.v... sẽ tiếp thu kiến thức phối hợp hỗ tương cho thiền định quán chiếu, trên bước đường tu tập của mình.

**Tham Thiên 62****CHÙA CHÁY**

Thế Tôn sao chẳng động tâm từ?  
Lửa cháy chùa tan Phật hóa tro!  
Sống chết mặc bấy nhìn chẳng cứu!  
Trong chùa không Phật thật hay sao?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Từ bi hỷ xả là tôn chỉ mục đích của đạo Phật, của Như Lai Thế tôn, Thích Ca Mâu Ni. Vậy mà, vì sự kiện chùa cháy có một số người, một thành phần đệ tử không học Phật, không nhớ những lời Phật dạy thốt lên lời trách cứ:

*“Như Lai sao chẳng động tâm từ  
Lửa cháy chùa tan Phật hóa tro”*

Ý tưởng và ngôn từ đó phát xuất ở tâm não con người đầy ắp vô minh.

Như Lai luôn an trú tâm từ, làm gì có động hay không động? Đâu phải đợi có “chùa cháy” Như Lai mới động?

“Chùa cháy” do lửa cháy chùa, có. Lửa cháy chùa tiêu, có. Nhưng “Phật hóa tro” thì không có. Dù không có mà cũng có thể có! Bởi lẽ, với một tu sĩ trí giả, thạc đức Cao Tăng biết và thấy rằng: Dù ngôi

Chùa cháy ấy có chứa thờ 100 Phật vẽ, 100 Phật thêu, 100 Phật gỗ, 100 Phật xi măng, 100 Phật đồng, tổng cộng 500 Phật ấy cháy chảy, cháy bể, cháy rụi là sự thật có, nhưng không hề có “Phật hoá tro”. Bởi vì trong 500 tượng cốt ấy không phải Phật, không có Phật chất trong vật thể ấy. Do lẽ đó, người đệ tử Phật sáng suốt, chơn chính chẳng khởi tâm trách cứ: “Như Lai sao chẳng động tâm từ” trách cứ Như Lai như thế là **tội lỗi** đó nhé!

Phật đã dạy, đã thuyết giáo sít soát nữa thế kỷ, rằng: Nhứt thiết hữu vi pháp, như mộng, huyễn, bào, ảnh, như lộ diệc như điện v.v... Do vậy mà Động vật thì: Sanh, lão, bệnh, tử khổ. Thực vật thì: Sanh, trụ, dị, diệt khổ. Khoáng vật thì: Thành, trụ, hoại, không khổ. Nếu bắt Như Lai phải cứu cho được **chùa cháy** kia, té ra nửa thế kỷ “thuyết pháp, những lời dạy đó, trật lất hết cả rồi sao???

### *“Sống chết mặc bây nhìn chẳng cứu”*

Trách cứ Như Lai như thế **tội** lớn đó nhé! Tự mình nếu không gột rửa sạch ý niệm vị “ngã sở hữu” sai lầm đó, thì nên tuyên bố “ly khai” với đạo Phật để khỏi gây thêm tội lỗi cho thân khẩu ý vốn có Phật tánh của mình!

*“Trong chùa không Phật thật hay sao”?*

Thật đấy! Chùa làm gì có Phật. Nếu chùa cháy có Phật trong đó, xin Tăng Ni và Phật tử chuẩn bị mua bình bạc, bình vàng để hốt “xá lợi” về thờ lấy phước, rồi cầu nguyện thành Phật, khỏi mất công tu hành lạy lục van xin cứu khổ, khỏi đặt thời khóa tham thiền, quán chiếu, tư duy, cũng khỏi cần đề cập vấn đề điều chỉnh, sửa sai tội lỗi của **Thân, Khẩu, Ý!**

## Tham Thiền 63

*Lẽ An Vị Thánh Tượng*

**HUYNH ĐỆ CHI TÌNH**

Anh đã sanh rồi em chưa sanh  
Em vì vị ngã nỡ đành hanh!  
Lẽ thường em kính anh là phải  
Ai để quyền huynh lẽ bái em!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Vũ trụ bao la, ta thấy trước mắt: Núi sông, đất liền, trời mây, trăng gió, vạn tượng sum la, qua tri thức của nhà khoa học phân loại chia ra thành bốn thứ vật: Một, động vật thể – Hai, thực vật thể – Ba, khoáng vật thể – Bốn, phi vật thể. Bốn thứ vật thể ấy, giáo lý đạo Phật gọi chung một danh từ “*hữu vi pháp*”. Hữu vi pháp, có nghĩa là những vật thể ấy không có vật thể nào tự nó sanh ra nó được. Một vật thể có ra do “nhân, duyên” lớp lớp hàng hàng tương tác, tương quan, hòa hợp mà hình thành một chính thể nào đó. Bất luận, pháp nào cũng đều không bền chắc, không bền chắc cho nên không thực có. Phật dạy hiện tượng vạn pháp huyền có: Như mộng, như huyễn, như bào, như ảnh, như lộ, như điện, như dương diệm, như càn thát bà thành, như thủy trung nguyệt, như cảnh trung tượng. Do nghĩa đó, Như Huyền Thiền Sư nói: “Nói cái gì cũng không trùng hết, là trùng”!

Nhìn Thánh tượng dịp lễ An vị, Thi nhân cảm tác thi đề: Huynh Đệ Chi Tình, đây là một “thoại đầu” để người đệ tử Phật “tham” và “thiền” sẽ đem lại từng phần giác ngộ!

Ước gì Thi nhân cảm tác pho “Thánh tượng” ấy với tiêu đề: **Tứ Đại Đồng Đường** sẽ gợi cho Thiên giả một thoại đầu thâm thúy hơn. Bởi vì, bất kỳ ngẫu tượng ấy là ai, Tiên, Thánh, Ngọc hoàng, A la hán, thậm chí đấng Chí Tôn Vô thượng đều phải trải qua quá trình nhơn quả như sau:

- Ngẫu tượng có ra  
Do nghệ nhân điêu khắc làm ra
- Nghệ nhân điêu khắc làm ra  
Do Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đặt tiền ra
- Hòa thượng, Thượng tọa, Đại đức Tăng, Ni đặt tiền ra  
Do thập phương Phật tử hùn hợp đưa tiền ra
- Thập phường Phật tử hùn hợp đưa tiền ra  
Vì muốn có Ngẫu tượng thờ lạy ra.

Người đệ tử Phật có tham thiền, ai cũng biết và thấy rõ trong một ngẫu tượng nào cũng có **Tứ Đại Đồng Đường** như vậy!

“Huynh đệ chi tình” rõ ràng là lý lịch trích ngang. Dù vậy, cũng là một thoại đầu có ý nghĩa.

## Tham Thiên 64

### HỐI HẬN

Khấn vái ông gì chẳng nhớ tên  
Đầu năm nộp lễ cúng kỳ yên  
Mà sao, bệnh hoạn tai ương mãi  
Uổng quá! Tiềntoi tật vẫn mang

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Khi luận bàn về mặt tín ngưỡng tôn giáo, nhà bác học vật lý Albert Einstein nhận định rằng: Các tôn giáo từ khi xuất hiện trên thế giới cho đến ngày nay, đại để có thể nhận thức và chia làm ba thời kỳ. Từ con người nguyên thỉ sơ khai, tôn giáo lúc bấy giờ dựa trên công dụng đặt tên, có thể gọi đó là “Tôn giáo sợ hãi”. Vì sợ hãi trước sấm sét, phong ba vũ bão của thiên nhiên, con người chưa cắt nghĩa được! Dần dần con người tiến hóa đến giai đoạn bán khai, tôn giáo cũng chuyển biến theo, giai đoạn này tôn giáo được coi là “Tôn giáo luân lý”. Bởi vì, giai đoạn này tôn giáo có thể đóng góp cho xã hội về mặt luân lý, đạo đức và làm chỗ dựa, để con người gởi gắm an ủi những lúc bị đau khổ, rủi ro ... Tôn giáo hai thời kỳ này, hình thành về mặt tôn thờ, lễ lạy, cúng dâng, khấn xin, cầu nguyện.

Theo nhận định và dự đoán tương lai về tôn giáo, ông Einstein nói: Tôn giáo muốn tồn tại vĩnh viễn với loài người, tôn giáo đó phải tiến hóa theo

kịp sự tiến hóa từng phút giây chuyển biến của vũ trụ, có thể mệnh danh là Tôn giáo vũ trụ. Tôn giáo đó phải thật biết vũ trụ, nói những gì thật có trong vũ trụ, làm những việc lợi ích thật cho nhân sinh trong vũ trụ. Vũ trụ nhân sinh chuyển động từng bước đi trên đường tiến hóa, lãnh đạo tôn giáo mà “dừng lại” thì tự nó đã thụt lùi rồi!

Hối hận không phải tánh vốn có của con người. Hối hận có ra, phát xuất trong hai thành phần con người thôi. Một, thành phần kém hiểu biết, đây là thành phần đáng thương hơn đáng trách. Hai, thành phần dường như cố ý không muốn biết, đó là thành phần người thích mê tín dị đoan, thích hoang đường huyền hoặc. Người ta thích cúng vái, cầu nguyện, van xin, nộp lẽ và tạ lẽ. Thông thường vào dịp tết đầu năm họ đã khởi sự rồi! Cúng bái nhiều đền, nhiều chùa, nhiều lần quá đến nỗi quên hết rằng: mình đã cúng khấn với ông gì?

Khấn cầu làm ăn phát đạt, thực tế không linh hiển, chẳng có được lợi lộc gì! Nếu khấn vái được, thì dân chúng đồng bào ta ở tỉnh An giang Châu đốc, tỉnh Bình thuận, tỉnh Tây ninh đã giàu hết chẳng còn gia đình nào nghèo. Bởi lẽ, ở các tỉnh ấy có những điện, đền, mà dân gian cho là rất linh thiêng,

ai nỡ dành ngậm miệng để chịu cảnh nghèo, và  
thẬm chí quá khó khăn!

Khấn cầu mạnh khoẻ, bình an không bao giờ  
được như ý. Trên thực tế đã có không ít trường hợp,  
người ta đã nộp lẽ, cúng bái, cầu khấn, van xin ở  
diện, ở đền, ở chùa, ở ... chỗ khá nhiều người đồn  
đại hiển linh có tiếng! Nhưng than ôi! Không bao lâu  
sau đó hoặc trên đường về đã gặp tai nạn, bệnh tật  
thẬm chí có cả tử vong...

“Uổng quá! Tiêntoi... họavẫn mang”!

Dưới nhän quang người đệ tử Phật, các tôn  
giáo trên thế giới đều có cùng một lý tưởng chung;  
hướng dẫn, chỉ vẽ cho con người, xây dựng cho con  
người đời sống có ý nghĩa: Thiện, Mỹ, Lạc, Chân.  
Thế cho nên, người thiện hữu ngoan đạo, tín đồ hảo  
tâm, con chiên kính Chúa, người ta có thể bỏ tiền ra  
cúng dường, đóng góp cho sự công ích của đạo  
mình. Sự “cúng dường” đóng góp đó, không được gọi  
là “mê tín” mà là chánh tín, là người tốt đối với tôn  
giáo mình đang kính tin, tôn trọng.

Tư duy và nhận thức của người Phật giáo, luôn  
hướng dẫn chỉ vẽ tín đồ đạo mình tin chân lý “Nhân  
quả” do chính mình gây tạo ra. Hoàn toàn không  
chấp nhận ai đó chỉ trông chờ cái quả ở sự “lẽ bái,  
cầu nguyện, van xin, quy luy dưới ảo ảnh tha nhân!

## Tham Thiền 65

### LỜI LÃO TĂNG

Ta tụng cầu an khắp bá gia  
Giờ này bệnh tử thúc thoi ta  
Nam mô Phật! Cứu cho con với!  
Vǎng vǎng từ xa: “Không được đâu”!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đọc kinh sử Phật giáo, ta nhận thấy hàng đệ tử Phật chứng quả nhị thừa hữu học, vô học rất đông. Nhận xét, so sánh về tuổi thọ, nghe ra chẳng có bao nhiêu vị thọ ngang cỡ Phật. Tất nhiên, trong sự họa hoằn của vũ trụ, thiên nhiên cũng có người thọ cao hơn tuổi Phật. Kinh sử Phật ghi chép, đức Phật trọn thế 80 năm!

Đạo đức của hàng Thanh văn hữu học, vô học nhị thừa ấy thuộc thành phần được người đời tôn trọng kính quý đương thời. Đạo đức của Như Lai Thế Tôn thì vội vội không trôi trên cho đến ngày nay!

Nếu **Cầu an** mà đem lại kết quả mong cầu thì những người đệ tử Phật, quần chúng ngưỡng mộ Phật, trong đó có Quốc vương, Thái tử, Đại thần, Tam công, Tể tướng, Bá quan... đã tổ chức lễ **Cầu an** không để Phật và hàng đệ tử đắc đạo của Phật viên tịch với tầng tuổi mà so ra còn thấp hơn một số tuổi thọ của giai cấp bình dân!

Thiền định, quán chiếu, tư duy quá khứ mà nhận biết hiện tại, tương lai. Phật, bậc Thế tôn Vô thượng, các Thánh đệ tử đạt đạo vượt ra tam giới, vẫn tùy thuận chân lý “hợp tan sanh diệt”. Vậy mà, một lão Tăng hơn “nửa đời hương phấn” chỉ biết tụng **Cầu an** khắp bá gia, đến lúc sức mỏn hơi tàn áp dụng theo tục ngữ dân gian “củi đậu nấu đậu” quay lại réo gọi Phật **Cầu an** chú nguyện cho mình. Thảo nào có tiếng vang vọng từ xa với một âm điệu không vui:

**“Không được đâu”!**

## Tham Thiền 66

### TIẾNG VỌNG LINH SÀNG

Thưa Thầy ! Thầy dạy con rằng  
Chiếc thân ngũ ấm đừng mong được gì?  
Kinh truyền ngũ ấm hữu vi  
Bợt bèo huyễn mộng còn gì... “hương linh... ?  
Giờ đây con có “vong hồn”!  
Hồn vong linh vị đành rành tên con!  
Thǐnh con cõi thủ linh sàng  
Tháng ngày cúng quải đường hoàng ấm no.  
Thưa Thầy con phải nghe ai?  
Nghe Thầy ? Nghe Phật rẽ hai con đường  
Phật rằng : Ngũ uẩn giai không  
Hòa tan vũ trụ quyết minh pháp thân.  
Nghe thầy có chỗ dừng chân  
Linh sàng...long vị... loanh quanh Tà đồ  
Phân vân con quá mơ hồ

Xin Thầy chỉ rõ đường nào con đi ???

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Bậc chân tu liễu đạo, thành phần thạc đức cao Tăng, nghe hai tiếng “linh sàng” là khởi tâm thương xót, nhưng lòng xót thương ấy suy cho cùng rồi không biết phải thương ai!? Một “hủ tục” có bề dày lịch sử, một thứ “văn hóa sai lầm” cô đọng thành tục ngữ châm ngôn: “nhất manh dẫn quần manh”, chuyện nghe tưởng lạ kỳ mà lại có thật. Sự sai lầm kịch cẩm hiển nhiên biểu thị rõ qua cả âm thanh và hành động, vậy mà kẻ bán người mua, kẻ tung người hứng với tấm lòng hoan hỷ đáng thương!

Thể nhận qua thiền định, tư duy, Phật tử xuất gia, tại gia đều có học, có nghe và có hiểu biết nguồn giáo lý căn bản của đạo Phật, **ngũ uẩn giải không, thất đại vô ngã**. Sắc, thọ, tưởng, hành, thức không có gì. Địa, thủy, hỏa, phong, không, kiến, thức không tìm ra bản chất. Giáo lý, kinh điển Phật dạy

rành rành như vậy. Thế nhưng, hành sử giáo lý ấy, thầy trò, Tăng tục quên sạch trọi sạch trơn!

Thứ hỏi:

- ❖ Tiếng vọng linh sàng!?
- ❖ Cái gì an tọa linh sàng để thọ tài hưởng thực dâng cúng của thân nhân? (linh hồn ư?)
- ❖ Cái gì được bọc túi nilong, ép chặt hai đầu, cột nhiều nận chắc nịch, ém dễ đặt trong quan tài, néo sắt mấy đôi kiên cố? (tử thi)
- ❖ Cái gì xuất cảnh bay đi Cực Lạc Tây Phương trước sức đẩy của chư Tăng Ni chú nguyện? (lại linh hồn)
- ❖ Cái nào đi? Cái nào ở lại? Cái gì thọ hưởng? Ai đã chết rồi?
- ❖ Tụng kinh, chú nguyện thật có sức đẩy như phản lực cơ vậy chăng?
- ❖ Linh hồn được đẩy về Cực Lạc Tây Phương, vậy linh sàng này ai hưởng trà châm, tưu điện, vật thực hương hoa...?
- ❖ Kể từ ngày viên tịch, từ trần, nói nôm na là chết, chư Tăng, Ni đã tụng kinh, đã chú

nguyện nhiều rồi. Vậy Thất thứ nhất, thứ hai, thứ ba ... tụng để chú nguyện cái chi? Khi linh hồn đã:

*"Tiêu diêu chân thế giới*

*"Khoái lạc bảo liên dài*

*"Hiệp chưởng Thế Tôn tiên*

*"Như Lai thân thọ ký"???*

Thật khó mà cắt nghĩa cho bá tánh đồng vui cái bụng!? Thảo nào Như Huyền Thiền sư nói: “Nói cái gì cũng không trúng hết, là trúng”!

Tuy nhiên, đứng về mặt hiện tượng vạn pháp, người đệ tử Phật tu hành căn cứ trên chơn lý nhân quả, là trúng.

## Tham Thiền 67

### TIẾNG VANG TỪ ĐÁY MỘ

Thầy ơi, Ôi hởi Thầy ơi!  
Con đang chết dập sống vùi Thầy ơi!  
Thưa Thầy! Con mất hay còn?  
Con như quả bóng đá ra đá vào  
Rằng con đã chết đá ra  
Dạy rằng : Con sống đá vô linh sàng  
Hê ha.. thỉnh uống mời ăn  
Thân bằng cúng tế lăng xăng rộn ràng  
Vậy con sống chết thưa Thầy?  
Sống, sao tống khứ con ngoài mồ đơn?  
Chết, sao chẳng được yên mồ?  
Lôi lui kéo tới mời ăn thỉnh ngồi?

Thầy ơi! Con sợ lắm rồi  
Linh sàng không ổn đáy mồ không yên

Đâu là Cực lạc Niết bàn  
Bảo con siêu thoát, linh sàng trói chân  
Trời ơi! Trời hởi có hay?  
Đẩy đi lôi lại hành hà thân con  
Thà đừng cầu nguyện siêu sinh  
Để con tự quyết đời mình còn hơn  
Thà con yên giấc đáy mồ  
Còn hơn thỉnh tới thỉnh lui bê bàng  
Đường về Cực lạc Tây... phang  
Tu hành sai lạc trễ tràng Thầy ơi!  
Thầy ơi ! Khỏi tụng cầu siêu  
Nếu siêu con đã tiêu diêu ngày đầu  
Hôm nay tuần thất con rồi  
Thân con vùi dập đáy mồ đơn côi!  
Linh sàng Cực lạc hai nơi  
Phân vân hai chốn ở đi nơi nào?  
Rõ ràng “tiền mất tật mang”  
Tiếng kêu oan khổ thấu trời cho chăng?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thi đê **Tiếng Van Từ Đáy Mộ** qua nhĩ căn của Trí giả liễu đạo, của Thiên sư thực chứng họ trực ngộ ngay đó là “một tiếng sấm long trời”, phát xuất từ tấm lòng “đại từ đại bi mãn chúng sanh”. Dùng phương tiện ngụy tạo một tiếng sấm long trời chuyển đất, hy vọng may ra những ai khiếm thính, khiếm thị chuyển ngoặc hướng đi, dừng xông đến chốn súng nổ đạn reo. Người đệ tử Phật tại gia, xuất gia chơn chánh có học thiền định, tư duy họ quá rõ: Thi phẩm **Tiếng Van Từ Đáy Mộ** công dụng của nó như một lời cảnh cáo: “Hỡi ai là Phật tử, hãy mau tỉnh thức, chớ để phạm sai lầm”!

Sống thì không chết. Đã chết thì không sống. Sống và chết, một đàng ở chốn trần ai, một đàng sang cõi “vĩnh hằng” “Cực lạc tây phương” “Niết bàn vô trú” ... Tôn giáo nói chung, tôn giáo nào cũng có chuẩn bị nơi ăn chốn ở cho người vĩnh biệt dương trần an cư lập nghiệp. Riêng đạo Phật, theo lời các Sư tung kinh cầu nguyện hồi hướng đưa đi những hai

nơi: “Cực lạc Tây phương” “Niết bàn vô trú”. Sự sắp xếp tiễn đưa ấy khá long trọng ngay từ giờ khâm liệm trở đi. Thiết tưởng hiếu đạo, hiếu tâm, hiếu hạnh đủ tròn bốn phận kẻ ở người đi. Chân lý cuộc đời là vậy, hễ có hợp ắt có ly, có sanh ắt có tử, có đến ắt có đi... Mời vô, đưa ra, lúc kêu vô linh sàng, khi đẩy ra huyệt lạnh. Người đệ tử Phật chơn chánh không làm!

Kinh Phật dạy phương cách tu sửa để người đệ tử Phật sửa những gì sai quấy của thân, của miệng, của ý. Mướn người tụng, đem công tụng làm thành lực chở, lực đẩy, chở đẩy linh hồn đi như chất nhiên liệu của phản lực cơ, của hỏa tiễn liên lục địa. Không phải vậy được. Hãy tin vào nhân lành từ thân, khẩu, ý do chính mình tự tu tự tạo. Phước đức không ai bán cho ai được, vì phước đức không phải hàng hóa, cho nên không thể bán buôn, trao tay đổi kiện.

Hãy tin vào điều Thiện Ác, Nhân Quả của chính mình làm!

**Tham Thiên 68****ĐẤNG BỀ TRÊN**

Tin Ông? Thật có ông chẳng nhỉ?  
Khấn nguyện điều chi cũng tuốt lơ!  
Ngưỡng vọng ơn trên cao ngẩn cổ!  
Đời con sắp hết được chi mô?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ngày thành đạo hay cũng gọi ngày chứng đạo của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tức là ngày Thái tử Tất Đạt Đa chứng ngộ, tỏ ngộ, giác ngộ chân lý vũ trụ, nhân sinh một cách tận tường. Người có được trí tuệ giác ngộ tận cùng chân lý vũ trụ nhân sinh, người đời gọi là Phật, Giác giả. Then chốt của sự khám phá để có một vị Phật xuất hiện cõi đời là hai chân lý: “Duyên sinh” và “Nhân quả”. Lúc Phật chứng được “Thiên nhân minh” Phật tỏ ngộ chân lý **Duyên Sinh**. Khi Phật chứng được “Túc mệnh minh” Phật tỏ ngộ chân lý **Nhân Quả**. **Duyên Sinh** vô tận **Nhân Quả** vô cùng, giác ngộ hai chân lý then chốt đó, đức Thích Ca Mâu Ni Phật trực ngộ: không gian vô tận, thời gian vô cùng. Cái từ “trên dưới” không có cơ sở tồn tại trên bình diện **chơn lý**. Hằng hà sa số thiên thể, hành tinh, định tinh, các nhà khoa học thiên văn lò mò khám phá ... không có cái nào trên dưới cái nào. Đó là khoa học, là sự thật con người đã biết

không sai. Cho nên gọi đó là chân lý, là lẽ thật, vì nó hoàn toàn đúng.

Đạo Phật không đồng thuận lý thuyết “bề trên” càng không bao giờ chịu nghe “đấng bề trên” nào ráo! Tại vì không có bề trên. Trên từ dưới, dưới lên trên, cho nên không có ai trên thật, cũng không có ai thật dưới. Dưới rồi trên, trên rồi dưới. Do vậy đạo Phật dạy thêm một chân lý: “luân hồi”

Vua, Tổng thống, Thủ tướng ...do dân bầu cử ra, từ dân mà lên, từ dưới mà có. Thế là từ dưới lên trên. Khi “hạ cánh an toàn” về quê sống đời bình dân vui với điền viên, phong nguyệt, há chẳng là trên rồi dưới đó sao?...

Người có tư tưởng đại thừa, chịu tu theo chân lý đại thừa, phải là người có chất lý trí nhiều, mới chịu nghe và tu. Người nhiều tình cảm, nói thẳng ra, người có tánh nhẹ dạ cả tin, thích cậu đồng, xác bóng, thích huyền hoặc hoang đường, thành phần này vô cùng yêu kính đấng bề trên. Đệ tử Phật, thích **đấng bề trên** gọi là tu hành, ngày chứng quả là lúc “lưng còng, gối sụm, xương sống có gai”!...

Như Huyền Thiền sư nói:

“Viết là viết chơi vậy thôi, viết cái gì cũng  
không trùng, là trúng”!!!

**Tham Thiền 69****ĐẤNG TIẾP DẪN**

Họ bảo tin ông tận cõi lòng  
Thì ông tiếp dẫn khỏi đền công  
Khi con tắt thở ông sang rước?  
Rước được cùng chăng? Ai chứng minh?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tin là đức tánh tốt, có thể nói tất cả con người không ai là không có đức tin, nhưng tin và đối tượng tin, thế giới con người không đời nào tìm ra được sự nhất trí. Bao nhiêu câu hỏi có thể đặt ra. Tin ai? Tin cái gì? Tin vào đâu? Tin thế nào? Tin chánh, tin bất chánh! Tin hữu lý, tin vô lý!...

Riêng đạo Phật, người ta khuyên tin **Đấng Tiếp Dẫn**, nói đủ là **Tiếp Dẫn Đạo Sư A Di Đà Phật**. Người Phật tử tục cũng như Tăng tin đúng chánh pháp, thì vãng sanh thế giới Cực lạc là điều có thật ngay kiếp hiện tiền. Tu Tịnh độ nguyện sanh Cực lạc không phải đợi lúc chết mới vãng sanh. Hết khổ não trong tù ngục vô minh, được an vui trong thanh thoát trí tuệ, đó là thực “chứng đắc”, thực vãng sanh, của người Phật tử học và hiểu đạo Phật chơn chánh. Tin sai, không dựa vào chánh pháp. Tin hoang đường huyền hoặc, tin theo cách “duy tâm siêu hình”, do

tưởng tượng cầu mong, Phật không chấp nhận. Người đệ tử Phật phải học theo cách tin:

*“Phật hiệu A Di Đà pháp giới tàng thân tuỳ xứ hiện”*

*“Quốc danh Cực lạc, tịch quang chơn cảnh cá trung huyền”*

Tin rằng A Di Đà chính là tự tánh thanh tịnh vốn có của mình, tin thế giới Cực lạc do mình đóng góp xây dựng mà có.

- Đóng góp bằng cách nào?

- Phải tu sửa thân tâm:

*“Các điều ác không làm*

*Vâng làm những việc thiện*

*Tâm ý thường trong sáng*

*Lời Phật dạy như vậy”*

Làm theo lời Phật dạy, người đệ tử Phật dứt bỏ được hai thứ sai lầm thô trọng là kiến hoặc và tư hoặc.

Kiến Hoặc: Thân kiến, biên kiến, tà kiến, kiến thủ, giới cấm thủ. Tư Hoặc: Tham, sân, si, mạn, nghi

Kiến Tư hoặc không buông bỏ, không dứt trừ, **tin** đấng Tiếp Dẫn, bằng cách lần chuỗi kêu tên, đấng tiếp dẫn dù có sẵn lòng tiếp dẫn cũng không sao cứu giúp được. Sống có Cực lạc, chết mới có Cực lạc và thế giới Cực lạc của ta xây dựng, ta hưởng đời đời. Sống không an vui Cực lạc, chết ai cho an vui Cực lạc được? Giáo lý kinh điển Phật dạy mọi người hãy tin **Nhơn Quả** thiện ác của chính mình làm.

- ❖ Tiếp dẫn Đạo Sư sang rước phải có điều kiện
- ❖ Đức tin không được rơi vào duy tâm siêu hình, hoang đường ảo tưởng.
- ❖ Tu “Tịnh độ” phải được “Cực lạc hiện tại” thì mới có “Cực lạc tương lai” sau khi chết.

Tịnh Độ tức là Thiền, Thiền để xây dựng Tịnh Độ. Chê Thiền chuộng Tịnh, chê Tịnh chuộng Thiền. Hãy cảnh giác các vị tu hành ấy! “Nhất manh dẫn quần manh” cùng nhau chết hàng hàng lớp từ thế hệ này sang thế hệ khác!...

Sang thế giới Cực lạc phải buông bỏ hết những gì ở thế giới Ta bà.

Muốn có “quả an lạc” phải dứt hết “nguyên nhân khổ đau” đang bị phải....

**Tham Thiền 70****CON HƠN CHA NHÀ CÓ PHÚC?**

Giác ngộ ai bì Phật Thích Ca  
Ta bà giáo chủ chính ông ta  
Tu hành trọn kiếp nghèo xơ xác  
Không mái chùa tranh để dưỡng già!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Như Huyền Thiền sư nói: “Nói gì cũng không trùng hết, là trúng”

Tục ngữ VN có câu “Con hơn cha nhà có phúc”, những ai có tánh lạc quan sớm, cho tục ngữ ấy là đúng. Người nhiều nghĩ ngợi tư duy cho rằng, câu tục ngữ ấy không đáng sớm lạc quan. Bởi vì, có những người con tài giỏi hơn cha, học hành kiến thức hơn cha, sách Nho gọi đó là người “Lập thân hành đạo dương danh ư hậu thế; Dĩ hiển kỳ Phụ Mẫu hiếu chi chung dã”, một người làm nên sự nghiệp cho mình, làm rạng rõ tông phong, là người con hiếu thảo tròn đầy, thế là “con hơn cha nhà có phúc”. Nhưng trên đời, cũng có những người con tài hơn cha, kiến thức hơn cha, giàu có sự nghiệp hơn cha, quyền chức lớn hơn cha... cuối cùng, kết cuộc bị tội, bị tù, thậm chí bị tử hình... Từ đấy gia đình suy sụp, “lưu xú vạn niên”. Đấy là sự thật đã có, đang có và sẽ có. Suy cổ nghiệm kim, người ta ai cũng thấy rõ “con hơn cha nhà có phúc” là một câu tục ngữ ngoài

vòng chân lý! Dưới nhǎn quang của một Thiên sư, của những bậc Thạc đức Cao Tăng, cái thi đè ấy muốn hiểu, phải hiểu qua cách “tư duy phản luận”.

Phật Thích Ca mà :”*Không mái chùa tranh để dưỡng già*”. Vậy là Phật Thích Ca bất tài vô trí không bằng Tu sĩ Phật giáo ngày nay? Tu sĩ Phật giáo ngày nay có vị làm chủ một chùa, hai chùa, thậm chí có vị tám, chín, mười chùa. Thế là “**Con hơn cha**”!

Thái tử Tất Đạt Đa đi tu mà “*Nghèo xơ xác*”. Vậy là Thái tử Tất Đạt Đa vô trí, rồi thành Phật cũng vô trí, không bằng các đệ tử thế kỷ 21 đang hả hê hưởng thụ tài sản, địa diền...?! Thế cũng là “**Con hơn cha**”?

Nếu tán thán và tùy thuận theo tục ngữ “Con hơn cha nhà có phúc”, thì sự giác ngộ ai bì, địa vị Ta bà giáo chủ của Phật chẳng là gì đáng kể hay sao?

Vui mừng **con hơn cha**, tự phụ **đệ tử hơn Phật**?  
hãy coi chừng!

*Đa dục vi khố*

*Sanh tử bì lao*

*Tùng tham dục khởi*

*Thiếu dục vô vi*

*Thân tâm tự tại...*

Hoặc:

*Nhứt thiết hữu vi pháp:*

*Như mộng huyền bào ảnh*

*Như lộ diệc như điệu*

*Như dương diệm ba tiêu*

*Như Càn thát bà thành*

*Như thủy trung nguyệt chiếu*

*Như cảnh trung tượng hình ...*

Những lời kinh ý Phật đó, Phật dạy cho ai???

**Tham Thiền 71****ĐẤT ĐỘNG TÂM?**

Xứ Ấn trời sanh đất lạ lùng!  
Chỗ thì vô thức chỗ sanh tâm?  
Ca Tỳ La Vệ, Ta La Thọ,  
Bốn khuỷnh “Sư truyền” “đất động tâm”!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nghiên cứu giáo lý đạo Phật bằng nhẫn quang tư tưởng Đại thừa, người ta có thể thấy biết rõ đức Phật Thích Ca suốt mấy mươi năm truyền đạo, Người không bao giờ “thần thánh hóa” “quan trọng hóa” “thiêng liêng hóa” kể cả “thần thông bí mật hóa” và bất cứ một thứ “hóa” nào! “Đất Động Tâm” ấy là người ta “thiêng liêng hóa” mấy chỗ đất mà người thế gian thường gọi là “di tích”. Đã là “di tích” thì muôn đời vẫn là di tích, không thể nào “động” “run” “lung lay” hay “lúc lắc” bao giờ!

Qua nhĩ căn của người Đại thừa, nghe cái từ “Đất Động Tâm” là muốn đè ai đó cúi xuống đánh năm roi cho hết u mê. Bởi vì, chẳng có thứ đất gì biết “động tâm” ráo.

“*Xứ Ăn trời sanh*” ... nghe hai tiếng “**trời sanh**” cũng đè cúi xuống đánh năm roi nữa ... “chỗ thì vô thức” năm roi... “chỗ sanh tâm” năm roi nữa...!

*“Ca tỳ la vẹ, Ta la thọ, bốn khuỷnh sư truyền đất động tâm”* mười roi .. Tổng cộng Ông sư nào truyền khẩu cái từ **Đất Động Tâm** phải bị đè cúi xuống chịu trận hai mươi lăm roi vì cái u mê vô trí. Trong đó nếu có ẩn ý lừa bịp, gạt gẫm nhả lành nhẹ dạ cả tin “thần thánh hóa” “thiêng liêng hóa” “ngu xuẩn hóa” đâu độc đức tin lành mạnh của bá gia, bá tánh đánh thêm hai mươi lăm roi nữa cho được nửa trăm mà không cho khóc, nếu thấy mếu mặt cho thêm năm mươi nữa cho đủ chấn một trăm roi, lúc bấy giờ sự u mê ám chướng của Sư Tăng sẽ không còn bén mảng nữa!

Có một thành phần các Sư Tăng đệ tử Phật truyền dạy rằng: Đất nước Ấn Độ có bốn khuỷnh đất gọi là “đất động tâm”:

1. Đất chỗ Thái tử Tất Đạt Đa hạ sanh (vườn Lâm Tỳ Ni, Thành Ca Tỳ La Vệ)
2. Đất chỗ Phật viên tịch (Rừng Ta La Song Thọ, Thành Câu Thi Na)
3. Đất chỗ Phật thành đạo (Cội Bồ Đề)
4. Đất chỗ Phật thuyết thời pháp đầu tiên (Lộc Giả Uyển, Thành Ba La Nại)

Các Sư Tăng xin nhà nước Ấn độ từng bọc hoặc từng hủ đem đi nước này nước khác... xây đền dài thờ cúng cho bá tánh bá gia chiêm bái. Các sư truyền dạy : Đây là đất động tâm của xứ Phật, cúng bái được phước lớn lăm.

Không có đất gì động tâm cả!

- Phướn Động
- Gió Động
- Tâm Động

Kinh điển Đại thừa đã dạy dỗ, đã trách phạt các tu sĩ tu hành non nớt ấy cách nay hơn 2000 năm, vậy mà các đệ tử Phật thế kỷ 21 còn “mà” con mắt đệ tử Phật vậy sao? Với dụng ý thế nào xin các Ngài tự xét...

Đất không tâm lấy tâm đâu để động? TÂM các Ngài nếu động, nên động với các pháp tu hành theo lời Phật dạy mới ngoan.

Vô thường quán - Vô ngã quán - Khổ quán - Không quán - Bất tịnh quán - Nhân duyên quán - Bi quán - Từ quán - Vô cấu thanh tịnh quán - Thật tướng quán v.v...

Động tâm khởi quán như vậy các Ngài có an lạc, có Niết bàn vô trú xứ, hạnh phúc hết sức, sao không **Động**? Tổ chức bày trò đầu độc “thiêng liêng hóa” đất, các Ngài dù có được “bạc vàng”, được “đền chùa” to lớn thì cũng có được lợi ích gì cho sự nghiệp tu hành đâu?

“Nhứt thiết hữu vi pháp

“Như mộng, huyễn, bào, ảnh v.v...”

Hỏi các bạn của tôi ơi! Nỡ dành quên sao?  
Thưa chư liệt vị?

Dâng cúng, lễ bái, khấn nguyễn, van xin trước Phật đồng, Phật xi măng, Phật gỗ, Phật thêu, Phật vẽ ở chánh điện chùa chiền, hàng hàng lớp lớp tượng còn không gặp Phật, không một chút linh thiêng. Linh thiêng hóa đất, động tâm vì đất, để mong cầu an lạc, hạnh phúc, giải thoát, Niết bàn. Như Huyền Thiền sư xin nghỉ tu một phút, lấy hơi đầy bụng rồi kêu **Trời!** một tiếng thật dài...

## Tham Thiền 72

### CẦU SIÊU ?

Cầu siêu xin hỏi lấy gì tiêu?  
Ngũ ấm giai không Phật dạy rồi!  
Vô ngã, vô nhơn... vô thọ giả!  
Cái gì ở lại? Cái gì siêu?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cầu siêu, cầu an, cầu nguyện, cầu hòa bình thế giới. Người nào không còn muốn sống và không còn muốn gì nữa hết, mới dám không tin, thậm chí dám nói thẳng: **Không được gì!**

Nếu nhìn thẳng sự thật, nếu tâm trong sáng nhận xét khách quan, nếu dừng tự mặc cảm, nếu dừng kiến thủ kiến, ai cũng có thể chứng minh được rằng: tất cả các thứ cầu nguyện nói trên đều không hiệu nghiệm.

Đạo Phật chân chính, cho việc “cầu nguyện, cầu an, cầu siêu, cầu xin” là việc làm không hợp chân lý. Xin hãy đọc kỹ bài thơ trên với tâm trong sáng và thực tế.

Người đệ tử Phật hãy mở rộng lòng chánh tín khách quan mà tu tập. Đạo Bà La Môn tự đặt cho mình cái độc quyền cầu nguyện, lễ khấn, cúng tế, đức Phật bất hợp tác từ khi thành Phật cho đến lúc

từ giã nhiệm vụ độ sanh. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, thập phương chư Phật, không phải là đối tượng sở cầu để chúng sanh khấn nguyện van xin kêu cứu. Nếu Phật vạn năng, đáp ứng việc van xin phù hộ theo ý năng cầu của khách hàng đệ tử, thì tam tạng giáo điển kinh Phật dạy để làm gì? Thực tế, kinh tụng lễ CẦU SIÊU ai cũng biết, dù có dụng ý câu giờ cũng không hơn ba tiếng đồng hồ hé ha tụng tán! “*Tụng kinh giả minh Phật chi lý*”, tụng đọc kinh cốt để học hiểu Phật dạy cho ta cái gì để học tập hành theo. Sự thật trên đời, ai ăn người ấy no, ai ngủ người ấy khoẻ; người này ăn đem sự no của mình cầu nguyện hứa cho để người khác được no, việc làm ấy không hợp chân lý, người trí không tin như vậy. Tụng kinh **Cầu Siêu**, lấy công tụng của người này **Cầu Nguyên** ban cho kẻ khác, việc làm đó chẳng những trái với sự hiểu biết của người trí ở thế gian, mà còn phản nghịch chân lý “Nhân quả” của vũ trụ. Đức Phật đã chứng ngộ, đúc kết và dạy dỗ cho hàng đệ tử mình về chân lý nhân quả và duyên sanh.

“Xưa bày nay làm” câu tục ngữ ấy chẳng có gì hay ho, vậy mà nhiều người nghe, ít người dám sửa đổi, dù biết nó lạc hậu sai lầm!

Dựa trên chân lý nhân quả và duyên sanh ấy,  
Tổ Qui Sơn dỗng đặc giọng hải triều:

*"Kim sanh tiệm tu quyết đoán*

*"Tưởng liệu bất do biệt nhơn*

*"Tức ý vong duyên bất dữ chư trân tác dối*

*"Tâm không cảnh tịch chỉ vị cửu trệ bất thông"*

Thế cho nên đệ tử Phật chơn chánh không van  
xin, không khấn vái, mà chỉ siêng năng tu tập:

*"Chư ác mạc tác*

*"Chúng thiện phụng hành*

*"Tự tịnh kỵ ý*

*"Thị chư Phật giáo".*

## Tham Thiền 73

*Tham vấn*

### THIỀN LÃO TIỀN BỐI

Vân bối xin tham vấn mấy dòng:  
“Thiền tôn “Gia phả” “Phái” “Tông môn”  
Thân sơ “tứ tướng” làng khang ấy!  
Tu “chỉ” không xong há có “thiền”!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tu sĩ Phật giáo có học có tu vì lý tưởng giác ngộ giải thoát, người ta thấy sâu sắc đỉnh cao tột của nền giáo lý Phật là Trí Tuệ, tức Bát Nhã Ba La Mật. “*Vô biên phiền não đoạn, vô lượng pháp môn tu*” chung qui nhằm phục vụ xây dựng:

“*Thử thị diệu Liên hoa*

“*Kim cang vương Bảo giác*

“*Như Huyền Tam Ma Đề*”

“*Đàn chỉ siêu vô học!*

Học và tu vô lượng pháp môn để có được Bát Nhã Ba La Mật. Thành tựu cứu cánh Bát Nhã Ba La Mật là Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Kinh điển Phật chỉ rõ ra rằng: Quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác tức là **Pháp Thân Đức**. Thành tựu “Pháp thân đức” là **Quả** mà “Trí Đức” (Bát nhã đức) và “Đoạn Đức” (Giải thoát đức) là **Nhân**.

Điểm then chốt quan trọng, người tu học đạo Phật là tư duy quan sát “quả”, dựa trên “quả” suy luận tìm xét “nhân”. Từ đó tỏ ngộ chân lý “Nhân Quả” không bị sai lầm.

Tư duy suy luận tổng thể như trên, hàng Phật tử Tăng cũng như tục nên để tâm mà học tu: Bát Nhã Tôn là đỉnh cao tột của toàn bộ giáo lý tam tạng. Đức Phật dạy cho các Bồ tát cách “hàng phục tâm” để độ chúng sanh, “cách trụ tâm” để hành **bố thí** đều dựa trên nền tảng “Trí tuệ ba la mật”, ly tú tuướng trên bước đường tu.

Hệ kinh điển Đại thừa Phật giáo Bắc tông khách quan nhận xét, ta thấy một điểm sai lầm trọng đại, thế nhưng từ thế hệ này đến thế hệ khác, hình như không ai thấy hoặc có ai đó biết mà “tự khinh, tự ti, tự tôn hoặc sùng thượng hóa” đắng bè trên không dám vạch ra dù là chỗ sai đạo lý. Thí dụ:

- Ta là Thiền sư, đặc biệt hơn, cao hơn, đáng tôn trọng hơn các sư khác ...

- Tôn của ta “Thiền tôn” đặc biệt hơn, sâu sắc hơn, cao hơn Tịnh độ tôn, Pháp hoa tôn, Hoa nghiêm tôn, các tôn khác v.v...

*"Chư ác mạc tác*

*"Chúng thiện phụng hành*

*"Tự tịnh kỵ ý*

*"Thị chư Phật giáo*

Phát huy Bát Nhã Ba La Mật để thành Phật.  
Không có trí tuệ thì đừng nói **Tôn** gì ráo, khoe ra bị  
người ta cười cho đó!

## Tham Thiên 74

### **THAM DANH MA TỰ THÁN**

Tham danh mi đã hại ta rồi!  
Ác khẩu vọng ngôn hủy nhục người  
Mộng đẹp không thành đau đớn quá!  
Thân tàn danh bại kiếp phù du !

### **ĐẠI LÃO DANH SƯ TỰ THÁN**

Vô minh mi đã hại Sư rồi!  
Sự nghiệp chưa thành tuổi tác trôi  
Sống với mộng mơ vui ảo tưởng  
Thân tàn tâm muội kiếp phù hư !

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ma, một từ ngữ, một danh ngôn trùu tượng xưa nay không thấy biết chúng nó ra sao. Chỉ có một số người nhẹ dạ dẽ tin, yếu nghị lực, ít lý trí thấy và biết Ma qua tưởng tượng của chính mình.

Kinh điển Phật dạy, người đệ tử Phật tu hành phải cảnh giác bốn thứ ma. Ma không hình mạo, dáng đứng tướng đi, hay trọng lượng, kích thước, qui mô gì hết, nhưng nó có thể cản ngăn chướng ngại, phá rối dang dở bước tiến tu của người con Phật. bốn thứ ma đó là:

- 1) Ngũ ấm ma
- 2) Phiền não ma
- 3) Thiên ma
- 4) Tử ma.

Đến thế kỷ 21 Như Huyễn Thiền Sư phát hiện thứ ma con cháu của bốn thứ ma cổ đại nói trên. Ma con cháu này có tên **ma tham danh**. Nó rất ranh mãnh, khôn quỷ quá quắc, xảo quyệt. Nếu là người thường, ai cũng sợ nó, phải kiêng nể nó, thấy và gặp nó là cung kính tôn trọng nó ngay, vì nó có tánh hấp dẫn người ta.

Bốn thứ ma cổ đại thường tác hại những người đệ tử Phật quyết chí tu chơn, tu chính, tu giải thoát. Còn tham danh ma trái lại, nó khắn khít, thân cận, nó gá nhập vào những thành phần cao sang quyền tước, sự nghiệp tiền tài dư ăn dư để, những đại đức Tăng Ni, thậm chí đại lão Hòa thượng đã có chùa to, tháp lớn, nghĩa địa, nhà mai táng, cơ sở tự túc kinh tế, cho thuê để cốt rụi tro tàn, cả chục chức tước danh phận đầy tràn danh thiếp ... Đó là môi trường hoạt động rất hiệu quả của tham danh ma.

Tham danh ma là hàng con của “Thiên ma”, hàng cháu của “Ngũ ấm ma”. Đệ tử Phật sống ở thế kỷ 21 này bị sự tác hại của Tham Danh Ma, không kém gì sự tổn thất của hội chứng H5N1, của chứng lở mồm long móng đối với gia súc gia cầm, mà nhân loại phải đau đớn gánh chịu trên toàn thế giới.

## Tham Thiền 75

### TẤM PHẬT

Con nay tắm gội các Như Lai  
Trí tịnh trang nghiêm công đức khai  
Năm trước chúng sanh xin gột rửa  
Pháp thân nguyên chứng với Như Lai

Ca tỳ la vệ chǎng từng sanh  
Rừng ấy Ta La không diệt tận  
Chǎng diệt không sanh dòng dõi Phật  
Thấy mình tắm Phật : mắt thong manh

Năm tháng ngày sanh nói “bá dơ”  
Vua nào sanh “Phật”? chớ ngây thơ !  
Rồng đâu phun nước? Ô ! Huyền hoặc !  
Nói đến hoa sen : để biểu trưng...

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đạo Phật, Phật giáo hay GHPG với những tên gọi đó, người đệ tử Phật thông thường nghe qua như có chút gì hanh diện, tự tin, tự hào, sung sướng! Bởi vì đạo Phật cũng được liệt vào hàng “Giáo hội” của những bộ phận người có **tín ngưỡng tôn giáo** trên thế giới như các Tôn Giáo khác. Bởi vì đã là Tôn Giáo Tín Ngưỡng thì được hưởng quyền tôn trọng tự do tín ngưỡng, không tự tin và hanh diện sao được! Đó là một ý lành thiện cảm đáng quý. Từ thiện cảm nhiệt tình với đạo Phật, người ta rất đắc chí rằng: Đạo Phật ta đang **tín ngưỡng** cũng là một **Tôn Giáo!** Được thế giới công nhận!

Một tôn giáo được nhiều người tín ngưỡng tôn trọng trong nước ngoài nước, được đại diện các nước liên kết trên thế giới công nhận, điều đó không phải “tôn giáo tín ngưỡng” nào muốn cũng được. Đứng

vào vị trí “tôn giáo” được thế giới công nhận, người môn đồ của tôn giáo ấy vui mừng là lẽ tất nhiên.

Riêng Phật giáo, người đệ tử Phật chân chính có học, có kiến thức Phật học; bậc thạc đức, cao Tăng không vui, khi nghe môn đồ, đệ tử mình tin và hiểu Phật giống như người tín hữu có “tôn giáo”, họ “tín ngưỡng” một “giáo điệu”.

Đạo Phật không phải vậy. Đạo Phật không bắt buộc người đệ tử phải tin lời Phật mà không tư duy, quán chiếu, gạn lọc qua lý trí của mình. Vậy mà Phật giáo ngày nay, hình thức thờ phụng, lễ nghi cúng kính đã chuyển thành Tôn giáo Đa Thần hồi nào không ai hay biết!

Ngày Phật đản sanh cho đến thế kỷ 21 này, bậc chơn tu không nhìn ra ngày kỷ niệm Phật đản sanh. Nghi lễ cung kính Phật vượt ngoài tưởng tượng của Như Lai. Lớn ơi là lớn! Văn nghệ, văn hóa, triển lãm, nghệ thuật ... linh đình.

Tụng niệm, cầu nguyện đủ thành phần cơ cấu lễ nghi. Có điều ngộ nghĩnh, ai để ý mới biết. Đó là bài kệ đọc tụng buổi lễ “Tắm Phật” của Phật giáo Bắc tông, tụng để có tụng, chớ chẳng ai quan tâm: tụng để làm gì? Ý nghĩa bài kệ ấy nói gì? dạy gì?

Kê rằng:

Ngã kim quán mộc chư Như Lai

我 今 灌 沐 諸 如 來

Tịnh trí trang nghiêm công đức tụ

淨 智 莊 嚴 功 德 聚

Ngũ trước chúng sanh lịnh ly cấu

五 濁 眾 生 令 離 垢

Đồng chứng Như Lai tịnh pháp thân

同 證 如 來 淨 法 身

Tỳ gia thành lý bất tăng sanh

毘 耶 城 裏 不 曾 生

Ta la thọ gian bất tăng diệt

娑 羅 樹 間 不 曾 滅

Bất sanh bất diệt lão Cù Đàm

不 生 不 滅 老 瞽 曇

Nhãn trung khán kiến trùng thiêm tiết

眼 中 看 見 重 添 脣

Kim triêu chánh thị tứ ngọt bát

今 朝 正 是 四 月 八

Tịnh Phạn Vương cung sanh Tất Đạt

淨 飯 王 宮 生 悉 達

Phún thủy cửu long thiên ngoại lai

噴 水 九 龍 天 外 來

Bổng túc liên hoa tung địa phát.

捧 足 蓮 花 從 地 發

Muốn hiểu ý nghĩa bài kệ ấy xin giới thiệu hãy đọc bài thi ca tắm Phật của Như Huyền Thiền Sư ở trên.

## Tham Thiền 76

### TƯ ĐẠO HẠNH NGUYỄN MINH KHÔNG

(Sử truyền, hai vị này đắc đạo  
có được thần thông đi trên mặt nước)

Đạo Hạnh Minh Không đắc quả cao?  
Trên sông Tô Lịch khử trừ nhau!  
Bỏ thân trôi dạt dân chôn cất  
Xây dựng chùa thiêng hậu thế thờ.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Giả sử hai ông; Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không có “phép thần thông” đi trên mặt nước sông Tô Lịch thật, cũng không vì sự việc ấy mà gọi là đắc quả cao. Bởi vì, việc làm đó nếu có thật cũng là thuộc ngoại đạo tà sư. Đạo Phật không cần có hành động như vậy.

Đệ tử Phật không bao giờ có chuyện trừ khử nhau để rồi cùng chết trôi dạt trên sông Tô Lịch.

Sự kính quý tôn thờ của những người lập chùa để thờ đức... “Thánh” như vậy, không phát xuất từ Phật tử chân chánh có tu học theo đạo Phật. Sự tôn thờ ấy chỉ là tín ngưỡng của dân gian, không tương quan với nền giáo lý của đạo Phật chánh thống.

Học tu Phật cần có tư duy nhận thức theo tôn chỉ “Giải thoát, Giác ngộ”. Người đệ tử Phật không đam mê cái gọi là “thần thông, phép thuật” chẳng hạn “Đi trên mặt nước, bay trên mây...”. Bởi vì việc đó chẳng hay ho gì so với tàu lặn, hạm viễn dương,

máy bay và phi thuyền không gian của khoa học ngày nay.

## Tham Thiền 77

### CHÙA MỘT CỘT

(Do vua chiêm bao thấy  
Quốc sư phỏng theo chiêm bao vua  
cất xây chùa Một Cột)

Hèn chi gánh tiếng “đạo duy tâm”  
Một Cột chùa xưa đã chứng minh !  
Vua mộng tôi nghe lưu quốc sử  
Thảo nào khất sĩ tịt câm mồm !

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Nếu không bị bắt tội, nếu người tu sĩ Phật giáo có quyền nói thẳng, dám nói sự thật, thì nguyên nhân có “chùa Một Cột” và người kiến tạo, xây cất chùa Một Cột là những kẻ mắng trọng tội với Phật giáo Việt Nam và toàn thể Phật tử Việt Nam kể từ khi kiến tạo ngôi chùa cho đến năm 2008 DL.

Mộng, huyền, bào, ảnh, lộ, điện, dương diệm, càn thát bà thành, thủy trung nguyệt, cảnh trung tượng, mười thứ ấy kinh dùng để dụ cho “sự vô lý”, dù có danh ngôn mà không đời nào có sự thật chắc chắn đáng tin cậy đối với người trí học Phật, tu theo đạo Phật. Dựa vào chiêm bao, rồi cụ thể hóa chiêm bao ấy, dẫn dắt quần chúng Phật tử tôn thờ kính ngưỡng thứ... “văn hóa sai lầm” di hại từ thế hệ và thế hệ biết bao giờ rửa sạch!

Cả ngàn năm nay, tôi tin rằng đã có Thiền sư, có Cao tăng biết được sai lầm tội ác ấy, nhưng biết là một chuyện, có được nói hay không dám nói thẳng nói thật lại là việc khác.

Đụng đến ý nghĩ vua, không đồng thuận việc làm của quan hãy coi chừng ! Thảo nào Thiền sư, Khất sĩ, Cao tăng sao dám lạm bàn việc nước ấy!

## Tham Thiền 78

### XƯƠNG LƯU – XÁC ƯỚP

(Thiền sư, tu sĩ, Tỳ kheo...ướp xác)

Phật tổ thua xa đệ tử mình!  
Không người ướp xác chẳng lưu xương  
Lừng danh thế giới mà vô phúc?  
Để lại trần gian bóng lửa tàn!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thân thể con người gọi là thân “ngũ ấm” “thất đại”. Nó là một tổng hợp sắc tâm, là một vật chất trong vô vàn vật chất hữu vi, mà hữu vi pháp thì mộng, huyền, bào, ảnh... Thế cho nên người đệ tử Phật mà chân chánh, có học Phật, có tu theo đạo Phật chính thống, người ta không thèm quí trọng xương tàn, xác ướp. Chính vì vậy, cho nên cuộc đời đức Phật khi viên tịch cũng hỏa thiêu (trà tỳ) như nhân dân Ấn độ đã từng mai táng khi lìa bỏ cõi đời.

Sau khi lìa bỏ cõi đời hữu vi sanh diệt, ngũ uẩn thân của Phật chỉ còn lưu lại hậu thế “bóng lửa tàn” thương kính trong ký ức những người con Phật mà thôi ! Sự cao cả tôn trọng kính quí là đạo “giác ngộ” “giải thoát” không có ở trong xương được lưu, xác được ướp! Ai để lại đời xác ướp, xương lưu, Phật mà thấy Ngài sẽ mĩm cười...

Một hôm đức Phật cười vang dội trên chánh điện của các chùa cùng một lúc khắp năm châu. Cười vì mình vô phước không được ai ướp xác, lưu xương như các “đức Thiền sư” ở nước mô tê ni nớ !

Phật cũng nói : Những cái gọi là tháp thờ răng, thờ tóc, thờ xá lợi, móng tay kể cả tượng cốt ta, những đệ tử không nhớ lời dạy của ta trong kinh điển mà bày ra như vậy, chớ ta làm sao quên chân lý của ta đã từng dạy để nhận lãnh sự tôn trọng cúng dường kiểu ấy...

## Tham Thiền 79

### ÁO LỤC THÙ

(Chiếc áo hoang đường, huyền hoặc)

Chiếc áo lục thù mấy lạng cân?  
Vậy mà “quỷ sứ” sợ run gân!  
Ngoần ngoèo mấy chữ “...Um..tu...ri...”  
Diêm chúa Tào quan chẳng dám gần!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thù: đơn vị cân đo đong đếm ngày xưa. Lục thù là sáu thù.

Chiếc áo “lục thù” chỉ cho trò bịp bợm qua hình thức mê tín huyễn hoặc của những tà sư bày vẽ một số chữ ngoằn ngoèo gọi là “mật chú” chẳng hạn như “Úm lam” “Úm ma ni” Úm chiếc lệ chủ lệ”... họ viết son đỏ trên vải lụa vàng, mấy bà nhìn thấy sợ lấm cho là thứ bùa chú ghê gớm. Diêm vương quý sứ thấy là nể chẳng dám hỏi han...bắt tội...

“Áo lục thù” trong kinh điển đạo Phật danh không chánh, ngôn không thuận. Nói về ý nghĩa và công dụng của chiếc áo thì đáng đem các “ông thầy” làm áo và bán áo ấy ra bắt học kinh mỗi ngày 8 tiếng suốt 18 năm, không được bỏ học đi tụng cho bất kỳ đám ma nào dù thân hay sơ.

Phải học 18 năm các vị Tăng cũng như Ni mới biết được đạo Phật không bao giờ chấp nhận chuyện “hoang đường huyễn hoặc” cũng không dung túng

cho ai đem chuyện “hoang đường huyễn hoặc” hù doạ những người thiển trí nhẹ dạ cả tin, với mục đích lợi dưỡng bất chánh.

Diêm vương ở đâu? Quỷ sứ thứ gì? Ai bầu cử chúng? Ai ủy quyền cai trị thế nhân cho bọn chúng? Tại sao chúng vị nể chiếc áo “lục thù” mà phủ nhận chân lý nhân quả, thiện ác, báo ứng của vũ trụ nhân sinh quan?

Suốt đời thuyết pháp hóa đạo quần sanh trước sau như một, đức Phật nêu ra tiêu chỉ cho đệ tử mình phải tu học, phải ứng dụng chân lý:

- Giới, Định, Tuệ
- Văn, Tư, Tu
- Duy tuệ thị nghiệp

Mấy cái gọi là chữ cong queo, ngoằn ngoèo ấy không phải là cửa Thế Tôn dạy mà Diêm vương, quỷ sứ các ngươi vị nể sợ run gân, để rồi quên hết chân lý của cõi đời hữu vi là “nhân nào quả ấy, như bóng với hình”. Diêm vương, quỷ sứ... các ngươi khôn hồn hãy từ chức đi để “hạ cánh an toàn”; kéo muộn!



## Tham Thiền 80

### TIẾN SĨ HỌ THÍCH

“Khất sĩ” chỉ là kẻ “Bố ma”  
Danh to lợi lớn một mình ta!  
Ta vừa Tiến sĩ mang dòng “Thích”  
Chim chuột mình ênh bip cả cha!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tôn chỉ của đạo Phật, tiêu chí của người tu sĩ xuất gia: “Phát túc siêu phương, tâm hình dị tục, thiệu long Phật chủng, chấn nhiếp ma quân, dụng báo tứ ân, bạt tế tam hữu”. Người Phật tử tại gia cư sĩ nếu tôn trọng kính quý cúng dường Tăng bảo thì phải biết giá trị Tăng bảo là ở điểm nào! Chớ “Tiến sĩ họ thích”, **danh họ to, lợi họ lớn** quá rồi, mà mình bình thường với cuộc sống “thiểu dục tri túc” thì mình nên nhìn lại mình mà thương mình, chớ chạy theo danh to lợi lớn của họ mà cung phụng cho họ, vậy chẳng lẽ mình hết thương mình và gia đình quyết thuộc mình rồi ư?

Tiến sĩ họ Thích xét theo kinh điển Phật, họ là “thầy chùa **Dơi**”, họ là thành phần “miệt tổ khinh sư”. Vậy mà có thiểu số người “đồng khí” háo lợi tham danh cũng tán thán ngợi khen đắc ý. Kinh điển

Phật mượn con dơi để dạy dỗ cho đệ tử mình nên tu hành chơn chánh, tránh đi tánh gian xảo, trí trá.

Chim và chuột chiến đấu nhau, khi thấy chim thắng thì Dơi nói: “Ta là thượng cầm, vì ta có cánh, ta bay được”. Khi thấy chuột thắng, bò lụm cụm thì Dơi nói: “Tôi là chuột, vì tôi đâu có cánh như chim”...

Tiến sĩ thế học cha mẹ có thể gọi bằng con, bằng anh, bằng thằng, bằng ông tùy phong hóa từng miền. Còn Tiến sĩ họ Thích thì cha mẹ phải sắm lục cốc, ngũ quả, phải để phong bao... Hôm nay là lễ Trai tăng mà! Thầy chùa **Dơi** ưu việt ở điểm đó.

“Phật pháp bất ly thế gian giác”. Người tu Phật rất quý trọng trí tuệ. Phải có Trí Tuệ Ba La Mật mới có quả vị Phật. Do vậy quan điểm đạo Phật không hề kỳ thị bất kỳ một thứ “Sĩ” nào. Mỗi người có quyền ưa thích: Nghệ sĩ, ca sĩ, văn sĩ, thi sĩ, nhạc sĩ, dược sĩ, y sĩ, nha sĩ, bác sĩ, thạc sĩ, tiến sĩ v.v... Nếu ai được một hoặc nhiều trong sĩ đó, thì được gọi là bậc “Cách vật trí tri” là người bác học, từ cách vật trí tri, người ta bồi dưỡng thêm những đức tính thiết dụng cho cuộc sống của loài người”: Thành ý - Chánh tâm - Tu thân - Tề gia - Trị quốc - Bình thiên hạ.

Đó là người được xã hội loài người xem trọng và kính quý. Người đệ tử Phật nhất trí đồng thuận hoan nghinh. Tuy nhiên, đạo Phật dạy rằng: Người xuất gia thọ giới là hạnh trên hết. Nếu ai đã hữu duyên có các thứ “Sĩ” trên đều phải “bỏ nó lại tại nhà thế tục”, bởi vì kể từ khi phát chí “xuất gia” phải tập tu xả, phải phỉ giũ, phải hỉ khạc, như phỉ giũ bụi bặm của áo quần, như hỉ mũi, khạt đàm nhổ ra rồi không ngu gì liếm lại. Được vậy, kinh điển gọi đó là người không quên mất “sơ tâm”.

Người thọ giới Khất sĩ (Tỳ kheo) mà xem thường những bậc Khất sĩ bố ma và phá ác, tự thị mình là danh to lợi lớn, đó là thứ tiến sĩ họ Thích, hạng “Tu sĩ dơi”.

Đây là cái nhìn qua nhận thức của người Việt Nam. Còn như “Tiến sĩ” họ Thích của Phật giáo các nước trên thế giới thì Phật tử sở tại tìm hiểu và tự do tín ngưỡng, tự do tôn trọng theo quan niệm của phong tục tập quán nước mình. Bất cứ là ai, cũng không được quyền “quơ đũa” lạm bàn “Phật sự” của ai!

## Tham Thiền 81

### ĐẠI PHÚ TĂNG

Ngươi hãy nhìn ta, nhìn kỹ ta  
Hơn nhiều đạo đức “đấng Buddha”  
Chùa chiền mấy sở, năm mươi cảnh!  
Phật tổ bì sao kíp với ta!

## **TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Là Thiền sư tu theo đạo Phật mà cho rằng mình hơn Phật về đạo đức, hơn Phật về sự nghiệp, cơ sở đồn điền, hơn Phật về chùa chiền, thiền viện đã xây cất, đủ thấy rõ một thiền sư giả hiệu. Thời gian nào kiểm tiền? Thời gian nào chỉ đạo xây cất? Thời gian nào thanh thoát để thiền định, quán chiếu, tư duy?

Đã xem Phật là vô trí. Tự hào rằng: Ta đây hơn Phật; thế cho nên bá tánh mới dâng cúng cho ta tiền, vàng, đô la nhiều, ta xây cất chùa chiền, tu viện được nhiều như thế, đồn điền cơ sở được nhiều như thế...."Hãy nhìn ta..."!

Đã hơn Phật mọi mặt, vay mượn hình thức đạo Phật: Đầu trọc, thân mang áo ca sa, miệng ú ớ kinh điển...Phật Phật...trời trời... điều đó đủ thấy thiền sư giả hiệu bước thứ hai.

Nói một cách quyết định rằng, đức Phật khi chưa xuất gia, cũng đã là người trí, sau khi xuất gia...

thành đạo là bậc “Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác” vậy mà:

- Tại sao Phật không xin tiền phụ hoàng xây dựng chùa, thiền viện nhiều cho đệ tử tu để lấy phước đức?
- Tại sao Phật không thương chúng sanh hậu thế, không lập chùa, tạo tượng để dành cho chúng nó tu?
- Tại sao đệ tử Phật thời cận đại lại khôn quý và giỏi hơn Phật nhiều quá vậy? Tại sao và tại sao?
- Đáp: Tại vì Phật chỉ cần Bồ đề Niết bàn cho mình và hy vọng cho nhiều người cũng được giác ngộ giải thoát như vậy. Các việc khác là việc của phàm phu chớ không phải Phật không biết và không có khả năng như các Thiền sư thế kỷ 19, 20, 21 tưởng!

**Tham Thiền 82****TA VÀ NÓ***(Lời than của Phật)*

Ta nói kinh nhầm dạy nó nghe  
Nào ngờ nó lại bắt ta nghe  
Tuổi già tám chục nghe gì nữa?!  
Chín tiếng ngồi trân sụm bánh chè!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Kinh: gọi đủ là KHẾ KINH. Kinh là dùng văn tự ghi chép lời Phật dạy, do hàng đệ tử Phật kiết tập sau này. Sinh tiền Phật chỉ nói chớ chẳng thèm ghi. Bởi vì những gì Phật nói, không phải của Phật. Đó là tài sản chung của loài người, là tánh vốn có của vũ trụ thiên nhiên.

Tụng kinh, đọc kinh, nghe kinh, học kinh cốt để biết, để nhớ, để ứng dụng qua đời sống thực tiễn của con người. Ứng dụng lời Phật, ý kinh con người sẽ cởi mở, buông bỏ, gột rửa những nguyên nhân và quả khổ ràng buộc, bức bách, khổ đau trong cuộc sống. Chủ đích của sự tụng nghe, học kinh là ở đó.

Tụng kinh không cần thỉnh Phật nghe, Phật thuộc rồi mới nói ra, đệ tử ghi lại đó chứ!? Tâm mươi tuổi rồi! Từ khi viên tịch đến thế kỷ 21 này, hơn hai ngàn năm rồi. Vậy mà mời Phật dự những buổi tụng kinh 8, 9 tiếng đồng hồ, hãy tưởng tượng Như Lai

chịu sao cho nỗi? Mà Như Lai nghe để làm gì? Như Lai nghe để khen và ban phước ư? Như Lai không làm được việc đó!

Tu học Phật cốt yếu là “sửa” mình, sửa thân, khẩu, ý. Mong chờ ở đạo Phật cái gì khác sẽ thất vọng cho đến lúc vĩnh biệt trần gian!

## Tham Thiền 83

### **NHỚ CHÚ THỢ RỪNG**

Cảm kích thương cho chú thợ rừng!  
Cây to gỗ quý đốn còng lưng!  
Nhà sang tủ đẹp... “sa long” quý!  
Trí giả chơn nhơn hưởng hết trơn.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Có lần Huyền Giác Thiên sư sực nhớ rồi tự trách rằng : Thời gian khá dài mình chỉ là chú thợ rèn, là người đếm bắc ngân khố :

*"Ngô tảo niên lai tích học vấn  
 Diệc tảng thảo sớ tâm kinh luận  
 Phân biệt danh tướng bất tri hưu  
 Khước bị Như Lai khổ ha trách  
 Sổ tha trân bảo hữu hà ích  
 Nhập hải toán sa đồ tự bì  
 Tùng lai tảng đắng giác hư hành  
 Đa niên uổng tác phong trân khách"*

*(Chứng Đạo Ca)*

Thật vậy, dịch kinh nhiều là một việc, viết sách đạo Phật nhiều là một việc, tụng kinh nhiều là một việc, hiểu kinh Phật hay không đây mới là việc vô cùng quan trọng khác.

Thợ rừng có khả năng đẽn gỗ lim, gỗ gõ, gỗ gu, gỗ trắc, gỗ cẩm... nhưng không có khả năng chuyển gỗ ra khỏi rừng, họa hoằng lăm chuyển khỏi rừng đôi ba cây, vài lóng gỗ nhưng mà không có khả năng xẻ cây thành gỗ ván, gỗ chuông, gỗ cột, gỗ kèo.... Dù là thợ rừng giỏi đốn rừng, đẽn gỗ, hạ cây mà chỉ là chú thợ rừng đáng cảm kích thương hại, đáng tội nghiệp mà thôi.

Nhà cửa cao rộng, đồ trang trí nội thất sang trọng, người trí, bậc chơn nhơn không phải cực khổ, không lướt bụi, xông rừng mà được thợ hướng thành quả. Sự bồng lòng thỏa thích ấy đúng lý ra “Chú Thợ Rừng” phải biết tự thợ dụng trước tiên !

## Tham Thiền 84

### THƯƠNG CHÚ THỢ RỪNG NHỎ

Thương ai cũng nghiệp thợ rừng  
Vẫn cửa vẫn đốn vẫn còng thắt lưng!  
Cây lim cây cẩm khôn tìm?  
Cửa nhiều đốn giỏi: gòn rừng gỗ thông  
Trách thân cũng một thợ rừng!  
Nhà tranh vách lá một mình vậy sao?  
Trách mình cũng kiếp phù du  
Dù cho dị mộng, chúng sinh đồng sàng!  
Trách mình duyên phận bẽ bàng  
Thì cam phận lấy thợ rừng nhỏ nhẹn  
Nhơn tình thế thái đa đoan  
Biết ai tảo nỗi can trường cùng ai!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tu mà không học, học lếu láo lơ mơ, mạo mượn hình thức đầu trọc, áo ca sa, sắm tượng cốt nhiều, xây chùa to, đúc chuông lớn, sân hoa cây cảnh đẹp, vậy mà khi dạy đạo tu hành cho các Phật tử chỉ nói quanh quẩn mấy tiếng: Phật Phật, trời trời tội tội, phước phước, cúng cúng, lạy lạy... mà không bao giờ nói rõ lý do, chỉ bày nguyên nhân thành quả, tại sao thầy dạy các con như vậy!

Học đạo, hành đạo và dạy đạo cách kiểu đó thì bốn phận thầy không thọ dụng được chút gì trong rừng hoa đầy hương sắc Giác ngộ, Giải thoát của đạo Phật. Đương nhiên đệ tử của bậc thầy như vậy, trót dời chỉ có “Lễ Bái ông gi”.

“Thợ Rừng Nhỏ” cũng vậy. Vì là “nhỏ” nhỏ tài, nhỏ trí, nhỏ hiểu biết, nhỏ tay nghề cho nên cũng vào rừng cũng đẵn đốn hạ cây, cũng còng lưng, lun gối mà nhà ở chỉ là vách nứa cột tre, muối dưa hẩm húc... Tại vì không hiểu biết giá trị tánh chất

của cây... Đốn cây tung, cây gòn, cây vông... thì làm sao có “kinh tế”? Được thương là vậy!

Tại vì “Chú Thợ Rừng Nhỏ” thì phải vậy thôi. Hãy phấn đấu 18 năm sau tay nghề khả dĩ, thêm 32 năm điêu luyện thực tập nữa và phải thành tâm ứng dụng Văn – Tư – Tu ông bạn ạ !

## Tham Thiền 85

### NHÀ NGOẠI CẢM

Ngoại cảm khuyên ông ngoại cảm thêm!  
Còn bao tử sĩ khó truy tìm!  
Việt hồn cốt Mỹ chờ khai quật  
Có thể đô la tưởng thưởng công?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

“Ngoại cảm” Cứ theo sự nghe biết, môn ngoại cảm đã có trên dưới trăm năm ở các nước không phải Việt Nam. Còn ở Việt Nam chỉ có trình độ “ngoại cảm” cở cậu đồng, xác bóng. Đấy cũng là “hiện tượng duyên sinh” cũng như vô vàn hiện tượng duyên sinh khác. Và nó cũng được có quyền tự do như : tự do tín ngưỡng, tự do Tôn giáo, tự do hành nghề, tự do phát biểu v.v... như các quyền tự do khác.

Tác giả bài thơ “Nhà ngoại cảm” gợi và góp ý rằng : Nếu ngoại cảm thật sự linh ứng chính xác, đáng tin cậy, hiệu quả bảo đảm, thì đây là “một nghề diêm phúc”. Chẳng những diêm phúc cho người dân lỡ gặp biến cố không may... mà còn có thể đóng góp tạo nguồn kinh tế cho quốc gia làm giàu được. Xin góp ý cụ thể : Chánh phủ đề xuất

thành lập “Công ty ngoại cảm” đăng ký hoạt động thế giới, điều kiện đơn giản như sau:

Giá biểu tiền tổ hợp đồng :

- a. Thân chủ nghèo ..... giá.....
- b. Thân chủ đại gia ..... giá.....
- c. Anh hùng tử sĩ ..... giá.....
- d. Ngoại quốc :
  - Japan ..... giá.....
  - China ..... giá.....
  - I Răc ..... giá.....
  - Afghanistan ..... giá.....
  - Pakistan ..... giá.....
  - Ấn Độ ..... giá.....
  - Nam Phi ..... giá.....
  - Nam Mỹ ..... giá.....
  - Úc Châu ..... giá.....

Nói chung, các nước có nhiều người chết và tùy theo mỗi nước có nhu cầu khác nhau....

Xin tự giới thiệu người sáng tác bài thơ “Nhà Ngoại Cảm” là thầy chùa thiêt, mà thầy chùa thiêt có học Phật chánh thống thì không đồng thuận với bất cứ lời gì của Nhà Ngoại Cảm nói. Thầy chùa

thiệt có học Phật thiệt không đồng thuận với chủ trương có “linh hồn” thiệt, thầy chùa thiệt cũng không cần quí xương dù là xương thiệt, mà thầy chùa thiệt hoàn toàn đồng thuận với lập trường của Đại tá Đỗ Kiên Cường trên website Vietime. Thầy chùa thiệt không thể thân cận với “nhà ngoại cảm”, vì lập trường, tôn chỉ không thể gặp nhau.





## Tham Thiền 86

### RỪNG THÔNG

Rừng thông quý một màu xanh mơn mởn  
Lão Sơn Tăng an nhàn trụ chốn thâm u  
Cảnh sâm lâm tịch mịch tự nhàn du  
Việc trần thế viễn ly, ly sanh hỷ lạc.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Chiều hôm ấy, ngày mùng 05 tháng 05 Dinh Hợi nhâm ngày ... tháng ... năm 2007. Một chiều mà lần đầu tôi được ở rừng thông. Cho đến năm này, tôi được 80 tuổi ta, tuổi tây thì mới 79. Tôi thì thích có được 80 tuổi tây, mà tuổi tây thì phải 81 tuổi ta mới được.

*“Tám mươi tuổi Tây Ta lòn leo!”*

Vậy, ngày tôi đến Tây Nguyên, ở rừng thông Tây Nguyên cũng là ngày đáng ghi nhớ của tôi lắm. “80 tuổi được ở rừng thông Tây Nguyên, thật là thích, “cảm ơn Tây Nguyên”!

Đấy! Các huynh đệ gần xa của tôi ơi! Hởi các đệ tử gọi tôi là Như Huyễn Thiền Sư ơi! Kinh điển Phật, giáo lý tục đế tôi diễn đạt rất dễ dàng. Giáo lý chơn đế tôi cũng có nguồn tư duy hun hút! Vậy mà còn bàn luận tuổi Tây, Ta! Vui cảnh này, thích cảnh

nợ. Các pháp lữ thấy chưa? Chưa thành Phật đều là  
vậy hết đấy!

Trước mấy mươi năm, tôi đã có ước mong.  
Mong ước được một chỗ ở có núi đồi rừng suối. Tây  
Nguyên tôi ở hiện nay so sánh với Trung du hay  
Thượng du Bắc bộ, nơi lý tưởng tột cùng thích của tôi  
trăm phần, ở đây chỉ được một, hai, ba. Dù vậy, tôi  
đã bằng lòng lăm rồi: Phật dạy “Tri túc” mà! Nguyễn  
Công Trứ có câu:

知足便足待足何時足

知閒便閒待閒何時閒

“*Tri túc tiệm túc đãi túc, hà thời túc*

“*Tri nhàn tiệm nhàn đãi nhàn, hà thời nhàn*”

“*Việc trần thế viễn ly Ly sanh hỷ lạc*”

Đó là thoại đâu, là công án. Hãy tu tập viễn  
ly, không tập viễn ly, tức là không quăng bỏ gánh  
nặng. “Ly Sanh Hỷ Lạc”, bậc thiền thứ nhất trong tứ  
thiền. Phải ly để có **an lạc** và **hỷ lạc**.

## Tham Thiền 87

### SƠN KHÊ NGOẠN CẢNH

Vui thú lâm tuyỀn đã bấy lâu  
Không vinh không nhục cũng không sầu  
Xa bề tửu sắc say mùi đạo  
Ngán chữ công danh mến pháp mầu.  
Bát Nhã không tôn thường để dạ  
Niết Bàn đương xứ chẳng mong cầu  
Hữu vi vô chủ trò hу ảo  
Vạn tượng càn khôn một niệm thâu./.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Đi con đường đạo, đạo Phật nói riêng là người có hạt giống lành, là người đã có tròng sâu gốc rễ lành. Thiện căn của con người biểu lộ tánh tình. Thí dụ:

- Không thích cảnh xa hoa, ưa thích cảnh núi rừng tĩnh mịch.
- Không ham danh lợi, không thích nếp sống quý tộc kiêu kỳ; thích đời đạm bạc, thiểu dục tri túc.
- Sợ tủu sắc, tránh đổ bát v.v...

Có được những đức tính tự nhiên đó, nói lên rằng, người đó đã “túc thực thiện căn” dễ tu, dễ học đạo, dễ hành đạo.

Trên bước đường học đạo, hành đạo, những bậc đạo sư, có thể nhận biết rõ người đệ tử ấy tương

lai sẽ làm gì, đường đạo của người tử đệ ấy đi về đâu?

Học đạo, hành đạo có hai khuynh hướng:

Hữu vi - Vô vi

Khuynh hướng Hữu vi, người học trò ấy biểu lộ qua tánh đam mê học về nghi thức như: tán đầu, nhịp trống, tiếng kèn, giọng nam, hơi bắc, cúng vong, cúng linh, xô giàn, thí rế. Ước muốn chùa to, Phật lớn, điêu khắc tượng cốt mỹ thuật v.v...

Đi khuynh hướng ấy, gọi là nhầm truyền bá xây dựng đạo Phật “kinh tế” và được sự kính trọng của nhiều người: “Thầy mình có **đức**” ...

Khuynh hướng Vô vi. Những người ái mộ hệ giáo lý Bát Nhã. Họ thích học, thích nghiên cứu những kinh điển “Liễu nghĩa” Đại thừa. Những kinh điển phương tiện “Bất liễu nghĩa” Tiểu thừa họ không ái mộ.

Đi theo khuynh hướng vô vi đem lại cho hành giả kết quả thân tâm an lạc, nếm được hương vị Niết bàn, hoặc ít hoặc nhiều trong cuộc sống. Tuy nhiên, phải chấp nhận dư luận của thế gian như đức Phật Thích Ca đã phải chịu dèm pha mai mĩa:

*“Giác ngộ ai bì đức Thích Ca  
“Ta bà giáo chủ chính ông ta  
“Tu hành trọn kiếp nghèo xơ xác  
“Không mái chùa tranh để dưỡng già ...”*

## Tham Thiên 88

### SƯƠNG LẠNH TÂY NGUYÊN

Sương lạnh ẩn trời xanh hiển hiện  
Sương đi đâu lạnh chuyển về đâu?  
Vầng hồng tỏa khắp mặt cầu  
Nhớ sương nhớ lạnh biết đâu mà tìm!  
Sương lạnh tánh hư sanh ảo diệt  
Tướng lạnh hư mà thực mới mầu  
Thực hư hư thực cân nhau  
Lấy gì làm thực, thế nào là hư?  
Hư và thực danh từ đối đai  
Còn vô minh còn cái thị phi...

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯỜNG

Sương lạnh Tây Nguyên, Thi nhân gợi cho Thiền giả một đối tượng Thiền. Thiền giả hay Thiền sư đối với họ **tất cả pháp đều là Phật pháp**, tất cả các pháp không có pháp nào không là Phật pháp, tại vì ta bị vô minh che lấp, như kẻ đui mù không thưởng thức được muôn hồng nghìn tía trước cảnh rực rỡ của xuân về. Ta buông thảng, thả lỏng theo dòng vô minh trôi nổi. Do vậy ta ở Niết bàn mà không hề thưởng thức được an vui, tiền cảnh trước mắt, tất cả đều thanh tịnh mà ta chưa hề hay biết.

Bởi vì: “*Còn vô minh còn cái thị phi*” Còn vô minh là còn “ngã, nhơ, chúng sanh, thợ giả” bốn tướng sương khói ấy, che lấp trời xanh.

Sương lạnh Tây Nguyên, Thiền giả Tham và Quán tánh “duyên sanh” của vạn pháp. Các pháp “huyền sanh”, “huyền diệt” pháp này diệt, pháp kia sanh. Sương tan trời hiển hiện, ngược lại sương hiện trời như bị mất đi, chỉ có Thiền giả thấy được tánh “sanh không thật sanh” cho nên “diệt không thật diệt”

Sương đi đâu? Sương về đâu? Lạnh từ đâu đến?  
Lạnh trở về đâu? Sự chuyển hóa của vũ trụ “trùng trùng  
duyên khởi” tìm sao cho được cái bắt đầu!

Từ tư duy, quán chiếu, Thiền giả nhận rõ ra rằng:  
“vạn pháp giai không, duyên sanh như huyền” là lẽ  
thật. Rồi Thiền giả tập xem thường ... Từ xem thường  
mà có nhẹ nhõm, từ nhẹ nhõm mà được vui tươi, từ vui  
tươi mà không có “tâm sầu bạch phát”.

Hãy tu Thiền. Thiền vẫn được vãng sanh Cực laç,  
được về cõi Tịnh độ an vui!

## Tham Thiền 89

### NẮNG ĐẸP TÂY NGUYÊN

Mây trắng trời xanh đẹp hết lời  
Trời xanh mây trắng “của ta” ơi!  
Lòng ta man mác bâng khuâng nhớ  
Vạn kiếp phù sinh tựa ráng mây./.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Kinh Duy Ma Cật sở thuyết nói về cõi Phật:

“Tùy kỳ tâm tịnh tắc Phật độ tịnh  
Dục tịnh Phật độ tiên tịnh kỳ tâm”.

隨 其 心 淨 則 佛 土 淨

欲 淨 佛 土 先 淨 其 心

Có nghĩa rằng:

*Do tâm người tịnh mà có cõi Phật tịnh. Muốn có cõi Phật tịnh, trước tịnh tâm mình*

Do đạo lý Phật dạy, suy nghiệm ta biết rõ ra rằng: Thấy trời xanh mây trắng đẹp, chính tâm trạng Thi nhân lúc đó thanh thoát nhẹ nhàng; thậm chí cực kỳ nhẹ nhàng, cực kỳ thanh thoát, cho nên cái đẹp trở nên đẹp hết lời. Đó là ý tứ, một “thoại đầu” mà Thiền giả nên lưu tâm. Đẹp hết lời với ai! Chớ

không phải với ai cũng đẹp. Biết đâu dưới nền trời xanh mây trắng ấy có bao nhiêu người ưu tư sâu muộn, hoặc khổ, hoặc không. Biết đâu có người sống trong cuộc sống mấy mươi năm mà chưa có lần thật thấy trời mây trắng nước.

Há chẳng nhớ Đại thi hào Nguyễn Du đã viết:

*"Vui xuân vui khắp phương trời*

*"Buồn xuân riêng để cho người tương tư"*

Là một Thiền giả, tránh cho mình nhìn thấy  
“Cánh deo sâu”!

Ở Thi ca này N.H.T.S mật ý trách khéo, quở phạt những ai đệ tử Phật qua chữ “cửa” có mở ngoặc kép. Đệ tử Phật, một Thiền sư, Thiền gia mà vướng mắc vào “cửa”, nặng nề về “cửa” thì chẳng còn “thoại đầu”, “công án” nào có tác dụng xử lý nổi khỏi vô minh ấy!

*Lòng ta man mác bâng khuâng nhớ*

*Vạn kiếp phù sinh tơ ráng mây*

Thi nhân nhẫn nhủ với mọi người con Phật rằng: Hiện tượng hữu vi pháp vĩnh viễn tồn tại, không ai đập đổ, ném bỏ, chôn lấp nó ở đâu được.

Thế cho nên không phải sợ nó và cũng không cần có ý niệm diệt nó, mà chỉ cần nhớ nó, nó là hữu vi pháp, là vô thường, là pháp sanh diệt. Ta chỉ cần “diệt” ý niệm sanh diệt ở lòng ta, thì ta được cái vui Niết bàn tịch diệt.

Chư hạnh vô thường

Thị sanh diệt pháp

Sanh diệt diệc dĩ

Tịch diệt vi lạc.

諸行無常

是生滅法

生滅滅已

寂滅為樂

(Kinh Đại Niết Bàn)

## Tham Thiền 90

### SƯƠNG MÙ TÂY NGUYÊN

Sương mù bao phủ am mây  
Núi đồi mờ ảo cỏ cây ẩn mình  
Rừng thông lặng lẽ hữu tình  
Tư bề quanh quẽ chỉ mình với ta.  
Dạo chơi trong cõi Ta bà  
Hàng hàng lớp lớp cùng ta vui đùa  
Ta bà Cực lạc không xa  
Ung dung tự tại vào ra tự mình.  
Nổi trôi một kiếp phù sinh  
Trăm năm bào ảnh hư vinh nhọc nhằn  
Lợi suy hủy dự lăng xăng  
Là trò ảo hóa cầm bằng chiêm bao.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Ở Tây Nguyên, mùa Đông mùa Xuân sương mù bao phủ mịt mùng rừng núi là chuyện gần như thường ngày. Có ngày sương mù bao phủ ba lần, thậm chí nhiều hơn thế nữa. Những lúc sương mù bao phủ là lúc “rừng thông lặng lẽ” là lúc quạnh quẽ tư bề và thời điểm ấy chỉ có ta với ta.

Trước cảnh hữu tình mà “tâm vô sở đắc” Thiên giả chợt nhớ: “Pháp giới nhất chân, bất nhị”. Rõ ra rằng: mình và mọi người cùng vui ở cõi Ta bà, nào có sao đâu! Ở cõi Ta bà mà “ung dung tự tại vào ra tự mình”, vậy thì “Ta bà tức là Cực lạc”

Cho nên, kinh Hoa Nghiêm Phật dạy:

若人欲了知  
三世一切佛  
應觀法界性  
一切唯心造

Có nghĩa rằng:

“Nếu ai muốn rõ biết

“Ba đời mười phương Phật

“Quán chiếu tánh pháp giới

“Tất cả, duy tâm tạo.

Kinh Phật dạy là thế đó, vậy mà cho đến nay  
chẳng biết bao lâu đời kiếp, chìm đắm, trôi lăn trong  
biển khổ sông mê, của hí trường mộng ảo, của huyền  
cảnh không hoa, của bát phong bào ảnh.. Há chẳng  
phải là đáng thương xót lắm ru!

Thảo nào, hàng Thanh văn, Duyên giác thường  
bị Như Lai quở:

**“Các ông là những người đáng thương xót”!**

**Tham Thiên 91****NĂM THÁNG**

Vạn kỷ trời mây vốn hợp tan  
Mây trời tan hợp tháng năm tàn  
Đổi thay sanh diệt nguồn cơn ấy!  
Hỏi cái ta nào ta của ta?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Hợp tan, tan hợp. Thạnh suy, suy thạnh. Được mất, mất được. Sáng tối, tối sáng. Sanh diệt, diệt sanh v.v... đổi thay muôn vạn kỷ, không bao giờ tìm có một điểm dừng.

“Vạn kỷ trời mây vốn hợp tan” là chân lý bất di bất dịch của vạn pháp hiện tượng duyên sanh như huyền, khi ta nhìn chúng bên mặt không gian.

“Mây trời tan hợp tháng năm tàn”, nhìn bên mặt thời gian của hiện tượng sự vật, cũng cùng chung số phận “vô thường” diệt sanh, sanh diệt theo dòng chảy của thời gian.

Hiện tượng vạn pháp thật **có** hay thật **không**?

Nói **không**, không đúng. Nói **có** thì sai.

Ví như người mộng, cảnh mộng với họ không thể nói “không”, người không mộng, nói “có” nói “không” đều không thể nói!

Thế Tôn thường dạy: Vũ trụ, nhơn sanh, hữu tình, vô tình, tìm bản chất của tự nó không có. Đó là chân lý vô ngã. Chân lý đó bao quát hết nền giáo lý của đạo Phật.

Cái **Ta** tìm không có “*Hỏi cái ta nào ta của ta*”?

Hãy học tập “Thiền định” chân lý: Vô thường, Vô ngã, vạn pháp giai không!

Hãy lột kính vô minh đi, để nhận thấy báu vật nhà ta vốn có!

## Tham Thiền 92

### ĐÔNG – XUÂN

Sống đã không gì chết cũng không!  
Trăm năm cõi tạm vấn vương lòng!  
Giang san vũ trụ ai là chủ?  
Vạn kỷ xuân tàn trở lại đông!

Tiền giang Nữ sĩ Liên Hải họa :

Vạn hữu vô thường có cũng không!  
Nước non vô ngã vấn vương lòng!  
Công danh sự nghiệp trò mây khói  
Chả trách xuân tàn lại đến đông!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

路 逢 劍 客 須 談 劍  
未 遇 詩 人 莫 獻 詩

Phiên âm: Lộ phùng kiếm khách tu đàm kiếm  
Vị ngộ thi nhân mạc hiến thi.

Nghĩa rắng:

*Gặp kiếm khách hãy cùng luận kiếm  
Chẳng thi nhân thì chớ tặng thơ!*

## Tham Thiền 93

### TRĂNG KHUYA

Trăng lồng lộng phủ vàng đồi dốc  
Gà gáy sôi eo óc canh khuya  
Gâu gâu chó đón trăng về  
Nhìn trăng “thốn thức lòng quê” đêm dài  
Thâm trầm quá biết ai chia sẻ?  
Thanh thoát này nào để riêng ta !  
Chênh chênh chiếc bóng trăng tà  
Cùng ai trà đạo, ai cùng ngắm trăng?

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Cùng là trăng, cách đây 60 năm, hồi phong trào ca vọng cổ cải lương , thời kỳ còn nhịp 2, nhịp 4, nghe rỉ rả não nùng, chưa được nhịp 16, 32 như thế kỷ 21 hiện nay. Hằng ASIA hồi đó có bài ca “Thức trót canh gà”. Khởi đầu: “Thức trót canh gà ... ngồi **nhìn bóng trăng non**, thương con nhớ chồng, gan xào ruột héo đau đớn lấm hởi chàng ôi...!”

“...Ôi! Dưới cội bóng cây ngô đồng chỉ có một mình ngồi than thở dưới “bóng trăng khuya...!”

Lúc nàng Kiều thọ tiễn yêu đương, lo lắng hạnh phúc tương lai, Đại Thi Hào Nguyễn Du viết:

“... Gương trăng chênh chêch dòm song  
Vàng gieo ngắn nước, cây lồng bóng sân  
Hải đường lá ngọn đông lân  
Giọt sương gieo nặng cành xuân la đà  
Một mình lặng ngắm bóng nga  
Rộn đường gần với nỗi xa bời bời...”

Thương quá, nhớ quá, chia ly đau đớn quá, “ái biệt ly khổ” mà! Lúc bấy giờ Thúy Kiều thấy trăng như bị ai đó cắt chia hai. Đại Thi hào Nguyễn Du viết:

...*Người lên ngựa kẻ chia bao,*  
*Rừng phong thu đã nhuộm màu quan san.*  
*Dặm hồng, bụi cuốn chinh an,*  
*Trông chàng đã khuất mấy ngàn dâu xanh.*  
*Người về chiếc bóng năm canh,*  
*Kẻ đi muôn dặm một mình xa xôi.*  
*Vầng trăng ai xé làm đôi,*  
*Nửa in gối chiếc nửa soi dặm trường...*

Đạo sĩ ngắm trăng, người đệ tử Phật thường trăng, cũng thường có “một nỗi lòng”. Có thể nói nỗi lòng vượt ra ngữ ngôn văn tự. Nỗi lòng biết nói sao đây...!

Đạo sĩ tu thiền, cũng như một thiền giả Phật tử cư sĩ, ngày ngày trong cuộc sống cái họ thích là cỏ cây rừng núi, thông reo suối chảy, gió thoảng mây bay, chim kêu vượn hú, chó sửa xa xăm, tiếng chuông đồng vọng, chim vịt kêu chiều, dế rang cảnh vắng ... Cảnh quanh quẽ cô liêu, thiên nhiên u tịch

ban ngày cũng như đêm, ở trong môi trường ấy, tâm tư người Đạo sĩ có một thốn thức, thốn thức của Tu sĩ, họ thốn thức “lòng quê”. Mà Lòng Quê của Tu sĩ khác với sự “cảm hứng” của Thi hào, Thi sĩ, cũng không như người cô phụ dưới cội ngô đồng, một mình ngồi than thở dưới bóng trăng khuya...Khác với nàng Kiều, thấy trăng bị ai cắt làm đôi!

Bởi vì Lòng Quê của tu sĩ thường là họ hướng tâm tư vào thiền định, họ sống ở trong thiền vị, họ thường an trụ:

Thể Tánh Tịnh Minh, Chân Như Bản Thể  
Như Lai Viên Giác Diệu Tâm  
Pháp Thân Biến Nhất Thiết Xứ  
Tự Tánh Thanh Tịnh Niết Bàn  
Di Đà Tự Tánh  
Tịnh Độ Thường Tịch Quang.

Lòng Quê nói cách khác; Quê Hương của người con Phật. Sáu cảnh thanh tịnh nói trên, người đệ tử Phật xem nơi đó mới là quê hương của họ. Bởi vì họ được học hiểu qua kinh điển lời Phật dạy, ai cũng có tự tánh vốn an lành, thanh thoát, nhẹ

nhang, sung sướng, không gợn một chút trắc ai. Đó mới là quê hương vốn có của mình.

千 江 有 水 千 江 月

萬 里 無 雲 萬 里 天

Phiên âm :

Thiên giang hữu thủy thiên giang nguyệt  
 Vạn lý vô vân vạn lý thiên

Dịch nghĩa :

Bao sông có nước bao trăng hiện  
 Mấy dặm không mây mấy dặm trời

Con người đau khổ là tại vô minh che lấp tự tánh trong sáng an lành vốn có của con người. Người tu là người tỉnh thức có khả năng nhận biết vô minh, hóa giải vô minh, đoạn dứt vô minh thì Niết bàn tự tánh vốn có hiện ra. Tịnh độ Cực lạc vốn có hiện ra.

Trăng chẳng lúc nào không có  
 Trời không vắng bóng bao giờ!

Trúc Lâm Sơ tổ Việt nam đã xác định:

## 家 中 有 寶 休 尋 覓

“Gia trung hữu bảo hưu tâm mích”

Trong nhà có của báu rồi, khỏi nhọc sức tìm kiếm ở đâu!

Cái Lòng quê tự tánh thanh tịnh Niết bàn ấy  
lại không dành ưu đãi cho riêng ai. Có bao nhiêu  
người cùng hóng gió, cùng ngắm trăng cùng trà đạo  
cùng quán chiếu tư duy, thì “vô vi pháp”, “hữu vi  
pháp” đó, vẫn y nhiên đó, chẳng thiếu chẳng thừa,  
chẳng thêm bớt gì!

## Tham Thiền 94

### MỘT SƠM TINH SƯƠNG

Bình minh chim vịt kêu vang  
Cúc cu hòa điệu dế rang nhạc trời  
Rừng xanh mây trắng thảnh thoát  
Nghìn năm trinh bạch để chờ đón ai!

Tiền giang Nữ sĩ **Liên Hải** họa :

Rừng xanh mây trắng nắng vàng  
Cúc cu hòa điệu dế rang nhạc trời  
Nước non trinh bạch nghìn đời  
Để chờ đón rước ai người vô tâm!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Người đệ tử Phật xa lánh cái đẹp xa hoa lộng lẫy của vinh hoa phú quý. Nhưng chúng ta cần có môi trường đẹp, hoàn cảnh đẹp, cái đẹp ngoại cảnh thiên nhiên vốn có, ngoại cảnh trong lành thoát, tịch tĩnh là một đối tượng tốt của nội tâm. Ngược lại nội tâm có bình an có viễn ly phiền não, có hỷ lạc mới nhận được cái đẹp của ngoại cảnh. Thế thì đẹp ngoại cảnh, đẹp nội tâm đều cần cho cuộc sống, nó tạo cho con người một cuộc sống có ý nghĩa, có hạnh phúc an vui đáng sống.

Tuy nhiên, qua kinh nghiệm thực tế, các thi nhân, thi sĩ, thi hào tiền bối cùng có nhận thức chung: Hai dĩa cân Tâm và Cảnh cân cõi trần ai, dĩa tâm nhiều chất lượng, nặng ký hơn là cảnh. Cảnh đẹp cỡ nào, sang trọng bao nhiêu đều có thể trở thành vô nghĩa. Người ta có thể bỏ nó dễ dàng để đổi lấy một cái “ra đi” để ôm một nỗi buồn tê tái.

Bố cáo sự thật đó với thế thái nhân tình Đại Thi Hào Nguyễn Du viết:

“Đòi phen nét vẽ câu thơ  
 Cung cầm trong nguyệt nước cờ dưới hoa  
 Vui thì vui gượng kẽo là  
 Ai tri âm đó mặn mà với ai  
 Đòi phen gió tựa hoa kề  
 Nữa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu  
 Cảnh nào cảnh chẳng deo sầu  
 Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ

Cái buồn điện ngọc cung vàng, Thi Hào Nguyễn Gia Thiều viết:

“Buồn mọi nỗi lòng đà khắc khoải  
 Ngán trăm chiều bước lại ngắn ngo  
 Hoa này bướm nỡ thờ ơ  
 Để gầy bông thăm để xơ nhụy vàng  
 Đêm năm canh lần nương vách quế  
 Cái buồn này ai dễ giết nhau  
 Giết nhau chẳng cái lưu cầu  
 Giết nhau bằng cái ưu sầu độc chưa?”

Đức Phật Thích Ca thì đơn giản, gọn gàng, chẳng thi chẳng ca dài dòng văn tự. Người nói:

"...Nếu ai muốn biết rõ  
 Ba đời mười phương Phật  
 Nên soi rọi tánh pháp giới  
 Tất cả do **Tâm** tạo ra..."'

Hoặc *Tùy kỳ tâm tịnh, tắc Phật độ tịnh*  
*Dục tịnh Phật độ, tiên tịnh kỳ tâm*

Chư tổ thi “Tam giới duy tâm, vạn pháp duy thức”. Nghĩa là: Ba cõi do tâm, vạn pháp do thức.

息 意 忘 緣 不 與 諸 墾 作 對  
 心 空 境 寂 只 為 久 滯 不 通

“*Nước non trinh bạch nghìn đời*  
*Để chờ đón rước ai người vô tâm”*

## Tham Thiền 95

### TÂY NGUYÊN HOÀI CẨM

Vui thú lâm tuyỀn nǎm tháng qua!  
Thân tâm thanh thoát nhẹ thênh ra  
Gột vơi tục tưởng ly tam độc  
Quét sạch trần lao diệt tứ ma  
Thế cuộc xuân qua thu tự đến  
Nhơn tình hè nóng lạnh đông vê  
Gìn lòng an trú: Không vô nguyỆn  
Vạn vật tùy duyên mặc đổi thay.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Sơn thủy lâm tuyền cô liêu u tịch, được ẩn dật trong môi trường hoàn cảnh ấy, với người tu sĩ là một cái thú.

Sống vui với thú lâm tuyền, thân tâm của con người tự có sự thanh thoát an nhiên chưa cần đến sự tu hành hay dụng công đè nén, mà Tam độc Tứ ma tự vắng bóng.

Tam độc, Tứ ma là đối tượng gây nên đau khổ cho con người nói chung và cực kỳ nguy hiểm đối với hàng khất sĩ quyết đi đường Phật nói riêng.

Tam độc là: Tham độc, sân độc và si độc. Phật dạy: Rồng độc, rắn độc không đáng sợ bằng tham, sân, si. Tam độc tự biến tướng ra, rồi hội nhập vào với tài, sắc, danh, thực, thùy ngũ dục lạc. Với lục trần: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, chủ thể và đối tượng kết chặt nhau gây thành khổ hải vô biên cho kiếp sống của con người.

Tứ ma: Phiền não ma, thiên ma, ngũ ấm ma và tử ma. Chúng là những tác dụng của vô minh, chúng có thể khuấy nhiễu, làm chướng ngại đường tu tập của hữu tình, gây vô vàn đau khổ cho cuộc sống. Giác thì chúng ẩn đi, mê thì bị chúng tác động hoành hành. Đối với kiếp con người, tứ ma là mầm ung thư tiềm phục, nguyên nhân tác hại nội tâm vô cùng nguy hiểm!

Thế cho nên: *Gột voi tục tướng ly tam độc, quét sạch trần lao diệt tứ ma* là mục tiêu mà mọi người đệ tử Phật luôn luôn xem đó là một đối tượng phải cảnh giác đề cao: Gột voi và quét sạch!

Thiền giả an trú “không, vô tướng, vô nguyện” tam giải thoát môn, thiền giả sẽ có nghị lực, có tánh đức an nhiên như như bất động, vì thiền giả đã củng cố cho mình một tiêu chí viễn ly:

*Trần chẳng tương can, biển cạn non mòn tùy thay đổi*

*Tâm không sở đắc, thông xanh mây trắng tự vui nhàn.*

**Tham Thiền 96****TỰ TRÀO**

Tám mươi tuổi Tây Ta lộn lẹo!

Tuổi là gì léo nhéo lo toan!

Xuân qua Đông lun năm tàn

Thời gian ai giữ ai cầm ai ghi?

Năm với tháng: lấy gì làm cứ?

Bóng ngày đêm có giữ được chăng?

Đêm ngày khôn giữ khó ngăn

Thì năm với tuổi cầm bằng hưu vô!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Tuổi, do tính đếm thời gian; thời gian dựa trên giờ, ngày, tháng, năm mà kể tuổi. Thời gian thì không có thật. Chỉ dựa trên vật chất hiện tượng mà có khái niệm thời gian.

Tác, do quan sát không gian; không gian dựa vào sự kết hợp vật chất nhiều ít, lớn nhỏ mà nhận xét tác. Không gian không có thật, cũng chỉ dựa trên vật chất, hiện tượng mà có nhận xét, có khái niệm không gian.

Không gian, thời gian không là gì cả. Dựa trên hiện tượng vật chất mà nhận thức khái niệm không gian, thời gian. Vật chất là một tổ hợp duyên sanh, không có tự ngã, không có bản chất tự sanh. Vật chất không có thật.

Do vậy, Thiền sư khi hỏi “tuổi”, nhìn “tác” với ai đó, chính là lúc Thiền sư “chẳng nói gì”!

Huyền Giác Thiền sư nói:

*“Khi im lặng mấy kẻ biết đó là đang nói.*

*“Lúc nói nhiều có ai hiểu chẳng nói gì!”*

Với Thiền sư, sống thì sống, hết sống thì không còn!

*“Diệt ý niệm “sanh, diệt”*

*“Được cái vui tịch diệt”.*

Nói tuối, nói tác với Thiền sư là giây phút “**Tự Trào**”

## Tham Thiền 97

### THIỀN LÃO ĐẠO CHƠI RỪNG

Nửa buổi ta lên Bảo Sở Lâm  
Rừng thông man mác vông treo nǎm  
Vui cùng Pháp lữ trao thi tú  
Bát ngát đồi thông luận chữ Tâm.

三 點 如 星 象 橫 鉤 似 月 斜  
披 毛 從 此 得 做 佛 也 由 他

Gió thoảng đồi thông nhạt nắng vàng  
Rừng im cảnh vắng ý mang mang!  
Vắng nghe mây nước tranh sau trước  
Vạn hữu tìm sao có thí chung.

Thiền lão dạo chơi rừng  
Vắng nghe lời mây nước  
“Sau trước” luận tranh nhau  
Tìm đâu ra đầu mối?

Nước mây, mây là nước  
Mây nước tự sanh nhau  
Duyên trùng trùng vô tận  
Tranh cãi chuyện lần khân

Sư già chơi rừng vắng  
Sau trước chuyện tràng giang  
Lão xin riêng hai chữ :  
Cho lão được “bình an”

Cuối cùng xin bớt lại  
Lão nhận một chữ “Nhàn”!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Vũ trụ vạn hữu vô thi vô chung, vô cùng vô cực. Tất cả đều do nhân duyên tổ hợp nương gá nhau mà hình thành một chỉnh thể của sự vật hiện tượng.

Vạn hữu tìm đâu mối trước sau, trên dưới, qua lại, lớn nhỏ ... chỉ là hý luận mà thôi. Nước mây đã vậy, đất sét với lu hũ, chum chóe, chén dĩa ... cũng vậy, lúa mạ và con người cũng vậy; trong lúa mạ có con người, trong con người có lúa mạ; trong gỗ có bàn ghế, trong bàn ghế có gỗ ... cho đến vi trần và thế giới cũng vậy, tìm không có lớn nhỏ, trước sau ...

Phật dạy: Một là tất cả, tất cả là một

一 即 一 切 一 切 即 一

**Tham Thiền 98****TIẾNG CHUÔNG CHÙA**

Chuông chùa văng vẳng cánh đồi đông  
Đồng vọng trong tôi chữ sắc không  
Bát nhã huyền tôn tôi luyện chí  
Thiền cơ tĩnh lự khắc ghi lòng  
Trần gian bèo hợp nhân sinh huyền  
Quốc thổ cờ chia vạn tượng không  
Văng vẳng âm thanh buông một điệu  
Mỗi người mỗi cảnh mỗi hoài mong.

## **TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG**

Các Thiên môn thường có những câu đối rất ý nghĩa để cảnh tỉnh mọi người con Phật xuất gia cũng như tại gia; như tiếng chuông, trống, tiếng kệ kinh đều có ý nghĩa riêng của nó. Chẳng hạn như:

朝 鼓 暮 鐘 聲 醒 愛 河 名 利  
客

經 聲 佛 號 喚 回 苦 海 夢 迷 人

### **Phiên âm:**

Triệu cổ mộ chung cảnh tĩnh ái hè danh lợi  
khách

Kinh thanh Phật hiệu hoán hồi khổ hải mộng  
mê nhơn

### **Dịch nghĩa:**

Sớm trống tối chuông, gọi thức khách say  
chìm biển ái

*Tiếng kinh hiệu Phật kêu về kẻ tục lạc rừng mê.*

Tiếng chuông chùa, người chửng tánh Đại thừa đi đường “Chơn Đế” công dụng của nó chẳng có gì đáng nói; nhưng với tục đế, tiếng trống chuông, tiếng kệ kinh cũng có lúc nghe ra tưởng chừng như an ủi, như gọi mời, như vỗ về, như kích khởi tâm lành cho những ai đang lạc lối giữa rừng đời bao phủ bởi khói bụi vô minh!

Lại bài kệ đánh chuông trong chùa mỗi tối viết rằng:

Văn chung thịnh phiền não khinh  
Trí huệ trưởng Bồ đề sanh  
Ly địa ngục xuất hỏa khanh  
Nguyễn thành Phật độ chúng sanh...

### Có nghĩa là:

*Nghe tiếng chuông với phiền não  
Trí huệ tăng trưởng, tâm Bồ đề sanh  
Xa lìa địa ngục, ra khỏi hầm lửa  
Nguyễn thành Phật độ chúng sanh ...*

Bài kệ ấy cũng có ý nghĩa sách tấn gợi cảm  
cho người con Phật.

Tuy nhiên, là Thiền sư, Thiền giả thật học thật  
tu thì không bao giờ được quên lời Phật:

Nhược dĩ sắc kiến ngã  
Dĩ âm thanh câu ngã  
Thị nhơn hành tà đạo  
Bất năng kiến Như Lai

(Kinh Kim Cang Bát Nhã)

**Tham Thiên 99****NẤM MỘ ĐỒI HOANG**

Chiếc mộ ai nằm giữa nắng trưa?  
Vi lô hiu hắt khóm lúa thưa  
Ve sầu ngâm khúc buồn thiên cổ  
Bìm bìm thông tin nước lớn chưa?  
An giấc ngàn thu yên đẹp quá!  
Sống cày nǎm tháng mộng say sưa!  
Mồ cao tháp rộng trò hư giả  
Tăng tục kình nhau luận thấp cao!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

“Hội ý” là một trong sáu cách chế ra văn tự của người Trung quốc, họ vẽ chữ 葬 táng là chôn, gồm ba bộ: Bộ cung (丂) ở dưới, tử thi nằm lên là bộ (死), bộ thảo (艸) ở trên, ngụ ý dùng cỏ rác, lá lú, chà chôm đầy phủ lên tử thi để tẩu táng một xác chết, dấu kín một thi thể sắp tan rã thui hôi

Phong tục nước Ấn Độ thời Phật tại thế, người chết có bốn cách dấu kín “làm mất” tử thi. Một, hỏa táng. Hai, thổ táng. Ba, thủy táng. Bốn, phong táng. Cách táng nào cũng là nhằm dấu kín tử thi, bảo vệ môi trường sống cho xã hội.

Phong tục Việt nam ta, truyền thống của con Lạc cháu Hồng là thổ táng. Cận đại số tiến bộ, người ta dứt bỏ quan niệm sợ: “Hỏa táng nóng”. Hiện nay thế kỷ 21, số người chuộng hỏa táng càng tăng, đó là một hiện tượng đáng mừng. Bởi vì hỏa táng vừa tiện

lợi, vừa vệ sinh tuyệt đối, vừa cắt đứt hậu hoạn để khổ không đáng có cho con cháu đời sau.

Xét nội dung thi ca **Nấm Mộ Đồi Hoang**, người đọc có thể đánh giá không lầm rằng: Thi nhân là người có khuynh hướng xem thường tư tưởng “sống cái nhà, chết cái mồ”. Còn có vẻ mỉa mai thành phần đệ tử Phật, Tăng tục kình nhau so sánh bàn luận: Tháp cao, tháp lớn, tháp đẹp, mồ to, kiểu lạ, vật liệu đắt tiền v.v... Nếu ai đó mệnh danh là đệ tử Phật, chỉ làm cho hôi hám đức thanh cao của người con Phật.

Theo đường lối tu học, qua nhận thức của Thi nhân, Tăng cũng như tục, đệ tử Phật khi nhìn “nấm mộ đồi hoang”, phải thấy cái đẹp của nó, cái đẹp đơn sơ mà hiên ngang thanh thoát. Một mình tự tại giữa đất trời, một mình vui thú gió mát chim kêu trong khóm vi lô dong đưa theo chiều gió, một mình lặng ngắm trăng sao dưới một bầu trời xanh vô tận. Ngày đêm nghe nhạc trời rộn rã ... Thế chẳng phải: An giấc ngàn thu yên đẹp quá! Đó sao?

Chữ “Tháp” ở trong đạo Phật, người có thật học, hiểu rõ ra nó có đáng quý gì đâu! Tháp nói cho đủ văn tự cũng khá dài dòng. Từ Ấn Độ đến Trung Hoa, Trung Hoa chuyển qua ngôn ngữ của con Lạc

cháu Hồng, tưởng chừng như tháp là thiêng liêng linh hiển ... Tháp có tên “Tháp ba” cũng gọi “Túy đố ba” Trung Hoa gọi “Cao quảng đại phân”, ngôn ngữ Việt nam là “Mồ lớn cao rộng”, cũng chỉ là nấm mộ mà thôi. Nấm mộ của dân gian do con cháu đắp xây để tỏ lòng hiếu thảo với bậc tiền nhân, ông bà cha mẹ. Ngân quỹ của cháu con phần đông hữu hạn, nếu không muốn nói đa số khó khăn, cho nên nấm “mộ” dầu khá đẹp, tốn cũng lăm tiền, nhưng so với “Tháp” ít có ngôi mộ giá trị bằng được một phần trăm. Bởi vì, tháp đá quý, thợ khéo tay ... giá trị một, hai tỷ là việc đã và đang tiếp tục xảy ra! Nói rút lại, “Tháp” là “Mộ”. “Mộ” tức là “Tháp”. Khác nhau ở điểm “lạc quyên” được nhiều tiền, xây đúc mồ cao đẹp rộng, gọi là **Tháp**. Tiền ít xây Mộ nhỏ gọi Mộ hay Mồ. Mộ, mồ, tháp đều là nơi chôn cất xác chết của thân “ngũ uẩn phù hư”.

## Tham Thiền 100

### TÂY NGUYÊN TỰ CẢM

Tây nguyên đồi núi trập trùng xa  
Gió lộng rừng thông mây trắng qua  
Mây đến mây đi trời vẫn tĩnh  
Gió đưa gió đẩy cảnh thường “như”  
Mặc cho thế cuộc tranh thành bại!  
Buông thảng Thiền tăng giải giác mê  
Suối biếc rì rào chim thủ thi  
Lòng ta vắng lặng; bóng chiều quê.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Thiền gia có câu:

“Vân khứ vân lai thiên bốn tịnh  
Hoa khai hoa lạc thọ hà can”!

***Dịch nghĩa:*** Mây đến mây đi trời vẫn tịnh  
Hoa tàn hoa nở cội can chi

Trời là vậy, cảnh sắc là vậy, con người, con người có học tu thiền, có định tuệ, thấy rõ tánh diệt sanh, tánh nhiễm tịnh, vô minh, thiện ác của con người; đến đi, vào ra, sanh diệt liên tục trong ngũ uẩn thân. Nhưng Phật tánh, Viên giác Diệu tâm, Tự tánh thanh tịnh Niết bàn, Di Đà tự tánh, Cực lạc duy tâm không hề có thêm có bớt, như mây và hoa, với cây và trời kia vậy.

Thành bại, là chuyện bình thường  
Đắc thất, thịnh suy bình thường

Vinh hư tiêu trưởng bình thường

Sanh trụ dị diệt bình thường

Thành trụ hoại không bình thường

Sanh lão bệnh tử bình thường

Là Thiền sư, đã học kỹ, đã liễu ngộ chân lý  
Ấy, giờ phút này vân du trong cảnh:

*“Suối biếc rì rào chim thủ thi”*

*“Lòng quê vắng lặng bóng chiều quê”*

Nỗi lòng “Hoài Cảm” của N.H.T.S đối với rừng  
chiều, trập trùng đồi dốc cảnh Tây Nguyên. Ai ở vào  
bối cảnh đó rồi chắc cũng sẽ có cảm hứng xem xem  
như vậy!

## Tham Thiền 101

### TIẾNG VE SÂU

Tiếng ve người bảo tiếng ve sâu?  
Ai đó? Mời nghe rõ lại đi!  
Nghe kỹ nghĩ suy rồi hãy thốt!  
Ve không sâu muộn, tiếng vô tư!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Với một Thiền sư, một người đệ tử Phật cư sĩ tại gia, có học kinh điển Đại thừa, nghe thi đề “Tiếng Ve Sầu” là Thiền giả khởi niệm tinh thức tức thì, rằng: Tiếng ve sầu là một hý luận của thức giả bởn cợt với ai đó phải chăng? Hay thức giả muốn tạo một tiếng sấm giữa trưa hè nắng cháy, dụng tâm lưu lại hậu thế một nguồn năng lượng sáng chói khoáng hậu vô tiền? Ai là người phát minh nguồn năng lượng ấy? Mã Minh Đại Sĩ.

Mã Minh Đại Sĩ, hàng đệ tử Phật gọi Người là Bồ tát. Người là tác giả viết ra Đại Thừa Khởi Tín Luận. Mã Minh Đại sĩ, chỉ rõ ra rằng: Vũ trụ vạn hữu có **Thể, Tướng và Dụng**. Thể của vạn pháp là Chân như. Từ Chân Như Thể, duyên khởi ra “tướng” và “dụng”. Nhìn bên mặt Chân, “thể” của vạn pháp bất biến. Nhìn bên mặt Tục, Tướng, Dụng của vạn pháp tùy duyên. Cho nên vạn pháp tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên. Vạn pháp không có tên, không có tuổi. Với vạn pháp, Thiền giả sử dụng cách nhìn **Pháp nhĩ như thị**.

“Pháp nhĩ như thị” nghĩa là đừng gọi tên tuổi, đừng hỏi tại sao? Đừng hỏi tại gì? Đừng hỏi tại ai? Đừng hỏi lai lịch. Bởi vì: “Nói gì cũng không trúng”. Nói “con ve” đã không trúng. Nói “ve sầu” càng thêm một tầng hý luận! Dựa vào đâu gọi nó: **con ve?** Dựa vào đâu chỉ định nói ve sầu? Dựa vào đâu ấn định cái sầu của tiếng ve ấy?...

Thế cho nên cần học hỏi Mã Minh Đại Sĩ:

一 切 諸 法, 從 本 以 來, 離 名 字 相, 離 言  
說 相, 離 心 緣 相, 畢 竟 平 等, 不 可 破 壞, 唯  
是 一 心, 故 名 真 如.

**Phiên âm:** Nhất thiết chư pháp, tùng bản dĩ lai, ly danh tự tướng, ly ngôn thuyết tướng, ly tâm duyên tướng, tất cánh bình đẳng, bất khả phá hoại, duy thị nhất tâm, cố danh Chân Như.

**Dịch nghĩa:** Tất cả các pháp, từ xưa đến giờ, không tên không tự, ngoài ngôn ngữ luận bàn, vượt ý nghĩ của óc tim, tự nó là nó, muốn thêm không được, muốn bớt không được. Nó là đối tượng nhận thức của con người, thể của nó “Chân như”.

真 不 可 遣, 如 不 可 立

“Chân” không thể phá hoại, “Như” không thể xây dựng.

**Tham Thiền 102*****Cảm hứng NƯỚC NON NHÀ***

Vận hội dường như độ tuổi xuân  
Xuân qua xuân lại gợi xuân tình  
Sương mờ xi bạc ngàn thông cối  
Nắng nhạt sơn hồng lũy trúc xanh  
Trùng điệp đồi cao khoa lực lưỡng  
Ngang tàng hoa trái báo an khang  
Ve kêu chim hót rừng mơn gió  
Non nước đồng ca khúc thái bình.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Với một Thiền giả, nhìn tất cả các pháp đều là Phật pháp. Ở đây Thi nhân muốn đề cập đến sự thành công và phát triển của vũ trụ nhân sinh, cũng ngầm nhắc nhở cho những người học Phật hiểu rằng:

*“Vui xuân vui khắp phương trời*

*“Buồn xuân riêng để cho người tương tư”*

Bởi vì, một khi chúng ta tu hành đạt đến trình độ vô tu vô chứng thì tất cả cỏ cây, trời trăng mây nước đều tỏa lên một sức sống lành mạnh vui tươi, khi ấy tâm tưởng của Thiền giả hòa quyện với không gian vô cùng, thời gian vô cực. cộng thêm cảnh sắc và khí hậu vùng cao nguyên tạo nên một nét đẹp thiên nhiên lành mạnh:

*Ve kêu chim hót rừng mơ gió*

*Non nước đồng ca khúc thái bình.*

Non nước trong ta, non nước Di Đà tự tánh, duy tâm Tịnh Độ... Non nước mà tất cả người con Phật cần phải trở về. Chính non nước ấy có sương mờ bảng lảng, nắng nhạt sơn hồng, thông xanh trúc biếc...

## Tham Thiền 103

### NHỚ KHUẤT NGUYÊN

Khinh phường ô lại lũ tham quan  
Một mất nghìn thu tiếng vẫn còn  
Ngũ ngoặt Khuất Nguyên sơ ngũ nhứt  
Mịch La trầm một chấn thương thương!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Người xưa nói: “Nhơn tử lưu danh, hổ tử lưu bì”. Câu ngạn ngữ Trung Hoa ấy tôi không cần biết xuất xứ từ đâu? Ai là tác giả? Tôi cũng như các bạn, hẳn phải khẳng định giá trị câu ngạn ngữ kia bất hủ, không sai.

Cái chết của Khuất Nguyên ở sông Mich La “chết mà không chết”. Chết cho lịch sử thêm trang. Có những kẻ sống sờ sờ, mặt to bụng phệ, báo chí vạch mặt chỉ tên, mực hao giấy hết, dân đen nguyên rủa khàn giọng khô môi. Đó là những kẻ “sống mà không sống”.

Nhờ Khuất Nguyên mà ngàn vạn hộ gia đình có chè, xôi, chuối cúng tết nửa năm (mùng 5 tháng 5). Nhờ Khuất Nguyên chết vạn vạn gia đình Á Đông lớn, bé, trẻ, già được ăn bánh ú nước tro, ngon lành lắm lắm ...

Hùm chết để da, người ta chết để tiếng, há  
chẳng “chân lý” là gì?

### **Tham Thiền 104**

## **SINH NHẬT LIỄU LIỄU ĐƯỜNG**

Ngày này năm ngoái đến nơi đây  
Thăm thoát tròn năm chuyển biến hay  
Phật tử vô tâm hay hữu ý?  
Liễu Đường sinh nhật lại thăm Thầy!

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯỜNG

Hôm nay mùng 5 tháng 5 năm Mậu Tý, Tấn  
Thiện và Thanh Đức, hai mẹ con đến thăm Thầy.

Thầy đến ở đất Cao Nguyên mùng 5 tháng 5  
năm Đinh Hợi, tính đến nay, gọi theo cung cách “vô  
minh” là **Sinh Nhật Liễu Liễu Đường** tròn 1 tuổi.

Gọi là năm hay tuổi chỉ là hý luận, chớ Liễu  
Liễu Đường làm gì mà có “sanh” để rồi chừng nào  
Liễu Liễu Đường lại phải ra đi?

Rõ ràng, bởn cợt với **vô minh** mà!

**Tham Thiền 105****Vịnh cảnh LẠC SƠN THÔN**

Sáng sớm sương sa phủ núi rừng  
Cỏ cây mờ ảo lẩn thiêng nhiên  
Dăm cô thôn nữ đi làm cỏ  
Mấy Bác nông phu chuyển tải phân  
Mân nhän “cà phê” xanh mịch mịch  
Bạt ngàn lâm sản muối trùng trùng!  
Cao nguyên khởi sắc người no ấm  
Non nước bình yên vạn kỷ xuân.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Có đến vùng Cao nguyên chúng ta mới cảm nhận được sức chịu đựng của con người ở miền sơn cước. Đồi núi trập trùng, triền dốc đổ nghiêng, thế mà những con người cần khổ vẫn dệt nên những tấm thảm xanh giữa đất trời bao la trùng điệp.

Rõ ràng:

“Đôi tay ta làm nên tất cả

“Với sức người sỏi đá cũng thành cơm”

Hoặc: “Không có việc gì khó

“Chỉ sợ lòng không bền”

Đúng vậy, chỉ cần ta tạo thói quen, rồi thói quen sẽ tạo lại mình. Chỉ cần ta luôn luôn sống trong thiền định, rồi đến một lúc nào đó tự thiền định có trong ta mà ta không cần phải gia tâm, chủ ý:

“Đi cũng thiền, ngồi cũng thiền

“Nói năng động tĩnh thể an nhiên”

Càng thú vị hơn khi Thiền giả được sống giữa  
cảnh đất trời cao rộng, ẩn mình trong làn sương  
mỏng ban mai, thong dong rảo bước bên luống cà  
phê xanh mướt đang thu mình khép nép cạnh đồi  
thông hùng vĩ hiên ngang.

*Mãnh nhẫn “cà phê” xanh mịch mịch  
Bạc ngàn lâm sản mướt trùng trùng !*

## Tham Thiền 106

### NHỚ LẠI NGÀY SANH

01/03/Mậu Thìn (1928) – 01/03/Mậu Tý (2008)

81 tuổi

Sáng sớm hôm nay một tháng ba  
Lão đi đốn gậy cánh rừng xa  
Trồng cây kỷ niệm chiều sinh nhật  
Tám mốt xuân thu thoắt đã qua.

## TRỰC CHỈ ĐỀ CƯƠNG

Giữa trời đất bao la, những con đường quanh co uốn khúc, leo dốc xuống đồi len lỏi trong rừng lau sậy hoang vu, Thi nhân hòa mình với vũ trụ, rảo bước đến rừng cây ở tít xa để tìm những chiếc gậy đơn sơ mà hữu dụng. Với hình ảnh Thiền sư đốn gậy cánh rừng xa, vừa nghe đến ai cũng phải ngưỡng mộ một bức tranh thiên nhiên độc nhất vô nhị nầy.

Một sự ngẫu nhiên tình cờ, hôm nay cũng một tháng ba nhưng là năm Kỷ Sửu, Tác giả lại một lần nữa hay nói đúng hơn là thêm một năm nữa mặc vào chiếc áo lão làng tâm cở. Tám mươi hai tuổi, ở cái tuổi mà bất kỳ người bình thường nào cũng đều mơ ước, cộng thêm trí tuệ và sức khỏe hiếm người có được.

Nhưng không phải lúc nào cuộc đời cũng đẹp như mơ. Bởi vì một tháng ba hôm nay, Thi nhân không đi đốn gậy ở cánh rừng xa, mà Thi nhân đi đốn gậy trong rừng chánh pháp, loại bỏ những dây chùm gối bám chặt vào thân cây cổ thụ, làm cho cây

suy yếu và lụn tàn. Với đôi tay không, “không công danh, không sự nghiệp” Thi nhân hy vọng đốn cây chỉ nhờ chiếc rìu công lý. Cho nên 01/3/ Kỷ Sửu này lại có thơ rằng:

*Cho đến hôm nay một tháng ba  
Lão không đốn gậy cánh rừng xa  
Chuyển sang định hướng quy Phật sự  
Diệt lũ tham tàn loại ác ma.*

01/03/Mậu Thìn (1928) – 01/03/Kỷ sửu (2009) 82 tuổi



## BẠT VĂN

Văn tuệ, Tư tuệ, Tu tuệ nói đơn giản: Văn, Tư, Tu, kinh điển thường gọi đó là TAM TUỆ HỌC. Người đệ tử Phật xuất gia cũng như tại gia, muốn tu theo đạo Phật, học kinh điển Phật, cần tuân thủ học tập với một tiến trình nhất quán ấy.

VĂN TUỆ, nghĩa là khi nghe kinh, nghe giảng, hoặc xem, hoặc thấy một “Phật sự” nào đó, ta phải vận dụng lý trí mà nghe mà xem. Người đệ tử Phật chọn chánh không xem, không nghe những gì không phù hợp lời Phật ý kinh, qua lý trí nhận thức của mình.

TƯ TUỆ, nghĩa là sử dụng lý trí của ta, rằng: điều ta vừa nghe, điều ta vừa thấy, điều ai đó khuyên bảo ta làm, có phù hợp với lời Phật không? Có chân lý không? Nếu ta nghe lời khuyên bảo ấy, ta được gì? Nếu ta không nghe lời khuyên bảo ấy, ta được gì? Nếu ta làm theo lời khuyên bảo ấy, ta được gì? Nếu

ta không làm theo lời khuyên bảo ấy, ta được gì? Sự lựa chọn, phân tích, nhận thức, đánh giá ấy, là do ta sử dụng tốt Tư Tuệ.

Văn Tuệ và Tư Tuệ, tác động mật thiết lẩn nhau. Nó làm tiền đạo, dọn dẹp khai phóng con đường thông thoáng, tạo môi trường trong sạch để chờ hành giả “lên đường”! “Văn” và “Tư” ví như con mắt và tánh thấy. Hễ mở mắt là có thấy. Hễ thấy là đang mở mắt. Điều quan trọng là thấy tối biết rằng ta đang thấy tối, thấy sáng biết rằng ta đang thấy sáng. Thấy bãi phân bò, ta biết ta đang thấy bãi phân bò. Thấy một cành hoa hồng, ta biết ta đang thường thức nét đẹp mầu nhiệm của hoa hồng. Đó là công dụng của “Văn, Tư”, có Tuệ.

TU TUỆ, được xếp vào giai đoạn ba. Có thấy rõ cảnh vật, có biết rõ thời tiết, khí hậu, đã nhận chân con đường phẳng phiêu thông thoáng, hành giả khởi hành. Khởi hành ở đây, là người đệ tử Phật hạ thủ công phu, phát tâm tu hành. Người con Phật, thường để tâm tư duy, quán chiếu ba sự khởi động, biểu lộ ra thân, miệng và ý của mình. Tu có nghĩa là “SỬA”. Sửa cái gì? sửa thân, sửa miệng, sửa ý. Nếu thân, miệng, ý nghĩ sai, nói sai, làm sai. Nghĩ điều tội ác, nói điều tội ác, làm điều tội ác ... thì loại bỏ nó đi và nhớ lời của ba đời chư Phật, rằng:

“Chư ác mạc tác  
 “Chúng thiện phụng hành  
 “Tự tịnh kỳ ý  
 “Thị chư Phật giáo.

Có nghĩa, rằng:

*Những điều gì ác không làm  
 Những điều thiện trân trọng làm hết  
 Giữ ý mình luôn trong sáng  
 Đó là lời chư Phật ba đời.*

Cũng VĂN, cũng TU, cũng TU mà không TUỆ  
 thì tai hại khôn lường, không những không đem lại  
 cho ta an lạc mà có thể càng ngày càng thêm nhiều  
 đau khổ.

“VĂN”, vẫn nghe nhiều, nghe đủ thứ “Kinh”;  
 đủ hạng “Thầy”. Ai nói gì nghe ráo. Không tốt!

“TU”, vẫn nghĩ ngợi nhiều, vẫn tưởng mơ, vẫn  
 mong đợi, trông chờ, thậm chí khấn nguyện, van xin,  
 lạy cúng chí thành, tha thiết. Không tốt. Tu sai rồi!

“TU”, vẫn là một thiện ý, nhưng tu mà tự khắc  
 khổ bản thân, kinh điển quở thành phần tu sai lạc ấy

bằng thuật ngữ: KHÔI THÂN DIỆT TRÍ, tự dãi nắng  
dầm sương, hành hạ thân thể, đóng bít tư duy, hủy  
diệt tâm tưởng, hy vọng ngày nào đó không còn tri  
giác, để tránh mọi nỗi khổ ở cõi đời ...

Hồi Phật tại thế, nước Ấn Độ đã có rất nhiều  
đạo, nhiều giáo phái tu hành. Họ cũng đã từng tu  
“Giới” tu “Định” một cách nghiêm ngặt với ý chí  
mạnh liệt để được về với cõi “Phạm thiên”. Pháp tu  
của ngoại đạo kia, không theo kịp đạo Phật, không  
đem lại kết quả an lạc cho họ, tại vì họ không khai  
thác được hạt giống trí tuệ vốn có của mọi con người.

Thế cho nên:

GIỚI HỌC, ĐỊNH HỌC, TUỆ HỌC. VĂN TUỆ,  
TƯ TUỆ, TU TUỆ là giáo lý then chốt, là cửa ngõ mở  
rộng, là con đường thênh thang bằng phẳng để đón  
rước Phật tử hữu duyên. Trong đó, TUỆ là chánh  
nhân thành Phật.

Kinh A Hàm, đức Phật có dạy bốn Đại pháp,  
người trí nghe mà xúc động bồi hồi. Khó tìm một  
đấng Giáo chủ “DÂN CHỦ” từ những thời phong  
kiến quân chủ chuyên chế nghiệt ngã xa xưa, rằng:

Hởi các Thầy Tỳ kheo, các đệ tử của ta!

1) Các ông đừng vội tin những gì họ nói, dù họ nói họ là Sa môn, Bà La môn.

2) Các ông đừng vội tin những gì họ nói, dù họ nói họ là Lục sư... trưởng giáo.

3) Các người đừng vội tin những gì họ nói, dù họ nói họ là kỳ cựu đa văn uyên thâm, bát lâm ...

4) Các người đừng vội tin những gì họ nói, dù họ nói là họ mới nghe lời Phật nói trước đây mấy phút, mấy giây...

Không vội tin là một ý thức, một thái độ khôn ngoan để không vướng vào cạm bẫy của thiên ma, của ngoại đạo tà sư. Xưa đã vậy, nay đang vậy và mai sau cũng sẽ vậy, phải vận dụng TRÍ TUỆ trên bước đường:

*Tâm sư, phỏng đạo, vị tam thiền*

*Tự tùng nhận đắc tào khê lộ*





## PHỤ LỤC



## MẤT ĐIỆN

“Mình”\* hư không phải điện đường hư  
Thế nên làng xóm tự như như  
Âm vang hỉ hạ vui toe toét  
Riêng một nhà ta bị tối hu !

Chiều mùng 03/06/Mậu Tý  
(05/07/08)

---

\* Mình : Chỉ cho sự chấp ngã và ngã sở hữu, bao hàm cả tư tưởng bảo thủ “Giọt máu đào hơn ao nước lâ”

# **HOÀNG HÔN TRÊN ĐẤT CAO NGUYÊN (Tự Cảm)**

Một già một gãy một “ba lô”  
Bảng lảng hoàng hôn một lộ đồ  
Lặng lẽ rừng thông chờ Ngọc Thố  
Võ vàng nắng nhạt kéo Kim Ô  
Tám mươi lẻ tuổi chân còn khỏe  
Sáu chục dư năm trí chưa mờ  
Ngoạn cảnh sơn khê hình chảng bóng  
Bên trời Bát Nhã tỏ ai chừ?! \*

18 giờ 30, 14 – 12 – 2007  
Mồng 5 tháng 11 năm Đinh Hợi

---

Kim sanh tiệm tu quyết đoán  
Tưởng liệu bất do biệt nhơn...

## TỰ TÌNH (Họa vận)

Hăng Nga dòi dõi nước sông Lô  
Tâm một xuân qua chẳng ý đồ  
Trí lực có thừa dâng thí thố  
Lợi quyền cam thiếu dứt tham ô  
Tâm như nước chảy tâm hăng sạch<sup>(1)</sup>  
Ý tự trăng thanh ý chửa mờ<sup>(2)</sup>  
Vòi voi sáng trong dường núi tuyết  
Liêm minh trực chánh<sup>(3)</sup> tặng ai chừ !

Liễu Liễu Đường  
Đôi Tà Dương

Ngày 27 tháng 11 năm Đinh Hợi

05 – 01 – 2008

---

<sup>(1)</sup> Tâm tự bạch vân thường tự tại

<sup>(2)</sup> Ý như lưu thủy nhậm đông tây

<sup>(3)</sup> Liêm : Thanh liêm – Minh : Anh minh – Trực : Cương trực – Chánh : Trung chánh

## BÌNH MINH TRÊN ĐẤT CAO NGUYÊN

Bình minh lố hiện xứ cao nguyên  
Mờ nhạt sương sa khắp núi rừng  
Mở mắt trời xanh ban nắng sáng  
Trải lòng đất đỏ nhận tia hồng  
Thong dong Sơn nữ gùi hoa trái  
Đĩnh đạc Nhàn tảng nhập tĩnh thiền  
Cảnh tịch tâm không lành lạnh mát !  
Chạnh lòng lưu luyến, luyến thiên nhiên.

10 giờ, ngày 07 tháng 12 năm Đinh Hợi  
14 – 01 – 2008

## TIẾNG GÀ GÁY TRƯA

Tiếng gà eo óc gáy trưa  
Cúc cu đồng vọng xa đưa điệu buồn  
Giọng khàn chim vịt héo hon  
Rừng xanh mây trắng xói mòn ước mơ  
Trăm năm còn chẳng gọi dài  
Ba trăm sáu chục\* sánh tày phù du  
Hèn sang đâu mối hận thù  
Một đời vay trả nghìn thu khôn cùng.

---

\* Ba trăm sáu chục...: Một năm

## **CHIM VỊT KÊU CHIỀU**

Hoàng hôn chim vịt kêu chiều,  
Bâng khuâng nhớ Phật, nhớ điêu Phật răn:  
Sơn xuyên quốc độ vô thường,  
Tư duy thực tướng quán tường chân không  
Sắc không, không sắc nhũ lòng  
Mấy ai ý hiệp tâm đồng với ai?  
Thôi thì... mình biết mình hay  
Mà vui sông núi, mà cười trăng sao./.

## CHƠI !

Thưa nếu có :

“Pháp lữ hỏi : huynh răng đứng nớ ?  
Xin đáp : Đời tôi độc có chơi...”

Chơi chờ chân cứng đá mềm

Trời yên biển lặng mọi miền đầy hoa

Chơi chờ xuân đến đông qua

Cho tâm rỗng lặng như bầu thái hư

Chơi như thuở bé ngày nào

Nhin trăng trăng sáng nhìn trời trời xanh

Chơi chờ Di Lặc hạ sanh

Ô kìa ! Di Lặc giáng sanh đã nhiều\* !

07 giờ, ngày 14/02/Mậu Tý  
(21/03/08)

---

\* Theo nhân quang và nhận thức của đạo Phật, Đức Phật đã dạy : Tất cả chúng sanh đều có khả năng thành Phật; tất cả chúng sanh là Phật sẽ thành. Căn cứ lời dạy đó trên thế giới hiện nay nói chung có trên dưới 8,4 tỷ người, nước Việt Nam nói riêng có trên dưới 82 triệu người. Tất cả đều là Di Lặc giáng sanh, là vị lai Phật.

## **CHƠI RỪNG THÔNG**

Hắc Lư Lư Hạo Thiên Thiên

Hai con chó nhỏ chơi trên đồi thông

Véo von chim hót nắng hồng

Rừng xanh mây trắng mênh mông đất trời.

11 giờ, ngày 17/02/Mậu Tý  
(24/03/08)

## CHỢT NHỎ ...

Ngày tháng trôi trôi thăm thoát thôi !  
Còn đây ! Tám mốt tuổi trong tôi !  
Mồng năm tháng ấy, nay mười tháng  
Nhớ buổi ra đi nhớ Khuất Nguyên !

Ngày 05/03/Mậu Tý  
(10/04/08)

## MƯA CHIỀU

Sương phủ cao nguyên mờ cảnh sắc  
Mưa chiều ảm đạm khóc mây ngàn  
Thương người trách nhiệm nơi quan tái  
Nhớ bạn cần lao chốn ruộng nương  
Một kiếp phù sinh: bi trí dũng  
Bền tâm chất trực: lực uy hùng  
Mưa thu nắng hạ duyên trần thế  
Hiện tượng xoay vần bản thể chân.

Chiều, ngày 28/05/Mậu Tý  
(01/07/08)

## **CAO NGUYÊN TỊCH CẢNH**

Sớm chơi đồi núi tối về am  
Đạm bạc cơm rau khỏi nghĩ toan  
“Phật sự” tiệm nghi tri túc túc  
Lâm tuyỀn tịch cảnh lạc nhàn nhàn  
Thị phi bất thiệp nhơn tình sự  
Quí tiệm vô can tự ngã tâm  
Cát đoạn trần duyên ly tứ tướng  
Vô tâm đối cảnh thị chơn thiền.

Sáng mùng 03/06/Mậu Tý  
(05/07/08)

## LỬA ĐỎ DƯỚI TRẮNG VÀNG

Tà Dương vừa khuất bóng tà dương\*  
 Vầng vặc trăng treo Liễu Liễu Đường  
 Ngọn lửa bập bùng khoa vũ điệu  
 Võng giăng lển khẩn bóng thông rừng  
 Ve ngâm khàn điệu sâu không khóc  
 Dơi lượn đêm thanh đón bạn tình ?  
 Trăng lạnh trời trong hơi lửa ấm  
 Lòng ta thanh thoát hạ như xuân.

Trọng Hạ năm Bính Tý  
 13 – 06 – ÂL  
 8 giờ sáng, ngày 15 – 7 - 2008

---

\*Đôi Tà Dương của Liễu Liễu Đường vừa khuất bóng chiều tà

## TRÊN ĐỈNH THÁP XUẤT HIỆN HÀO QUANG?

Hào quang chiếu tới xẹt lui chi?  
Sánh với hải đăng khác điểm gì?  
Thân Phật nghìn xưa không tự sáng  
Đèn dầu ai cúng Phật dùng thôi!

09/03/2009  
13/02/Kỷ Sửu

**Bởn  
Cợt**      **BẠN ĐỒNG SONG**

Sống dẫu sang giàu chết cũng meo!  
Chùa hơn chục cảnh khoái tim teo!  
Á, Âu, Úc, Mỹ luồng tuông ráo  
“Chứng đạo” trình ra lượm dollars.

16/03/2009  
(20/02/Kỷ Sửu)

## PHẬT NGỌC

Cảm tác “Phật Ngọc” được chở tới Tp. HCM lần đầu

Ngày 30/3//2009 (Mùng 5/3/Kỷ Sửu)

Phật ngọc đồn vang khắp đó đây  
Ngọc thành ra Phật nực cười thay!  
Thế Tôn: Giác giả phàm nhân biết  
“Phật ngọc” vừa nghe, Phật hởi ơi!

“Phật ngọc” vừa nghe, Phật hởi ơi!  
Thương cho Phật tử thiếu minh sư  
Vô tri, Giác giả xa rời vực  
Lạy “Ngọc” lòng mơ lạy Phật Đà!

“Ngọc, đá, vàng, thau” chung: khoáng vật  
Hữu vi vô chủ cộng duyên sanh  
Trần gian mộng ảo, thân tâm huyền  
Phật ngọc hơn gì Phật đất nung?!

## **NHẤT BỘ NHẤT BÁI**

Lạy trời? Lạy đất? Lạy hư không?  
Cóng róng thân trai! Lạy lộn sòng  
Bạc phước cho ai khoe lạy giỏi  
Dẫm chân đường cũ Tiết Đinh San!

Ngày 03/04/2009

Mùng 09/03/Kỷ Sửu

## MƯA ĐÊM

Đêm đen nào ngại đám mây đen  
Thức giả ai đi nhường mắt nhìn  
Nhọc sức luống công mong rạng rỡ  
Thôi thì nhắm lại ngủ đi em!

Trường Phật Học Tp. HCM  
Ngày 07/04/2009  
13/03/Kỷ Sửu

## TẤM THÂN SON PHẤN

Quần thoa lấm kẻ quá vô tình  
Phận phấn duyên son gãm tự khinh  
Hết kiếp điểm tô phường khả ố  
Tàn đời phục vụ bọn vô liêm  
Á Âu yêu ghét không quyền chọn  
Nam Bắc hèn sang vẫn phải thương  
Những tưởng đào hoa là hạnh phúc  
Chém cha! Tài mệnh bất tương phùng.

Trường Phật Học Tp. HCM  
Ngày 23/04/2009  
29/03/Kỷ Sửu

## **TIẾNG VỌNG KHÔNG PHƯƠNG HƯỚNG**

Tỉnh thức đi! người tỉnh thức đi  
Nối dài mộng mị có hay chi!  
Bao nhiêu xuân ấy bao thu ấy  
Một kiếp phù vân giữ được gì.

Liễu liễu Đường  
Mùng 05/4/Kỷ Sửu  
29/4/2009

# **NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ THI TẬP**

---

Pháp Sư **THÍCH TỬ THÔNG**  
**NHƯ HUYỄN THIỀN SƯ**

## **Nơi ấn hành**

**Trường Phật Học Tp. Hồ Chí Minh**  
Số 1, đường số 8, phường Phước Bình, Quận 9  
Điện thoại: 08.62827654

**LIỄU LIỄU ĐƯỜNG**  
Đồi Tà Dương, Thôn Lạc Sơn, Xã Phú Sơn  
Huyện Lâm Hà, Tỉnh Lâm Đồng  
Điện thoại: 063.2220809 – 0918.943189

Website:      - <http://www.chuavietnam.com>  
                  - <http://www.pgvn-haitrieuam.com>  
                  - <http://www.lieulieu.eduong.org>

- <http://www.phatphapdaithua.com>

## MỤC LỤC



Phi lộ .....	Trang 3
Tiểu dẫn .....	5

### PHẦN I : PHỤ CHÁNH .....7

1. Tham thiền 1– Câu đối I Liễu Liễu Đường.....	9
2. Tham thiền 2– Câu đối II Liễu Liễu Đường.....	14
3. Tham thiền 3– Thấy trăng .....	20
4. Tham thiền 4– Học thấy .....	23
5. Tham thiền 5– Gặp Phật và thấy cảnh .....	26
6. Tham thiền 6– Thả diều.....	29
7. Tham thiền 7– Thiền trà.....	34
8. Tham thiền 8– Trà đạo.....	38
9. Tham thiền 9– Nhân quả.....	43
10. Tham thiền 10– Học đạo.....	48
11. Tham thiền 11– Diệt vọng.....	52
12. Tham thiền 12– Tin tưởng.....	56
13. Tham thiền 13– Ta bà – Cực lạc.....	61
14. Tham thiền 14– Thiền quán 1 .....	65
15. Tham thiền 15– Thiền quán 2 .....	69

16. Tham thiền 16– Quán Thân .....	72
17. Tham thiền 17– Quán Tâm .....	75
18. Tham thiền 18– Tâm .....	78
19. Tham thiền 19– Quán Thức uẩn .....	81
20. Tham thiền 20– Quán Ngã .....	86
21. Tham thiền 21– Quán Cảnh .....	89
22. Tham thiền 22– Học về chữ Pháp .....	92
23. Tham thiền 23– Lại học về chữ Pháp .....	95
24. Tham thiền 24– Học về chữ Quán .....	99
25. Tham thiền 25– Niệm Phật .....	103
26. Tham thiền 26– Ngũ ấm vô ngã .....	107
27. Tham thiền 27– Cách hàng phục tâm của Bồ tát .....	111
28. Tham thiền 28– Chỗ trụ tâm của Bồ tát .....	115
29. Tham thiền 29– Ý Phật .....	118
30. Tham thiền 30– Thành Phật .....	122
31. Tham thiền 31– Làm gì để thấy được Như Lai.....	126
32. Tham thiền 32– Tuổi thọ .....	131
33. Tham thiền 33– Âm vang cảnh tĩnh .....	134
34. Tham thiền 34– Thuyết pháp .....	137
35. Tham thiền 35– Nếu được ước .....	141
<b>PHẦN II : TỒI TÀ .....</b>	<b>145</b>
36. Tham thiền 36– Thiên thủ thiền nhã 1.....	147
37. Tham thiền 37– Thiên thủ thiền nhã 2.....	150
38. Tham thiền 38– Thiên thủ thiền nhã 3.....	152
39. Tham thiền 39– Thiên thủ thiền nhã 4.....	155

40. Tham thiền 40– Thiên thủ thiên nhãn 5.....	158
41. Tham thiền 41– Thiên thủ thiên nhãn 6.....	162
42. Tham thiền 42– Ngịch vấn Địa Tạng Bồ tát thi.....	166
43. Tham thiền 43– Địa Tạng Bồ tát.....	171
44. Tham thiền 44– Nhìn qua tục đế.....	177
45. Tham thiền 45– Cô hồn.....	180
46. Tham thiền 46– Tam giới .....	183
47. Tham thiền 47– Tam đồ.....	188
48. Tham thiền 48– Chích máu tả kinh.....	193
49. Tham thiền 49– Chuộng hỏa táng.....	196
50. Tham thiền 50– Sợ hỏa táng.....	199
51. Tham thiền 51– Giỗ tổ.....	202
52. Tham thiền 52– Nhập thất.....	206
53. Tham thiền 53– Sống mà không sống .....	209
54. Tham thiền 54– Chết mà không chết.....	213
55. Tham thiền 55– Võ về.....	217
56. Tham thiền 56– Xin được cười.....	222
57. Tham thiền 57– Lê bái.....	228
58. Tham thiền 58– Quả báo của Phật.....	231
59. Tham thiền 59– Lạy vía Di Lặc.....	234
60. Tham thiền 60– Giao Thừa.....	237
61. Tham thiền 61– Tế sao.....	241
62. Tham thiền 62– Chùa cháy.....	244
63. Tham thiền 63– Huynh đệ chi tình .....	248
64. Tham thiền 64– Hối hận.....	251
65. Tham thiền 65– Lời lão Tăng.....	255
66. Tham thiền 66– Tiếng vọng linh sàng.....	258

67. Tham thiền 67– Tiêng van từ đáy mộ.....	262
68. Tham thiền 68– Đắng bể trên .....	266
69. Tham thiền 69– Đắng tiếp dẫn.....	269
70. Tham thiền 70– Con hờn cha nhà có phúc.....	273
71. Tham thiền 71– Đất động tâm.....	277
72. Tham thiền 72– Cầu siêu.....	282
73. Tham thiền 73– Tham vấn Thiền lão tiền bối.....	286
74. Tham thiền 74– Tham danh ma.....	290
75. Tham thiền 75– Tắm Phật .....	293
76. Tham thiền 76 – Từ Đạo Hạnh - Nguyễn Minh Không .....	298
77. Tham thiền 77 – Chùa Một Cột.....	300
78. Tham thiền 78 – Xương lưu – xác ướp.....	303
79. Tham thiền 79 – Áo lục thù.....	306
80. Tham thiền 80 – Tiến sĩ họ Thích.....	309
81. Tham thiền 81 – Hãy nhìn ta.....	313
82. Tham thiền 82 – Ta và nó.....	316
83. Tham thiền 83 – Nhớ chú thợ rừng.....	319
84. Tham thiền 84 – Thương chú thợ rừng nhỏ.....	322
85. Tham thiền 85 – Nhà ngoại cảm.....	325
<b>PHẦN III : SÁCH TẤN .....</b>	<b>329</b>
86. Tham thiền 86– Rừng thông .....	331
87. Tham thiền 87– Sơn khê ngoạn cảnh .....	334
88. Tham thiền 88– Sương lạnh Tây nguyên.....	338
89. Tham thiền 89– Nắng đẹp Tây nguyên .....	341

91. Tham thiền 91– Nấm mang .....	340
92. Tham thiền 92– Đông xuân .....	351
93. Tham thiền 93– Trăng khuya .....	353
94. Tham thiền 94– Một sớm tinh sương .....	359
95. Tham thiền 95– Tây nguyên hoài cảm .....	363
96. Tham thiền 96– Tự trào .....	366
97. Tham thiền 97– Thiền lão đạo chơi rừng .....	369
98. Tham thiền 98– Tiếng chuông chùa .....	372
99. Tham thiền 99– Nấm mộ đồi hoang .....	376
100. Tham thiền 100– Tây nguyên tự cảm .....	380
101. Tham thiền 101– Tiếng ve sầu .....	383
102. Tham thiền 102– Cảm hứng nước non nhà .....	386
103. Tham thiền 103– Nhớ Khuất Nguyên .....	388
104. Tham thiền 104– Sinh nhật Liễu Liễu Đường .....	390
105. Tham thiền 105– Vịnh cảnh Lạc Sơn Thôn .....	392
106. Tham thiền 106– Nhớ lại ngày sanh .....	495
Bạt văn .....	399
 <b>PHỤ LỤC THƠ</b> .....	405
 Mất điện .....	407
Hoàng hôn trên đất cao nguyên .....	408
Tự tình .....	409
Bình minh trên đất cao nguyên .....	410
Tiếng gà gáy trưa .....	411
Chim vịt kêu chiều .....	412

Chơi rừng thông .....	414
Chợt nhớ .....	415
Mưa chiều .....	416
Cao nguyên tịch cảnh .....	417
Lửa đỏ dưới trăng vàng .....	418
Trên đỉnh tháp xuất hiện hào quang .....	419
Bốn cột bạn đồng song .....	420
Phật ngọc .....	421
Tam bộ nhất bái or Nhất bộ nhất bái .....	422
Mưa đêm.....	423
Tấm thân son phấn.....	424
Tiếng vọng không phương hướng.....	425